**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

CHƯƠNG TRÌNH ETEP TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI

---o0o---

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG CỐT CÁN

**MÔ ĐUN 3**

**KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

***HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP***

THÁNG 8 NĂM 2020

|  |  |
| --- | --- |
| **BAN BIÊN SOẠN TÀI LIỆU** | |
| **1. TS. Nguyễn Nam Phương**  **2. ThS. Bùi Xuân Anh**  **3. TS. Trần Thị Cẩm Tú**  **4. PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Hồng**  **5. PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền**  **6. ThS. Đàm Thị Vân Anh**  **7. TS. Mai Quốc Khánh**  **8. ThS. Lê Thị Thu Liễu**  **9. TS. Nguyễn Thanh Hùng**  **10. TS. Nguyễn Ngọc Tú** | ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐH SP – ĐH Thái Nguyên  ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐH Sư phạm Hà Nội  ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh  ĐHSP – ĐH Huế  ĐHSP Hà Nội 2 | |

**MỤC LỤC**

[DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT 1](#_Toc50281848)

[CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ 2](#_Toc50281849)

[GIỚI THIỆU VỀ MODULE 3 5](#_Toc50281850)

[GIỚI THIỆU KHÓA TẬP HUẤN QUA MẠNG 7](#_Toc50281851)

[A. CÁC HOẠT ĐỘNG TẬP HUẤN QUA MẠNG 8](#_Toc50281852)

[B. KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG 8](#_Toc50281853)

[C. ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC QUA MẠNG 20](#_Toc50281854)

[GIỚI THIỆU KHÓA BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP 22](#_Toc50281855)

[A. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG 22](#_Toc50281856)

[B. NỘI DUNG CHÍNH 22](#_Toc50281857)

[C. HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP (3 NGÀY) 23](#_Toc50281858)

[D. KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP 3 NGÀY 28](#_Toc50281859)

[E. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG 32](#_Toc50281860)

[TÀI LIỆU ĐỌC 33](#_Toc50281861)

[NỘI DUNG 1: CÁC XU HƯỚNG HIỆN ĐẠI VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, GIÁO DỤC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH 33](#_Toc50281862)

[1.1. Lí thuyết chung về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục 33](#_Toc50281863)

[1.1.1. Các khái niệm cơ bản 33](#_Toc50281864)

[1.1.2. Mục đích của kiểm tra, đánh giá trong giáo dục 35](#_Toc50281865)

[1.1.3. Các loại hình đánh giá trong giáo dục 36](#_Toc50281866)

[1.2. Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 37](#_Toc50281867)

[1.2.1 Đánh giá vì học tập 37](#_Toc50281868)

[1.2.2 Đánh giá là học tập 37](#_Toc50281869)

[1.2.3 Đánh giá kết quả học tập /tham gia hoạt động giáo dục 38](#_Toc50281870)

[1.3 Đánh giá phẩm chất, năng lực 40](#_Toc50281871)

[1.4. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở 42](#_Toc50281872)

[1.4.1 Đảm bảo tính toàn diện và tính linh hoạt 42](#_Toc50281873)

[1.4.2 Đảm bảo tính phát triển 43](#_Toc50281874)

[1.4.3 Đảm bảo đánh giá trong bối cảnh thực tiễn 43](#_Toc50281875)

[1.4.4 Đảm bảo phù hợp với đặc thù Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 43](#_Toc50281876)

[1.5. Quy trình kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT 44](#_Toc50281877)

[1.6. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cấp THPT 46](#_Toc50281878)

[1.6.1. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 46](#_Toc50281879)

[1.6.2. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 50](#_Toc50281880)

[NỘI DUNG 2: SỬ DỤNG HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, GIÁO DỤC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH THPT/THPT 53](#_Toc50281881)

[2.1 Hình thức đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT 53](#_Toc50281882)

[2.1.1 Đánh giá thường xuyên 54](#_Toc50281883)

[2.1.2. Đánh giá định kì 58](#_Toc50281884)

[2.2. Phương pháp đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT 59](#_Toc50281885)

[2.2.1. Phương pháp trắc nghiệm 61](#_Toc50281886)

[2.2.2 Phương pháp quan sát 61](#_Toc50281887)

[2.2.3 Phương pháp khảo sát phản hồi của học sinh 70](#_Toc50281888)

[2.2.4. Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của học sinh 71](#_Toc50281889)

[2.2.5. Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh 75](#_Toc50281890)

[2.2.6 Phương pháp hội ý giữa các bên có liên quan 77](#_Toc50281891)

[NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH THPT/THPT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 79](#_Toc50281892)

[3.1 Xây dựng công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 79](#_Toc50281893)

[3.1.1 Một số công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 79](#_Toc50281894)

[3.1.2 Định hướng sử dụng các công cụ đánh giá cho các loại hình Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 118](#_Toc50281895)

[3.2 Xây dựng kế hoạch đánh giá trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 123](#_Toc50281896)

[3.2.1 Phân tích yêu cầu cần đạt của trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp, xác định mục tiêu dạy học chủ đề về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù 123](#_Toc50281897)

[3.2.2 Lập kế hoạch đánh giá trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 128](#_Toc50281898)

[3.2.3 Phân tích ví dụ minh hoạ về kiểm tra, đánh giá một trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 131](#_Toc50281899)

[NỘI DUNG 4: SỬ DỤNG VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỂ GHI NHẬN SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ 141](#_Toc50281900)

[4.1 Sử dụng và phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp THPT 141](#_Toc50281901)

[4.1.1 Khái quát về đường phát triển năng lực 141](#_Toc50281902)

[4.1.2 Xác định đường phát triển năng lực chung 141](#_Toc50281903)

[4.1.3 Xác định đường phát triển năng lực đặc thù Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 144](#_Toc50281904)

[4.1.4 Phân tích sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh 148](#_Toc50281905)

[4.2 Định hướng đánh giá mục tiêu giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá để đổi mới phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. 158](#_Toc50281906)

[NỘI DUNG 5: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH THPT/THPT 160](#_Toc50281907)

[5.1 Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong hoạt động trải nghiệm 160](#_Toc50281908)

[5.2. Hướng dẫn thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh 167](#_Toc50281909)

[5.2.1. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức khóa bồi dưỡng tập trung 167](#_Toc50281910)

[5.2.2. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức bồi dưỡng qua mạng 167](#_Toc50281911)

[5.2.3. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn 170](#_Toc50281912)

[5.2.4. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua mô hình hướng dẫn đồng nghiệp 172](#_Toc50281913)

[CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (dành cho LMS) 182](#_Toc50281914)

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Các từ viết tắt*** | ***Viết đầy đủ*** |
|  | GV | Giáo viên |
|  | HS | Học sinh |
|  | ĐGTX | Đánh giá thường xuyên |
|  | ĐGĐK | Đánh giá định kỳ |
|  | HĐTN, HN | Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp |
|  | THPT | Trung học phổ thông |

# CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ

**1. Hoạt động giáo dục**

Hoạt động giáo dục (theo nghĩa rộng) bao gồm hoạt động dạy học các môn học và hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp). Hoạt động giáo dục (theo nghĩa hẹp) là hoạt động của nhà giáo dục tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm hình thành và rèn luyện phẩm chất, giá trị, hành vi, thói quen, lối sống, quan điểm sống cho đối tượng giáo dục.

Trong CTGD PT 2018, hoạt động giáo dục (theo nghĩa rộng) bao gồm hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm. Việc gọi tên khác cho hoạt động ngoài giờ lên lớp ở CTGD PT 2018 không chỉ là vì nội hàm triết lý của hoạt động đó đã thay đổi mà còn thể hiện một cách tiếp cận mới trong giáo dục nhằm hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, đó là dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân.

**2. Trải nghiệm**

Trải nghiệm là quá trình cá nhân tiếp xúc trực tiếp với môi trường và xã hội, với sự vật, hiện tượng, vận dụng vốn kinh nghiệm và các giác quan để quan sát, tương tác, cảm nhận về sự vật, hiện tượng đó. Trải nghiệm diễn ra dựa trên những hiểu biết đã có của cá nhân về sự vật, hiện tượng; là quá trình hoạt động để kết nối những hiểu biết đó và hình thành kinh nghiệm mới, kĩ năng và năng lực phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh.

**3. Giáo dục hướng nghiệp**

Giáo dục hướng nghiệp bao gồm toàn bộ các hoạt động của nhà trường phối hợp với gia đình và xã hội nhằm trang bị kiến thức, hình thành năng lực hướng nghề nghiệp cho học sinh, từ đó giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, tính cách, sở thích, quan niệm về giá trị của bản thân, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của gia đình và phù hợp với nhu cầu của xã hội. Giáo dục hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và sau trung học phổ thông

**4. Đánh giá tổng kết**

Đánh giá tổng kết, còn gọi là đánh giá kết quả, là đánh giá có tính tổng hợp, bao quát nhằm cung cấp thông tin về sự tinh thông/thành thạo của học sinh ở các mặt nội dung kiến thức, kĩ năng và thái độ sau khi kết thúc một khóa/lớp học hoặc một môn học/học phần/chương trình.

**5. Đánh giá quá trình**

Là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học/khóa học, cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động hướng dẫn, giảng dạy.

**6. Nội dung giáo dục địa phương**

Nội dung giáo dục của địa phương là những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của địa phương bổ sung cho nội dung giáo dục bắt buộc chung thống nhất trong cả nước, nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học để góp phần giải quyết những vấn đề của quê hương.

**7. Kế hoạch đánh giá**

Là bản thiết kế tổng thể cho các hoạt động đánh giá, trong đó xác định rõ mục đích đánh giá, nội dung, phương pháp, hình thức, công cụ, thời điểm và các đối tượng tham gia đánh giá.

# GIỚI THIỆU VỀ MODULE 3

Khóa tập huấn được thiết kế dành cho giáo viên THPT cốt cán, những người sẽ triển khai các hoạt động tập huấn tiếp theo cho giáo viên đại trà nhằm thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1. **Mục tiêu**

Sau khoá bồi dưỡng, giáo viên THPT cần đạt được những mục tiêu sau:

* Khái quát được những điểm cốt lõi về hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh THPT.
* Lựa chọn và vận dụng được các hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung và hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh ở THPT.
* Thiết kế và sử dụng được các công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh THPT về phẩm chất và năng lực.
* Phân tích và sử dụng hiệu quả kết quả kiểm tra đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh để nâng cao chất lượng dạy học và thúc đẩy học sinh phát triển.
* Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về nhận thức và năng lực tổ chức kiểm tra đánh giá trong giáo dục.

1. **Nội dung của khóa tập huấn**

Khóa tập huấn bao gồm 5 nội dung:

Nội dung 1: Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Nội dung 2: Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Nội dung 3: Xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Nội dung 4:Phân tích, sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường THPT*.*

Nội dung 5: Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

# GIỚI THIỆU KHÓA TẬP HUẤN QUA MẠNG

Bồi dưỡng qua mạng (05 ngày) giúp học viên tự nghiên cứu trước tài liệu, tự học theo các hoạt động đã được thiết kế và trả lời các câu hỏi, thực hành những bài tập **liên quan đến những vấn đề khái quát về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất**, **năng lực học sinh** trước khi tham gia bồi dưỡng trực tiếp đi sâu vào vận dụng cụ thể trong chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (03 ngày). Sau 05 ngày bồi dưỡng qua mạng, giáo viên THPT cần đạt được những mục tiêu sau:

* Trình bày được những xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
* Khái quát được những điểm cốt lõi về phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và kết quả trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh THPT.
* Phác thảo được kế hoạch kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh ở THPT; lựa chọn và thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.
* Biết cách phân tích và sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường THPT.
* Phác thảo được kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

# A. CÁC HOẠT ĐỘNG TẬP HUẤN QUA MẠNG

- Nghiên cứu tài liệu học tập, video hướng dẫn, video minh họa.

- Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nội dung theo hướng dẫn học tập 05 nội dung của Module.

- Thực hiện các bài kiểm tra trắc nghiệm, câu hỏi tự luận, bài thu hoạch trên hệ thống LMS.

- Trao đổi với báo cáo viên qua hệ thống tin nhắn nếu cần.

## B. KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG QUA MẠNG

**Ngày 1: Nội dung 1 và nội dung 2**

**Nội dung 1:** Xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**Nội dung 2:** Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết qủa học tập và kết quả rèn luyện giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. GIỚI THIỆU MODULE 03 VÀ NỘI DUNG 1 +2**  **Xem Video mở đầu giới thiệu chung về Module 3 và những hướng dẫn học qua mạng, địa chỉ trợ giúp học viên.**   |  | | --- | | **Mục tiêu cần đạt của nội dung 1 và 2:**   * - Phân tích được khái niệm phẩm chất, năng lực; chỉ ra được cấu trúc và biểu hiện của phẩm chất, năng lực; * - Phân tích được sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Phân tích được xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức trong kiểm tra, đánh gía theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Trình bày được quy trình kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. |   **B. CÁC HOẠT ĐỘNG**  **Hoạt động 1. Xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 1**   * - Phân tích được khái niệm phẩm chất, năng lực; chỉ ra được cấu trúc và biểu hiện của phẩm chất, năng lực; * - Phân tích được sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Phân tích được xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu (Text, Video, âm thanh, Infographic, hình ảnh); * Làm các bài tập trong hệ thống BT1; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 1**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 1.  **Hoạt động 2. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết qủa học tập và kết quả trong dạy học, giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT, THPT**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 2**   * - Phân tích được các nguyên tắc, phương pháp, hình thức trong kiểm tra, đánh gía theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Trình bày được quy trình kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 2. * Làm các bài tập trong hệ thống BT2; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 2**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 2. |

**Ngày 2: Nội dung 3**

**Xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. GIỚI THIỆU NỘI DUNG 3**  **Xem Video/ Slide giới thiệu về nội dung 3 và những hướng dẫn học qua mạng, địa chỉ trợ giúp học viên.**   |  | | --- | | **Mục tiêu cần đạt của nội dung 3**   * - Biết cách xây dựng kế hoạch đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; * - Thiết kế và sử dụng được công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (hình thức đánh giá thường xuyên) |   **B. CÁC HOẠT ĐỘNG**  **Hoạt động 3. Xây dựng kế hoạch đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 3**   * - Phân tích được các bước trong xây dựng kế hoạch đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; * - Thiết kế được kế hoạch đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 3; * Làm các bài tập trong hệ thống BT3; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 3**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 3.  **Hoạt động 4. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết qủa rèn luyện trong giáo dục theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT, THPT**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 4**   * - Trình bày được các công cụ trong đánh giá thường xuyên theo hướng phát triển năng lực học sinh THPT, THPT; * - Vận dụng để thiết kế các bài tập kiểm tra, đánh giá thường xuyên trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 3; * Làm các bài tập trong hệ thống BT3; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 4**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 3. |

**Ngày 3: Nội dung 3 (tiếp)**

**Xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. GIỚI THIỆU NỘI DUNG 3 (tiếp theo)**  **Xem Video/ Slide giới thiệu về nội dung 3 (tiếp theo) và những hướng dẫn học qua mạng, địa chỉ trợ giúp học viên.**   |  | | --- | | **Mục tiêu cần đạt của nội dung 3**   * - Trình bày được những công cụ trong đánh giá định kỳ; * - Thiết kế được công cụ đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh học trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (đánh giá định kỳ). |   **B. CÁC HOẠT ĐỘNG**  **Hoạt động 5. Công cụ đánh giá định kỳ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 5**   * - Trình bày được các công cụ đánh giá định kỳ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển năng lực học sinh; * - Đề xuất phương hướng vận dụng trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 3; * Làm các bài tập trong hệ thống BT3; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 5**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 3.  **Hoạt động 6. Thiết kế công cụ đánh giá định kỳ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng** nghiệp **theo hướng phát triển năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 6**   * Thiết kế các công cụ đánh giá định kỳ trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển năng lực học sinh (qua hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, qua sản phẩm) |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 3; * Làm các bài tập trong hệ thống BT3; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 6**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 3. |

**Ngày 4: Nội dung 4**

Sử dụng và phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường THPT, THPT.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. GIỚI THIỆU NỘI DUNG 4**  **Xem Video/ Slide giới thiệu về nội dung 4 và những hướng dẫn học qua mạng, địa chỉ trợ giúp học viên.**   |  | | --- | | **Mục tiêu cần đạt của nội dung 4**   * - Phân tích được đường phát triển năng lực học sinh; * - Biết cách sử dụng kết quả đánh giá để đo lường các mức độ phát triển năng lực học sinh; * - Phân tích kết quả đo lường để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, biết cách viết báo cáo về sự phát triển năng lực học sinh. * - Đề xuất các phương hướng đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dựa trên sự phát triển năng lực học sinh. |   **B. CÁC HOẠT ĐỘNG**  **Hoạt động 7. Đường phát triển năng lực học sinh và sử dụng kết quả đánh giá để đo lường các mức độ phát triển năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 7**   * - Phân tích được đường phát triển năng lực học sinh; * - Biết cách sử dụng kết quả đánh giá để đo lường các mức độ phát triển năng lực học sinh. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 4; * Làm các bài tập trong hệ thống BT4; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 7**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 4.  **Hoạt động 8. Phân tích kết quả đo lường để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và viết báo cáo về sự phát triển năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 8**   * - Phân tích kết quả đo lường để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh; * - Biết cách viết báo cáo về sự phát triển năng lực học sinh. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 4; * Làm các bài tập trong hệ thống BT4; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 8**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 4.  **Hoạt động 9. Hướng đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dựa trên sự phát triển năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 9**   * - Phân tích được các xu hướng đổi mới cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hiện nay;   - Đề xuất những phương hướng đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dựa trên sự phát triển năng lực học. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 4; * Làm các bài tập trong hệ thống BT4; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 9**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 4. |

**Ngày 5: Nội dung 5**

**Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. GIỚI THIỆU NỘI DUNG 5**  **Xem Video/ Slide giới thiệu về nội dung 5 và những hướng dẫn học qua mạng, địa chỉ trợ giúp học viên.**   |  | | --- | | **Mục tiêu cần đạt của nội dung 5**   * - Biết cách xây dựng kế hoạch bồi dưỡng/hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Đề xuất các biện pháp thực hiện được kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh tại đơn vị công tác. |   **B. CÁC HOẠT ĐỘNG**  **Hoạt động 10. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng/hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 10**   * - Phân tích được các bước trong xây dựng kế hoạch bồi dưỡng/hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; * - Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng/hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 5; * Làm các bài tập trong hệ thống BT5; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 10**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 5.  **Hoạt động 11. Thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 11**   * Đề xuất các biện pháp thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá nhằm phát triển phẩm chất năng lực học sinh phù hợp với điều kiện của đơn vị đang công tác. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu tài liệu của nội dung 5; * Làm các bài tập trong hệ thống BT5; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 11**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 5.  **Hoạt động 12. THỰC HIỆN BÀI TẬP TỔNG HỢP CUỐI KHOÁ ONLINE**   |  | | --- | | **Yêu cầu cần đạt của hoạt động 12**   * Hoàn thành các bài tập tổng hợp cuối khoá. |   **Nhiệm vụ của học viên**   * Nghiên cứu lại các nội dung chính của Module; * Thực hiện bài tập kiểm tra, đánh giá tổng hợp cuối khoá; * Gửi bài lên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến.   **Giám sát, phản hồi, đánh giá**  Các giảng viên tham gia bồi dưỡng sẽ đánh giá các bài tập học viên gửi trên hệ thống và phản hồi trực tiếp trên hệ thống cho học viên hoặc sẽ tổng kết lại để trao đổi trong quá trình bồi dưỡng trực tiếp.  tải%20xuống **Học liệu phục vụ hoạt động 12**  - Module bồi dưỡng 03- nội dung 1,2,3,4,5. |

## C. ĐÁNH GIÁ KHÓA HỌC QUA MẠNG

- Học viên hoàn thành nghiên cứu 05 nội dung (từ nội dung 01 đến nội dung 05); nghiên cứu các học liệu đồ họa Infographics, videos, tài liệu văn bản theo hướng dẫn.

- Hoàn thành các bài tập ở mỗi nội dung yêu cầu bao gồm câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Câu hỏi trắc nghiệm được phép làm nhiều lần, hệ thống sẽ lưu kết quả cuối cùng. Câu hỏi tự luận cần trả lời trực tiếp và nộp câu hỏi trả lời trên hệ thống LMS.

- Hoàn thành bài tập thực hành cuối khóa “Xây dựng công cụ đánh giá cho một chủ đề/bài học” và nộp lên thệ thống LMS để nhận được góp ý của giảng viên và đồng nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp và nộp lên hệ thống LMS.

- Chuẩn bị các câu hỏi, những vấn đề cần trao đổi để cùng thảo luận với báo cáo viên ở các buổi tập huấn trực tiếp.

***Lưu ý:*** Sau khi thực hiện xong các nhiệm vụ học tập, học viên phải hoàn thành cả phần “Khảo sát cuối khoá học” mới được ghi nhận là hoàn thành toàn bộ khoá học.

# GIỚI THIỆU KHÓA BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP

## A. MỤC TIÊU BỒI DƯỠNG

Cuối khóa bồi dưỡng này, giáo viên THPT có thể:

- Khái quát được những điểm cốt lõi về hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh THPT;

- Lựa chọn và vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung và hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh ở THPT;

- Thiết kế và sử dụng được các công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của học sinh THPT về phẩm chất và năng lực;

- Phân tích và sử dụng hiệu quả kết quả kiểm tra đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và thúc đẩy học sinh phát triển;

- Hỗ trợ đồng nghiệp phát triển về nhận thức và năng lực tổ chức kiểm tra đánh giá trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

## B. NỘI DUNG CHÍNH

1. Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2. Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT.

3. Xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT trong tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

4. Phân tích, sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở THPT.

5. Hướng dẫn xây dựng và thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT.

## C. HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP (3 NGÀY)

**Nội dung 1. CÁC XU HƯỚNG HIỆN ĐẠI VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH**

**Mục tiêu chung:** Sau khi hoàn thành nội dung này, học sinh có thể:

Hệ thống hóa các kiến thức đã học ở các Module trước về tổ chức hoạt động trải nghiệm, phẩm chất năng lực. Phân tích các quan điểm hiện đại cùng các nguyên tắc và quy trình về đánh giá kết quả giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Xác định được đường phát triển năng lực của học sinh trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**Các hoạt động:**

**Hoạt động 1: Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của nội dung 1**

**a. Kết quả cần đạt**

- Trình bày được những điểm cốt lõi của tổ chức hoạt động trải nghiệm trong Chương trình giáo dục phổ thông mới và sự khác biệt giữa đánh giá kết quả học tập trước đây với đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiện nay

- Lấy được ví dụ làm rõ các quan điểm hiện đại của kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và xác định được đường phát triển năng lực học sinh trong tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Phân tích những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các nguyên tắc và quy trình kiểm tra, đánh giá KQHT, giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

**b. Nhiệm vụ của học viên**

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu tài liệu về nội dung 1 về Xu hướng Kiểm tra đánh giá và Chương trình Tổ chức hoạt động trải nghiệm (theo Chương trình mới của Tài liệu phát tay) và trả lời các câu hỏi do GV đề xuất.

- Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm và cho ví dụ minh họa về các quan điểm hiện đại của kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phác thảo đường phát triển năng lực của học sinh trong tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

- Nhiệm vụ 3: Nhóm phân tích những thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các nguyên tắc, quy trình đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong quá trình tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại cơ sở giáo dục phổ thông đang công tác.

- Nhiệm vụ 4: Trình bày nội dung thảo luận trước lớp.

- Nhiệm vụ 5: Đề xuất những thắc mắc và những vấn đề chưa hiểu rõ xung quanh nội dung 1 và nhận phản hồi từ GV.

**c. Tài liệu, học liệu:**

- Tài liệu trang...

- Bút dạ, giấy A0, máy tính, máy chiếu.

**d. Đánh giá:**

- So sánh được sự khác biệt giữa đánh giá kết quả giáo dục trước đây với đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiện nay

**Nội dung 2: XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH THPT TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP VÀ XÁC ĐỊNH QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ THEO HƯỚNG**

**PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC**

**Hoạt động 2: Phân tích video minh họa về việc sử dụng công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

**a. Kết quả cần đạt**:

- Trình bày được mục đích, thời điểm sử dụng, cách sử dụng các công cụ đánh giá trong video mẫu.

- Phân tích được các hoạt động đánh giá cụ thể trong lớp học của video mẫu.

**b. Nhiệm vụ của học viên:**

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu một số video mẫu

- Nhiệm vụ 2: Thảo luận theo nhóm để phân tích đoạn video mẫu: làm rõ mục đích, thời điểm, cách sử dụng các công cụ đánh giá. Phân tích các hoạt động cụ thể của giáo viên, học sinh trong quá trình đánh giá và những kết quả đạt được.

- Nhiệm vụ 3: Hoàn thành sản phẩm và trình bày kết quả.

**c.Tài liệu, học liệu:**

- Video mẫu về sử dụng công cụ đánh giá trong môn học

**-** Bút dạ, giấy A0, máy tính, máy chiếu

**d. Đánh giá.**

- Đánh giá sản phẩm do các nhóm đã thực hiện

**Hoạt động 3: Thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Các công cụ thu thập thông tin về học sinh: câu hỏi, bài tập, thang đo, bảng kiểm, sản phẩm học tập, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp)**

**a. Kết quả cần đạt:**

- Thiết kế được các công cụ thu thập thông tin của học sinh trong tổ chức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**b. Nhiệm vụ của học viên**

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu các công cụ thu thập thông tin về học sinh trong tài liệu trang....

- Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm để xây dựng các công cụ đánh giá thu thập thông tin của học sinh (câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra, sản phẩm học tập, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp).

- Nhiệm vụ 3: Trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp

- Nhiệm vụ 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm của nhóm sau khi nghe các góp ý, nhận xét.

**c.Tài liệu, học liệu**

- Tài liệu trang.....

**-** Bút dạ, giấy A0, máy tính, máy chiếu

**d. Đánh giá**

- Đánh giá các công cụ mà nhóm đã xây dựng

**Hoạt động 4: Thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Các công cụ về đo lường mức độ đạt được của học sinh: bảng kiểm, thang đánh giá, rubric)**

**a. Kết quả cần đạt**

- Thiết kế được các công cụ đo lường mức độ đạt được của học sinh trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**b. Nhiệm vụ của học viên**

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu các công cụ đo lường mức độ đạt được của học sinh trong tài liệu trang....

- Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm để xây dựng các công cụ đo lường mức độ đạt được của học sinh (bảng kiểm, thang đánh giá và rubric).

- Nhiệm vụ 3: Trình bày kết quả làm việc của nhóm trước lớp

- Nhiệm vụ 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm của nhóm sau khi nghe các góp ý, nhận xét.

**c.Tài liệu, học liệu**

- Tài liệu trang.....

**-** Bút dạ, giấy A0, máy tính, máy chiếu

**d. Đánh giá**

- Đánh giá các công cụ mà nhóm đã xây dựng

**Hoạt động 5: Kế hoạch và qui trình đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm**

**a.Kết quả cần đạt:** Xác định được các bước khi lập kế hoạch và xây dựng được qui trình đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm

**b. Nhiệm vụ của học viên:**

**-** Thảo luận và đề xuất các bước khi lập kế hoạch đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Thảo luận và đề xuất các bước trong qui trình đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.

**Nội dung 3. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH THPT**

**Mục tiêu chung:** Hoàn thành xong nội dung này, học sinh có thể:

Hỗ trợ được đồng nghiệp tại trường thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

**Các hoạt động:**

**Hoạt động 6: Xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về đánh giá định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.**

**a. Kết quả cần đạt**

- Mô tả được nội dung các bước lập kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp trong đánh giá phẩm chất, năng lực

- Lập được kế hoạch cụ thể để hướng dẫn đồng nghiệp trong đánh giá phẩm chất, năng lực.

**b. Nhiệm vụ của học viên**

- Nhiệm vụ 1: Nghiên cứu các bước lập kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp trong tài liệu trang...

- Nhiệm vụ 2: Thảo luận nhóm để nghiên cứu mẫu lập kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp đánh giá phẩm chất, năng lực do GV đưa ra và phân tích mẫu.

- Nhiệm vụ 3: Nhóm thiết kế bản kế hoạch hướng dẫn đồng nghiệp đánh giá phẩm chất, năng lực.

- Nhiệm vụ 4: Trình bày kết quả làm việc nhóm

- Nhiệm vụ 5: Chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm của nhóm.

**c. Tài liệu, học liệu**

- Tài liệu trang.....

**-** Bút dạ, giấy A0, máy tính, máy chiếu

**d. Đánh giá**

- Đánh giá bản kế hoạch mà nhóm đã xây dựng.

## D. KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG TRỰC TIẾP 3 NGÀY

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung và các hoạt động** | **Cách thực hiện** |
| **Ngày 1** | **Khái quát được những điểm cốt lõi về hoạt động trải nghiệm và đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THPT** |  |
| **Buổi sáng** | ***Hệ thống hóa kiến thức về các xu hướng hiện đại về kiểm tra đánh giá và các phương pháp, hình thức đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.*** | Hoạt động 1 của Nội dung 1 |
| 7.30 – 8.00 | Khai mạc khóa tập huấn |  |
| 8.00 – 8.15 | Khởi động |  |
| 8.15 – 10.00 | Hệ thống hóa kiến thức và giải đáp thắc mắc của HV về hoạt động trải nghiệm theo Chương trình giáo dục phổ thông mới |  |
| 10.00 – 10.15 | Giải lao |  |
| 10.15 – 11.15 | và đánh giá trong Chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh THPT |  |
| 11.15 – 11.30 | Tổng kết hoạt động buổi sáng |  |
| 11.30 – 13.30 | Nghỉ trưa |  |
| **Buổi chiều** | ***Khái quát các vấn đề cốt lõi trong đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh THPT trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*** | Hoạt động 1 của Nội dung 1 |
| 13.30 – 13.45 | Khởi động |  |
| 13.45 – 15.30 | -So sánh điểm khác biệt giữa đánh giá môn học và hoạt động giáo dục theo Chương trình hiện hành và đánh giá môn học, giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông mới |  |
| 15.30 – 15.45 | Giải lao |  |
| 15.45 – 16.50 | - Khái quát các xu hướng hiện đại trong đánh giá hiện nay và trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường THPT |  |
| 16.50 – 17.00 | Tổng kết ngày 1 |  |
| **Ngày 2** | **Phân tích video minh họa và thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp** | Nội dung 2 |
| **Buổi sáng** | ***Phân tích video minh họa và thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*** | Hoạt động 2 của Nội dung 2 |
| 7.30 – 7.45 | Khởi động |  |
| 7.45 – 10.00 | Phân tích video minh họa về sử dụng công cụ đánh giá | Sử dụng hoạt động 4 |
| 10.00 – 10.15 | Giải lao |  |
| 10.15 – 11.20 | Thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (các công cụ liên quan đến thu thập thông tin: câu hỏi, bài tập, bảng kiểm, thang đo, sản phẩm học tập, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp…) | Sử dụng hoạt động 5 |
| 11.20 - 11.30 | Tổng kết hoạt động buổi sáng |  |
| 11.30 – 13.30 | Nghỉ trưa |  |
| **Buổi chiều** | ***Thực hành xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường THPT*** |  |
| 13.30 – 13.45 | Khởi động |  |
| 13.45 – 15.15 | Thảo luận theo các khối lớp và thực hành xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo 3 loại hình cơ bản: dưới cờ, sinh hoạt lớp, chủ đề | Hoạt động 3,4 |
| 15.15 – 15.30 | Giải lao |  |
| 15.30 – 16.45 | Thảo luận theo các khối lớp và thực hành xây dựng kế hoạch và công cụ đánh giá theo 3 loại hình cơ bản: dưới cờ, sinh hoạt lớp, chủ đề (tiếp) | Hoạt động 3,4 |
| 16.45 – 17.00 | Tổng kết ngày 2 |  |
| **Ngày 3** | **Lập kế hoạch và qui trình đánh giá theo hướng phẩm chất, năng lực trong hoạt động trải nghiệmvà hướng dẫn xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp.** |  |
| **Buổi sáng** | ***Lập kế hoạch và qui trình đánh giá theo hướng phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*** |  |
| 7.30 – 7.45 | Khởi động |  |
| 7.45 – 10.00 | Phân tích các bước lập kế hoạch đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm | Hoạt động 5 |
| 10.00 – 10.15 | Giải lao |  |
| 10.15 – 11.15 | Phân tích qui trình đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong tổ chức hoạt động trải nghiệm | Hoạt động 5 |
| 11.15 – 11.30 | Tổng kết hoạt động buổi sáng |  |
| 11.30 – 13.30 | Nghỉ trưa |  |
| **Buổi chiều** | ***Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp*** |  |
| 13.30 – 13.45 | Khởi động |  |
| 13.45 – 15.30 | Xây dựng kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp | Hoạt động 6 |
| 15.30 – 15.45 | Giải lao |  |
| 15.45 – 17.00 | Hướng dẫn học viên làm bài thu hoạch đầu ra cuối khóa bồi dưỡng và tổng kết toàn khóa bồi dưỡng |  |

## E. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG

- Đánh giá kết quả đầu ra cuối khóa:

- Học viên tham gia đầy đủ việc nghiên cứu 05 nội dung (từ nội dung 01 đến nội dung 05); nghiên cứu các học liệu đồ họa Infographics, videos, tài liệu văn bản theo hướng dẫn.

- Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở mỗi nội dung yêu cầu bao gồm các nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ nhóm.

- Tích cực đặt các câu hỏi, những vấn đề cần trao đổi, cùng thảo luận với báo cáo viên, đồng nghiệp tại các buổi tập huấn trực tiếp.

- Mỗi học viên vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng một hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh THPT và nộp lại cho Ban tổ chức lớp sau khi thực hiện bồi dưỡng trực tiếp 1 tuần.

# TÀI LIỆU ĐỌC

# NỘI DUNG 1: CÁC XU HƯỚNG HIỆN ĐẠI VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, GIÁO DỤC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH

### 1.1. Lí thuyết chung về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục

#### 1.1.1. Các khái niệm cơ bản

***\* Đo lường***

Đo lường (Measurement) là một khái niệm chuyên dùng để chỉ sự so sánh một vật hay hiện tượng với một thước đo hay chuẩn mực, có khả năng trình bày kết quả dưới dạng thông tin định lượng hoặc định tính. Nói cách khác, đo lường liên quan đến việc sử dụng các con số vào quá trình lượng hoá các sự kiện, hiện tượng hay thuộc tính (định lượng/ đo lường về số lượng).

Đo lường trong giáo dục là phương tiện để thu thập, phân tích dự liệu về đặc tính, hành vi con người một cách có hệ thống làm cơ sở cho những hành động thích hơp.

Trong lĩnh vựa khoa học giáo dục, đo lường thường sử dụng hai loại tham chiếu: *tham chiếu theo tiêu chuẩn* và *tham chiếu theo tiêu chí*.

*Tham chiếu theo tiêu chuẩn* là đối chiếu kết quả đạt được của người này đối với những người khác. Ứng với loại tham chiếu này là các đề thi chuẩn hoá. *Tham chiếu theo tiêu chí* là đối chiếu kết quả đạt được của học sinh với mục tiêu, yêu cầu của bài học. Ứng với loại tham chiếu này là các đề thi theo tiêu chí.

Trong đánh giá học sinh trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, nếu tham chiếu theo tiêu chuẩn học sinh có thể đạt mức Đạt, Chưa đạt hoặc Chưa hoàn thành, Hoàn thành, Hoàn thành xuất sắc. Đánh giá theo tiêu chí là một tập hợp các tiêu chí (được cụ thể hoá - thành các chỉ báo, chỉ số hay các biểu hiện hành vi có thể quan sát, đo đếm được) thể hiện mức độ đạt được của mục tiêu học tập và được sừ dụng để đánh giá hoặc thông báo về sản phẩm, NL thực hiện, hoặc quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh. Ví dụ, để do năng lực Hiểu biết về bản thân và môi trường sống có 7 chỉ báo, để đánh giá năng lực này một học sinh có thể đạt mức 5/7 tiêu chí.

***\* Kiểm tra***

Kiểm tra là qúa trình xem xét, tổ chức thu thập thông tin và gắn với hoạt động đo lường để đưa ra các kết quả, so sánh, đối chiếu với yêu cầu, mục tiêu hay chuẩn đã đề ra, với mục đích xác định xem cái gì đã đạt được, cái gì chưa đạt được, những nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng, chi phối….

***\* Đánh giá***

Đánh giá là sự giải thích có tính chất tổng kết dữ liệu có được từ các bài kiểm tra hay những công cụ đánh giá khác. Đánh giá là việc ra giá trị của bản thân đối tượng được đánh giá trong mối tương quan với các đối tượng hay môi trường xung quanh. Đánh giá là việc nhận định sự xứng đáng của một cái gì đó chẳng hạn đánh giá một chương trình một nhà trường một chính sách có ý nghĩa như thế nào sự phát triển xã hội…. Dựa vào sự đánh giá người ta tự định giá trị kết quả đánh giá để phán đoán và đề suất các quyết định giáo dục.

Đánh giá trong là cách thức giáo viên thu thập và sử dụng thông tin trong lớp học nhằm đưa ra phán xét, nhận định để điều chỉnh hoạt động dạy và giúp học sinh tiến bộ.

***\* Định giá trị***

*Định giá trị* là một quá trình đưa ra sự phán xét, nhận định về giá trị của một người hoặc một sự vật sau một quá trình kiểm tra đánh giá. Nó bao hàm việc thu thập, phân tích thông tin và đối chiếu với những mục tiêu, tiêu chuẩn đề ra, nhằm xác định giá trị của một chương trình, một sản phẩm, một quy trình, một mục tiêu hay tiềm năng ứng dụng của một lý thuyết…, từ đó có thể đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

#### 1.1.2. Mục đích của kiểm tra, đánh giá trong giáo dục

*\* Mục đích của kiểm tra, đánh giá:*

Ở cấp độ quản lí nhà nước, kiểm tra đánh giá nhằm xây dựng chính sách và chiến lược đầu tư, phát triển giáo dục, giúp hệ thống giáo dục quốc gia phát triển hội nhập với xu thế phát triển chung của thế giới.

Ở cấp độ nhà trường, lớp học, kiểm tra đánh giá phục vụ 3 mục đích: Hỗ trợ hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục và tham gia các hoạt động giáo dục; Cho điểm/ nhận xét cá nhân, xác định thành quả học tập của HS để phân loại, chuyển lớp, cấp bằng; Hỗ trợ nhà trường đáp ứng đòi hỏi giải trình với xã hội.

Ở cấp độ chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá nhằm điều chỉnh đối với CT, phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá… để mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất.

Trên tất cả, mục đích cuối cùng của đánh giá là nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các hoạt động giáo dục, chương trình giáo dục, sản phẩm giáo dục. Vì vậy, đánh giá cần phải mang tính dự đoán, giàu thông tin, mang lại tác động điều chỉnh, phát triển, nâng cao.

*\* Vai trò của kiểm tra, đánh giá:*

Mặc dù với những mục đích khác nhau, nhưng các hoạt động kiểm tra đánh giá trong giáo dục đều thực hiện bốn chức năng cơ bản là: *Định hướng, Tạo động lực, Phân loại* và *Cải tiến dự báo* ở những mức độ khác nhau***.***

Mục tiêu giáo dục có thể đúng đắn và rõ ràng ở một giai đoạn nào đó nhưng quá trình giáo dục vẫn không đạt được mục tiêu đề ra, điều này xảy ra do nhiều nguyên nhân. Kết quả kiểm tra đánh giá trong giáo dục từ nhiều góc độ và trong nhiều giai đoạn khác nhau có thể cung cấp những dự báo về xu thế phát triển của giáo dục. Và cũng nhờ có đánh giá mới phát hiện được những vấn đề tồn tại trong giáo dục, từ đó lựa chọn và triển khai các biện pháp thích hợp để bù đắp những thiếu hụt hoặc loại bỏ những sai sót không đáng có. Đó chính là chức năng cải tiến và dự báo của đánh giá.

Ví dụ, nhờ có phân tích và nghiên cứu từng khâu, từng bước trong quản lí giáo dục và kiểm tra đánh giá tính chính xác, độ thích hợp của các hoạt động giáo dục, chúng ta mới có thể phán đoán hoặc dự báo các vấn đề hoặc các khâu còn yếu kém trong công tác dạy và học. Đây sẽ là căn cứ đáng tin cậy để tiến tới việc xác lập mục tiêu và thực hiện các hoạt động nhằm cải tiến giáo dục tới những chất lượng cao hơn.

Ngay trong quá trình lập kế hoạch dạy học hoặc tổ chức hoạt động giáo dục, GV cũng cần liên tục thu thập thông tin về HS và hoạt động học tập/ tham gia các hoạt động để tự mình điều chỉnh quá trình dạy học/tổ chức hoạt động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Quá trình thu thập thông tin đó được thực hiện chủ yếu thông qua việc sử dụng các hình thức và công cụ đánh giá. Hoạt động đánh giá càng phù hợp, GV càng thu được thông tin có giá trị và tin cậy.

Như vậy, đánh giá trong giáo dục giữ một vai trò quan trọng, thiết yếu. Nó diễn ra song hành và nằm trong mọi hoạt động dạy học, giáo dục. Mỗi người GV cần nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của kiểm tra đánh giá và tự trang bị cho mình những kiến thức và kĩ năng cần thiết về đo lường và đánh giá nhằm đảm bảo phát huy được những tác động tích cực mà kiểm tra đánh giá mang lại đối với quá trình dạy học và giáo dục của GV cũng như quá trình học tập của HS.

#### 1.1.3. Các loại hình đánh giá trong giáo dục

Có nhiều cách phân loại các kiểu/ loại hình đánh giá trong giáo dục dựa vào các đặc điểm như: quy mô, vị trí của người đánh giá; đặc tính của câu hỏi; tính chất thường xuyên hay thời điểm hoặc tính chất quy chiếu của mục tiêu đánh giá…

Đánh giá trong giáo dục thường có một số loại hình chính như sau:

- Đánh giá tổng kết và đánh giá quá trình.

- Đánh giá sơ khởi và đánh giá chẩn đoán.

- Đánh giá dựa theo chuẩn và đánh giá dựa theo tiêu chí.

- Đánh giá chính thức và đánh giá không chính thức.

- Đánh giá khách quan và đánh giá chủ quan.

- Đánh giá trên lớp học, đánh giá dựa vào nhà trường, và đánh giá trên diện rộng.

- Đánh giá cá nhân và đánh giá nhóm.

- Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng.

- Đánh giá xác thực.

- Đánh giá sáng tạo.

## 1.2. Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh thể hiện trong triết lý đánh giá với những đặc trưng sau:

#### 1.2.1 Đánh giá vì học tập

Đánh giá vì học tập (assessment for learning) diễn ra thường xuyên trong quá trình dạy học/ tổ chức hoạt động giáo dục (đánh giá quá trình) nhằm phát hiện sự tiến bộ của học sinh, từ đó hỗ trợ, điều chỉnh quá trình dạy học/ tổ chức hoạt động giáo dục. Việc đánh giá nhằm cung cấp thông tin để giáo viên và học sinh cải thiện chất lượng dạy học/ tổ chức hoạt động giáo dục. Việc đánh giá không nhằm để so sánh giữa các học sinh với nhau mà để làm nổi bật những điểm mạnh và điểm yếu của mỗi học sinh và cung cấp cho họ thông tin phản hồi để tiếp tục việc học/ tham gia các hoạt động giáo dục của mình ở các giai đoạn học tập tiếp theo. Giáo viên vẫn giữ vai trò chủ đạo trong đánh giá kết quả học tập/ tham gia các hoạt động giáo dục, nhưng học sinh cũng được tham gia vào quá trình đánh giá. Học sinh có thể tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau dưới sự hướng dẫn của giáo viên, qua đó họ tự đánh giá được khả năng học tập của mình để điều chỉnh hoạt động học tập/ tham gia các hoạt động giáo dục được tốt hơn.

#### 1.2.2 Đánh giá là học tập

Đánh giá là học tập (assessment as learning) nhìn nhận đánh giá với tư cách như là một quá trình học tập/hoạt động giáo dục. Học sinh cần nhận thức được các nhiệm vụ đánh giá cũng chính là công việc học tập/tham gia hoạt động giáo dục của họ. Việc đánh giá cũng được diễn ra thường xuyên, liên tục trong quá trình học tập /tham gia hoạt động giáo dục của học sinh. Đánh giá kết quả như là việc học/ tham gia hoạt động giáo dục tập trung vào bồi dưỡng khả năng tự đánh giá của học sinh dưới sự hướng dẫn, kết hợp với sự đánh giá của giáo viên với hai hình thức đánh giá cơ bản là tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Qua đó, học sinh học được cách đánh giá, tự phản hồi với bản thân xem kết quả học tập/tham gia các hoạt động giáo dục của mình đến đâu, tốt hay chưa, tốt như thế nào. Ở đây, học sinh giữ vai trò chủ đạo trong quá trình đánh giá. Họ tự giám sát hoặc theo dõi quá trình học tập/tham gia hoạt động giáo dục của mình, tự so sánh, đánh giá kết quả học tập/tham gia hoạt động giáo dục của mình theo những tiêu chí do giáo viên cung cấp và sử dụng kết quả đánh giá ấy để điều chỉnh bản thân. Kết quả đánh giá này không được ghi vào học bạ mà chỉ có vai trò như một nguồn thông tin để học sinh tự ý thức khả năng học tập của mình đang ở mức độ nào, từ đó thiết lập mục tiêu học tập cá nhân và lên kế hoạch học tập tiếp theo.

#### 1.2.3 Đánh giá kết quả học tập /tham gia hoạt động giáo dục

- Đánh giá kết quả học tập (assessment of learning) có mục tiêu chủ yếu là đánh giá tổng kết, xếp loại, lên lớp và chứng nhận kết quả. Đánh giá này diễn ra sau khi học sinh học/ thực hiện xong một giai đoạn học tập nhằm xác định xem các mục tiêu dạy học/tổ chức hoạt động giáo dục có được thực hiện không và đạt được ở mức nào. Giáo viên là trung tâm trong quá trình đánh giá và học sinh không được tham gia vào các khâu của quá trình đánh giá.

Có thể tóm tắt những điểm khác biệt cơ bản giữa đánh giá kết quả của việc học, đánh giá kết quả vì việc học và đánh giá kết quả như là việc học qua bảng sau:

***Bảng 1. Bảng so sánh giữa ĐG kết quả học tập, ĐG vì học tập và***  ***ĐG là học tập***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí***  ***So sánh*** | **ĐG kết quả học tập** | **ĐG vì học tập** | **ĐG là học tập** |
| *Mục tiêu đánh giá* | Xác nhận kết quả học tập của học sinh để phân loại, đưa ra quyết định về việc lên lớp hay tốt nghiệp | Cung cấp thông tin cho các quyết định DH tiếp theo của GV; cung cấp thông tin cho học sinh nhằm cải thiện thành tích học tập | Sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện việc học của chính học sinh |
| *Căn cứ đánh giá* | So sánh giữa các học sinh với nhau | So sánh với các chuẩn đánh giá bên ngoài. | So sánh với các chuẩn đánh giá bên ngoài. |
| *Trọng tâm ĐG* | Kết quả học tập | Quá trình học tập | Quá trình học tập |
| *Thời điểm ĐG* | Thường thực hiện cuối quá trình học tập | Diễn ra trong suốt quá trình học tập | Trước, trong và sau quá trình học tập |
| *Vai trò của GV* | Chủ đạo | Chủ đạo hoặc giám sát | Hướng dẫn |
| *Vai trò của*  *học sinh* | Đối tượng của đánh giá | Giám sát | Chủ đạo |
| *Người sử dụngKQĐG* | Giáo viên | Giáo viên, học sinh | Học sinh |

Hiện nay, để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của đánh giá kết quả học tập /tham gia hoạt động giáo dục theo tiếp cận năng lực đòi hỏi phải vận dụng cả 3 triết lí đánh giá nêu trên. Bởi vì năng lực của học sinh được hình thành, rèn luyện và phát triển trong suốt quá trình dạy học môn học/ tổ chức các hoạt động giáo dục. Do vậy để xác định mức độ năng lực của học sinh không thể chỉ thực hiện qua một bài kiểm tra kết thúc môn học có tính thời điểm mà phải được tiến hành thường xuyên trong quá trình đó. Việc đánh giá cần được tích hợp chặt chẽ với việc dạy học/ tổ chức các hoạt động giáo dục, coi đánh giá như là công cụ học tập nhằm hình thành và phát triển năng lực cho học sinh.

## 1.3 Đánh giá phẩm chất, năng lực

Theo quan điểm phát triển năng lực, việc đánh giá kết quả học tập/ học tập/tham gia hoạt động giáo dục không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập học tập/tham gia hoạt động giáo dục theo phẩm chất, năng lực cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Đánh giá kết quả học tập/ tham gia các hoạt động giáo dục đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của học sinh. Hay nói cách khác, *đánh giá theo năng lực là đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ trong bối cảnh có ý nghĩa* (Leen pil, 2011).

Xét về bản chất thì không có mâu thuẫn giữa đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức kỹ năng, mà đánh giá năng lực được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kỹ năng. Để chứng minh học sinh có năng lực ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội cho học sinh được giải quyết vấn đề trong tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó học sinh vừa phải vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng và xã hội). Như vậy, thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời đánh giá được cả kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hiện và những giá trị, tình cảm của học sinh. Mặt khác, đánh giá năng lực không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục môn học như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi năng lực là tổng hóa, kết tinh kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức,… được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

Có thể tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá năng lực học sinh và đánh giá kiến thức, kỹ năng của học sinh như sau:

***Bảng 2: So sánh đánh giá năng lực và đánh giá kiến thức, kĩ năng (\*)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **so sánh** | **Đánh giá năng lực** | **Đánh giá kiến thức, kỹ năng** |
| ***1. Mục đích đánh giá trọng tâm*** | - Đánh giá khả năng học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học được vào giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống;  - Vì sự tiến bộ của học sinh so với chính mình. | - Xác định việc đạt được kiến thức, kĩ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục.  - Đánh giá, xếp hạng giữa những học sinh với nhau. |
| ***2. Ngữ cảnh đánh giá*** | - Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của học sinh. | - Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kỹ năng, thái độ) học được trong nhà trường. |
| ***3. Nội dung đánh giá*** | - Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân học sinh trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện);  - Qui chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của học sinh. | - Những kiến thức, kĩ năng, thái độ ở một môn học cụ thể;  - Qui chuẩn theo việc người đó có đạt hay không một nội dung đã được học. |
| ***4. Công cụ đánh giá*** | Nhiệm vụ, bài tập gắn với tình huống, bối cảnh thực tiễn. | Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống hàn lâm hoặc tình huống thực. |
| ***5. Thời điểm đánh giá*** | Đánh giá ở mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học. | Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy. |
| ***6. Kết quả đánh giá*** | - Năng lực học sinh phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành;  - Thực hiện được nhiệm vụ càng khó và phức tạp hơn thì sẽ được coi là có năng lực cao hơn. | - Năng lực của học sinh phụ thuộc vào số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành;  - Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kĩ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn. |

***Chú thích: (\*)*** Theo Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2019), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục,* NXB ĐHSP Hà Nội.

### 1.4. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

#### Bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc đánh giá trong giáo dục nói chung, kiểm tra đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn cần đảm bảo bốn nguyên tắc cơ bản như sau.

#### 1.4.1 Đảm bảo tính toàn diện và tính linh hoạt

Việc đánh giá năng lực hiệu quả nhất khi phản ánh được sự hiểu biết đa chiều, tích hợp, về bản chất của các hành vi được bộc lộ theo thời gian. Năng lực là một tổ hợp, đòi hỏi không chỉ sự hiểu biết mà là những gì có thể làm với những gì họ biết; nó bao gồm không chỉ có kiến ​​thức, khả năng mà còn là giá trị, thái độ và thói quen hành vi ảnh hưởng đến mọi hoạt động. Do vậy, đánh giá cần phản ánh những hiểu biết bằng cách sử dụng đa dạng các phương pháp nhằm mục đích mô tả một bức tranh hoàn chỉnh hơn và chính xác năng lực của người được đánh giá.

#### ***1.4.2 Đảm bảo tính phát*** triển

Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình kiểm tra, đánh giá, có thể phát hiện sự tiến bộ của học sinh, chỉ ra những điều kiện để cá nhân đạt kết quả tốt hơn về phẩm chất và năng lực; phát huy khả năng tự cải thiện của HS trong hoạt động dạy học và giáo dục.

#### 1.4.3 Đảm bảo đánh giá trong bối cảnh thực tiễn

Để chứng minh học sinh có phẩm chất và năng lực ở mức độ nào đó, phải tạo cơ hội để họ được giải quyết vấn đề trong tình huống, bối cảnh mang tính thực tiễn. Vì vậy, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS chú trọng việc xây dựng những tình huống, bối cảnh thực tiễn để HS được trải nghiệm và thể hiện mình.

#### 1.4.4 Đảm bảo phù hợp với đặc thù Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông là hoạt động giáo dục có tính đặc thù khác biệt so với các môn học, thể hiện ở mục tiêu, nội dung, phương thức và loại hình tổ chức hoạt động do đó kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cũng có đặc thù riêng. Thứ nhất, kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cần có hướng tới việc đánh giá các chỉ báo chỉ số về thái độ, cảm xúc, hành vi, năng lực. Thứ hai, yêu cầu cần đạt của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thể hiện qua 5 phẩm chất, 3 năng lực chung, 3 năng lực đặc thù do đó quá trình đánh giá cũng cần hướng tới đánh giá các biểu hiện cụ thể của các phẩm chất, năng lực này. Thứ ba, các phương, pháp hình thức đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần có sự tương thích với các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề ( bao gồm Hoạt động trải nghiệm thường xuyên và Hoạt động trải nghiệm định kì) và Hoạt động câu lạc bộ.

### 1.5. Quy trình kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông

Kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong HĐ trải nghiệm hướng nghiệp được thực hiện theo quy trình bảy bước. Quy trình này được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

***Bảng 3: Quy trình kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp***

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy trình kiểm tra, đánh giá** | **Nội dung thực hiện** |
| *4.1. Phân tích mục đích đánh giá, mục tiêu sẽ đánh giá* | * Các mục tiêu về phẩm chất; năng lực chung; năng lực đặc thù. |
| *4.2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá* | * Xác định thông tin, bằng chứng về phẩm chất, năng lực; * Phương pháp, công cụ để thu thập thông tin, bằng chứng về phẩm chất, năng lực… * Xác định cách xử lý thông tin, bằng chứng thu thập được. |
| *4.3. Lựa chọn, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá* | * Câu hỏi, bài tập, bảng kiểm, hồ sơ, phiếu đánh giá theo tiêu chí… |
| *4.4. Thực hiện kiểm tra, đánh giá* | * Thực hiện theo các yêu cầu, kỹ thuật đối với các phương pháp, công cụ đã lựa chọn, thiết kế nhằm đạt mục tiêu kiểm tra, đánh giá, phù hợp với từng loại hình đánh giá: GV đánh giá, HS tự đánh giá, các lực lượng khác tham gia đánh giá. |
| *4.5. Xử lý, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá* | * Phương pháp định tính/ định lượng * Sử dụng các phần mềm xử lý thống kê… |
| *4.6. Giải thích kết quả và phản hồi kết quả đánh giá* | * Giải thích kết quả, đưa ra những nhận định về sự phát triển của học sinh về phẩm chất, năng lực so với mục tiêu và yêu cầu cần đạt. * Lựa chọn cách phản hồi kết quả đánh giá: Bằng điểm số, nhận định/ nhận xét, mô tả phẩm chất, năng lực đạt được… |
| *7. Sử dụng kết quả đánh giá trong phát triển phẩm chất, năng lực HS* | * Trên cơ sở kết quả thu được, sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS; thúc đẩy HS tiến bộ. |

***Hình 1: Quy trình đánh giá hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp***

**A screenshot of a cell phone

Description automatically generated**

### 1.6. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cấp Trung học phổ thông

#### 1.6.1. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục theo Chương trình GDPT 2018

Mục tiêu Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

*\* Mục tiêu đánh giá*

Đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là đánh giá mức độ đạt được của học sinh so với các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đặt ra cho mỗi giai đoạn tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi học sinh trong quá trình phát triển của bản thân, khuyến khích và hướng cho học sinh tiếp tục rèn luyện để hoàn thiện. Cụ thể:

- Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới phương pháp, hình thứ tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ngay trong qua trình hoạt động và kết thúc mỗi giai đoạn giáo dục.

- Kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên khích lệ những khó khăn không thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ.

- Nhận định về trình độ nhận thức, kĩ năng thái độ và hướng giá trị, mức độ trưởng thành của nhân cách học sinh (phẩm chất và năng lực).

- Làm cơ sở để đánh giá xếp loại đúng đắn hạnh kiểm của học sinh.

- Động viên, nhắc nhở học sinh tích cực học tập và rèn luyện về mọi mặt nhằm đạt kết quả cao hơn; phấn đấu trở thành một người công dân tốt trong tương lai.

- Giúp phụ huynh học sinh, cộng đồng quan tâm và biết tham gia đánh giá quá trình rèn luyện hình thành phẩm chất, năng lực con em mình; tích cực hợp tác với nhà truòng trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm.

- Giúp cán bộ quản lí giáo dục các cấp kịp thời chi đạo, điều chỉnh phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để cơ quan quản lí giáo dục và giáo viên điều chỉnh chương trình và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

*\* Nội dung đánh giá*

Nội dung đánh giá là các biểu hiện của phẩm chất và năng lực đã được xác định trong chương trình: năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực hướng nghề nghiệp. Các yêu cầu cần đạt về sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân chủ yếu được đánh giá thông qua hoạt động theo chủ đề, hoạt động hướng nghiệp, thông qua quá trình tham gia hoạt động tập thể và các sản phẩm của học sinh trong mỗi hoạt động.

Cụ thể:

– Đánh giá mức độ nhận thức về các vấn đề đã được đề cập trong các chủ đề hoạt động.

– Đánh giá về động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực,... của học sinh khi tham gia hoạt động.

– Đánh giá về các kĩ năng của học sinh trong việc thực hiện các hoạt động.

– Đánh giá về đóng góp của học sinh vào thành tích chung của tập thể và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung của tập thể.

– Đánh giá về số giờ tham gia các hoạt động.

Nội dung đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bao gồm đánh giá các hoạt động tập thể (tinh thần tập thể lớp/ nhóm thực hiện các nhiệm vụ và cá nhân trong các hoạt động tập thể) và đánh giá cá nhân theo mục tiêu năng lực với các yêu cầu cần đạt.

*Đánh giá hoạt động tập thể:*

- Đánh giá về tinh thần tham gia của toàn tập thể, của từng tổ, nhóm.

- Đánh giá về ý thức hợp tác và cộng đồng trách nhiệm của tập thể.

- Đánh giá về công tác chuẩn bị của lớp, của từng tổ, nhóm.

- Đánh giá về công tác tổ chức hoạt động.

- Đánh giá về thành tích, kết quả, nhưng ưu, nhược điểm.

*Đánh giá cá nhân trong hoạt động tập thể*

- Đánh giá mức độ nhận thức về các vấn đề đã được đề cập trong các chủ đề quan trọng của nội dung hoạt động.

- Đánh giá về động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực của học sinh khi tham gia hoạt động.

- Đánh giá về kĩ năng của học sinh trong việc thực hiện các hoạt động.

- Đánh giá về những đóng góp của học sinh vào thành tích chung của tập thể và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung của tập thể.

***Hình 2: Mục tiêu năng lực trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp***

Từ những yêu cầu chung cần đạt, giáo viên cần có sự chi tiết hóa các biểu hiện cụ thể thành các chỉ báo với các mức độ tương ứng và xây dựng thang đo cụ thể cho năng lực thành phần, ví dụ: *Không đáp ứng, Đáp ứng một phần và cần điều chỉnh; Đáp ứng hầu hết và cần điều chỉnh; Đáp ứng tốt.*

*\* Cách thức đánh giá*

*- Cứ liệu đánh giá*

Đánh giá kết quả giáo dục cần dựa trên cả hai loại thông tin định tính và định lượng.

Thông tin định tính là những thông tin thu thập được từ quan sát của giáo viên và từ các nguồn khác (ý kiến tự đánh giá của học sinh, đánh giá đồng đẳng của các học sinh trong lớp, ý kiến nhận xét của phụ huynh học sinh và cộng đồng).

Thông tin định lượng là những thông tin về số giờ (số lần) tham gia hoạt động trải nghiệm (hoạt động tập thể, hoạt động trải nghiệm thường xuyên, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, hoạt động hướng nghiệp, hoạt động lao động,...); số lượng các sản phẩm hoàn thành và được lưu trong hồ sơ hoạt động.

- Các hình thức đánh giá và tổng hợp kết quả đánh giá

Các hình thức đánh giá bao gồm: Tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng, đánh giá của giáo viên.

Giáo viên chủ nhiệm chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá từ những đánh giá của giáo viên, tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh, đánh giá của phụ huynh học sinh và đánh giá của cộng đồng.

Kết quả đánh giá đối với mỗi học sinh là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và định kì về phẩm chất và năng lực và có thể phân ra làm một số mức để xếp loại. Kết quả đánh giá Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được ghi vào hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh (tương đương một môn học).

#### 1.6.2. Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Ở trung học phổ thông, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tạo cơ hội cho học sinh huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học và lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên hoạt động này được thiết kế theo chức năng, nhiệm vụ của chính mình, đáp ứng mục tiêu của hoạt động đề ra và cùng với các môn học, góp phần đạt mục tiêu chung của chương trình tổng thể. Do đó, kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp cũng có những đặc điểm đặc thù riêng:

- Thứ nhất, kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tập trung chủ yếu đến đánh giá thái độ, hành vi, mức độ sáng tạo của học sinh trước, trong và sau quá trình trải nghiệm. Khác với kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, kiểm tra đánh giá Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp không chú trọng đến đánh giá kiến thức. Điều này không có nghĩa học sinh không cần vận dụng kiến thức để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình trải nghiệm. Để hoàn thành các nhiệm vụ của Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, học sinh cần vận dụng tổng hợp các kiến thức đã có ở các môn học và các hiểu biết xã hội. Do đó, kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn góp phần kiểm tra mức độ vận dụng và sáng tạo những kiến thức, hiểu biết đã có của học sinh trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong các chủ đề trải nghiệm.

- Thứ hai, tự đánh giá được coi là hình thức quan trọng nhất trong đánh giá đối với hoạt động trải nghiệm.

- Thứ ba, theo tinh thần của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 sử dụng nhận xét, không sử dụng điểm để đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Mức độ đánh giá bằng nhận xét được ghi vào học bạ. Theo hướng dẫn của Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT và dự thảo Thông tư số 58 sửa đổi về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, đối với các môn học được đánh giá dựa trên nhận xét có hai mức Đạt và Chưa đạt (Khoản 2, Điều 10). Ngoài ra, những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện giáo viên có thể sử dụng điểm số để đánh giá trong quá trình để làm cơ sở để đưa ra nhận xét thành các mức đạt, chưa đạt hoặc chưa hoàn thành, hoàn thành, hoàn thành tốt.

*- Thứ tư,* đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh cần quan tâm đến đặc thù của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng như đặc điểm tâm sinh lí của học sinh.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức dựa trên phân tích, kết nối giữa kinh nghiêm đã có với kinh nghiệm thực tại nhằm giúp học sinh hình thành những kinh nghiệm mới và vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm mới vào cuộc sống đồng thời hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chú ý khai thác đến những cảm xúc của học sinh vì vậy trong đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm giáo viên quan tâm hơn đến những đặc trưng này.

*Thứ tư,* đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh cần quan tâm đến đặc thù của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng như đặc điểm tâm sinh lí của học sinh.

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức dựa trên phân tích, kết nối giữa kinh nghiêm đã có với kinh nghiệm thực tại nhằm giúp học sinh hình thành những kinh nghiệm mới và vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm mới vào cuộc sống đồng thời hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chú ý khai thác đến những cảm xúc của học sinh vì vậy trong đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm giáo viên quan tâm hơn đến những đặc trưng này.

Đối với học sinh trung học phổ thông – giai đoạn của lứa tuổi đầu thanh niên, học sinh có sự chuyển đổi vai trò xã hội của họ so với lứa tuổi trước đó điều này là yếu tố xúc tác tạo nên tính tích cực xã hội của học sinh THPT. Học sinh quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề chính trị, xã hội, hứng thú tham gia các hoạt động xã hội đặc biệt là các vấn đề liên quan trực tiếp đến học sinh, phạm vi hoạt động xã hội của học sinh rất rộng và đầy nhiệt huyết. Ý thức và tự ý thức của lứa tuổi này phát triển ở mức độ cao và nhiều khác biệt. Học sinh tự đánh giá các phẩm chất tâm lí của cá nhân và phát triển tính tự trọng. Bên cạnh đó, học sinh THPT đã có ý thức xây dựng kế hoạch đường đời đặc biết là vấn đề hướng nghiệp. Căn cứ vào những đặc điểm tâm lý đặc thù đó, việc đánh giá kết quả giáo dục trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh THPT cần chú ý đến việc đánh giá cảm xúc, tính tích cực tham gia hoạt động, tính trách nhiệm.

# **NỘI DUNG 2: SỬ DỤNG HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN** PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

## 2.1 Hình thức đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông

Trong thực tế, đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) và đánh giá định kỳ (đánh giá tổng kết) là hai hình thức cơ bản được vận dụng trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay. Đặc trưng của quan điểm đánh giá (đánh giá là học tập, đánh giá vì học tập, đánh giá kết quả học tập) được thể hiện và gắn kết chặt chẽ với mục đích đánh giá trong từng hình thức. Mối quan hệ giữa hình thức đánh giá với các quan điểm đánh giá được thể hiện ở sơ đồ sau:

***Sơ đồ 1: Mối quan hệ giữa hình thức đánh giá và quan điểm đánh giá***

**Đánh giá quá trình**

ĐG thường xuyên

**HS- Đánh giá là học tập**

**GV- Đánh giá vì học tập**

**Những thay đổi trong dạy/tổ chức HĐ GD và học/tham gia HĐGD để thúc đẩy sự tiến bộ của HS**

**Đ**

**Để**

**ĐG tổng kết (đánh giá kết qủa giáo dục**

ĐG định kỳ

**Đánh giá kết quả học sinh đạt được sau mỗi một bài học/chủ đề hoặc sau khi kết thúc một chu trình trải nghiệm/tham gia HĐ GD so với yêu cầu cần đạt.**

#### 2.1.1 Đánh giá thường xuyên

*\* Khái niệm đánh giá thường xuyên*

Đánh giá thường xuyên (ĐGTX) hay còn gọi là đánh giá quá trình là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện tổ chức hoạt động giáo dục, cung cấp thông tin phản hồi cho giáo viên (GV) và học sinh (HS) nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập/ tổ chức, tham gia hoạt động giáo dục. ĐGTX chỉ những hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục, có ý nghĩa phân biệt với những hoạt động kiểm tra đánh giá trước khi bắt đầu quá trình tổ chức một hoạt động giáo dục nào đó (đánh giá đầu năm/đánh giá xếp lớp) hoặc sau khi kết thúc quá trình tổ chức hoạt động giáo dục này (đánh giá tổng kết). ĐGTX được xem là đánh giá vì quá trình học tập/tham gia hoạt động giáo dục hoặc vì sự tiến bộ của học sinh.

*\* Mục đích đánh giá thường xuyên*

- Mục đích của ĐGTX nhằm thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả tham gia hoạt động giáo dục, của học sinh (HS) trong quá trình tham gia hoạt động giáo dục để cung cấp những phản hồi cho HS và GV biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu, yêu cầu của chủ đề, của chương trình và những gì họ chưa làm được để điều chỉnh hoạt động tổ chức và tham gia hoạt động giáo dục. ĐGTX đưa ra những khuyến nghị để HS có thể làm tốt hơn những gì mình chưa làm được, từ đó nâng cao kết quả tham gia hoạt động giáo dục trong thời điểm tiếp theo.

- ĐGTX còn giúp chẩn đoán hoặc đo kiến thức và kĩ năng hiện tại của HS nhằm dự báo hoặc tiên đoán những chủ đề hoặc chương trình học tiếp theo cần được xây dựng thế nào cho phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm lí của HS. Có sự khác nhau về mục đích đánh giá của ĐGTX và đánh giá định kì. ĐGTX có mục đích chính là cung cấp kịp thời thông tin phản hồi cho GV và HS để điều chỉnh hoạt động tổ chức và tham gia hoạt động giáo dục, không nhằm xếp loại thành tích hay kết quả giáo dục. ĐGTX không nhằm mục đích đưa ra kết luận về kết quả giáo dục cuối cùng của từng HS. Ngoài việc kịp thời động viên, khuyến khích khi học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập/hoạt động, ĐGTX còn tập trung vào việc phát hiện, tìm ra những thiếu sót, lỗi, những nhân tố ảnh hưởng xấu đến kết quả tham gia hoạt động giáo dục, rèn luyện của HS để có những giải pháp hỗ trợ điều chỉnh kịp thời, giúp cải thiện, nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Trong khi mục đích chính của đánh giá định kì là xác định mức độ đạt thành tích của HS, mà ít quan tâm đến việc thành tích đó HS đã đạt được ra sao/ bằng cách nào và kết quả đánh giá này được sử dụng để xếp loại, công nhận HS đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành nhiệm vụ trải nghiệm, hướng nghiệp.

*\* Nội dung đánh giá thường xuyên*

Đánh giá thường xuyên tập trung vào các nội dung sau:

*- Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động giáo dục, rèn luyện được giao*: GV không chỉ giao nhiệm vụ, xem xét HS có hoàn thành hay không, mà phải xem xét từng HS hoàn thành thế nào (có chủ động, tích cực, có khó khăn gì... có hiểu rõ mục tiêu học tập và sẵn sàng thực hiện,...). GV thường xuyên theo dõi và thông báo về sự tiến bộ của HS hướng đến việc đạt được các mục tiêu học tập/giáo dục;

*- Sự hứng thú, tự tin, cam kết, trách nhiệm của HS khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động cá nhân*: HS tham gia thực hiện các nhiệm vụ hoạt động cá nhân có thể hiện tính trách nhiệm, có hứng thú, có thể hiện sự tự tin,... Đây là những chỉ báo quan trọng để xác định xem HS cần hỗ trợ gì trong học tập, rèn luyện;

*- Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác nhóm*: Thông qua các nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện theo nhóm (kể cả hoạt đông tập thể), GV quan sát... để đánh giá HS.

*\* Thời điểm đánh giá thường xuyên*

Thực hiện linh hoạt trong quá trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích học sinh nỗ lực rèn luyện, vì sự tiến bộ của học sinh.

*\* Người thực hiện đánh giá thường xuyên*

Đối tượng tham gia đánh giá thường xuyên rất đa dạng, bao gồm: GV đánh giá, HS tự đánh giá, HS đánh giá đồng đẳng, phụ huynh đánh giá và đoàn thể, cộng đồng đánh giá.

*\* Phương pháp, công cụ đánh giá thường xuyên*

*- Phương pháp* đánh giá thường xuyên có thể là quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập…

*- Công cụ* có thể dùng là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm, thẻ kiểm tra/phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí, phiếu hỏi, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, các loại câu hỏi vấn đáp... được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn. GV có thể thiết kê các công cụ từ các tài liệu tham khảo cho phù hợp vời từng tình huống, bối cảnh đánh giá dạy học/hoạt động giáo dục, đánh giá giáo dục (mang tính chủ quan của từng GV). Công cụ sử dụng trong ĐGTX có thể được điều chỉnh để đáp ứng mục tiêu thu thập những thông tin hữu ích điển hình ở từng HS, do vậy không nhất thiết dẫn tới việc cho điểm.

*2.1.1.7. Các yêu cầu, nguyên tắc của đánh giá thường xuyên*

– Cần xác định rõ mục tiêu để từ đó xác định được phương pháp hay kỹ thuật sử dụng trong ĐGTX.

– Các nhiệm vụ ĐGTX được đề ra nhằm mục đích hỗ trợ, nâng cao hoạt động rèn luyện và giáo dục. ĐGTX nhấn mạnh đến tự đánh giá mức độ đáp ứng các tiêu chí của bài học và phương hướng cải thiện để đáp ứng tốt hơn nữa.

– Việc nhận xét trong ĐGTX tập trung cung cấp thông tin phản hồi chỉ ra các nội dung cần chỉnh sửa, đồng thời đưa ra lời khuyên cho hành động tiếp theo (ngay trước mắt HS phải làm gì... và làm bằng cách nào).

– Không so sánh HS này với HS khác, hạn chế những lời nhận xét tiêu cực, trước sự chứng kiến của các bạn học, để tránh làm thương tổn HS.

– Mọi HS đều có thể thành công, GV không chỉ đánh giá trải nghiệm, kỹ năng... mà phải chú trọng đến đánh giá các năng lực, phẩm chất (tự quản, tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề... tự tin, trách nhiệm, đoàn kết yêu thương) trên nền cảm xúc/ niềm tin tích cực... để tạo dựng niềm tin, nuôi dưỡng hứng thú học tập/ tham gia hoạt động giáo dục.

– ĐGTX phải thúc đẩy hoạt động giáo dục, tức là giảm thiểu sự trừng phạt/ đe dọa/ chê bai HS, đồng thời tăng sự khen ngợi, động viên.

#### 2.1.2. Đánh giá định kì

*\* Khái niệm đánh giá định kì*

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của học sinh sau một giai đoạn rèn luyện, tham gia các hoạt động giáo dục nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện của học sinh so với yêu cầu cần đạt so với quy định trong chương trình giáo dục phổ thông và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

*\* Mục đích đánh giá định kì*

Mục đích chính của đánh giá định kỳ là thu thập thông tin từ học sinh để đánh giá thành quả rèn luyện và tham gia các hoạt động giáo dục sau một giai đoạn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhất định. Dựa vào kết quả này để xác định kết quả rèn luyện của học sinh và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

*\* Nội dung đánh giá định kì*

Đánh giá mức độ thành thạo của học sinh ở các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực sau một giai đoạn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (giữa kỳ)/ cuối kỳ.

*\* Thời điểm đánh giá định kì*

Đánh giá định kỳ thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (giữa kỳ, cuối kỳ).

*\* Người thực hiện đánh giá định kì*

Người thực hiện đánh giá định kỳ có thể là: GV đánh giá, nhà trường đánh giá và tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

*\* Phương pháp, công cụ đánh giá định kì*

Phương pháp đánh giá định kỳ có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; vấn đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp…

Công cụ đánh giá định kỳ có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu…

\* *Các yêu cầu, nguyên tắc của đánh giá định kỳ*

- Đa dạng hoá trong sử dụng các phương pháp và công cụ đánh giá;

- Chú trọng sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá được những biểu hiện cụ thể về thái độ, hành vi, kết quả rèn luyện của học sinh gắn với các chủ đề trải nghiệm và hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá trên máy tính để nâng cao năng lực tự học cho học sinh.

### 2.2. Phương pháp đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học phổ thông

Đánh giá kết quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh được thực hiện suốt quá trình hoạt động, do đó việc lựa chọn phương pháp và thiết kế công cụ đánh giá và tính chất của chủ đề hoạt động. Để có được kết quả đánh giá giáo viên có thể sử dụng các phương pháp đánh giá và các công cụ đánh giá tương ứng như sau:

***Bảng 4: Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá tương ứng***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ sử dụng** |
| 1. Trắc nghiệm | Các bài trắc nghiệm khách quan.  Câu hỏi  Bảng ghi chép và lưu lại các đối thoại | |
| 2. Quan sát các biểu hiện, hành vi và thái độ của học sinh trong hoạt động | Bảng kiểm (Check list)  Hệ thống câu hỏi và câu trả lời theo cấp độ (rating scale)  Thang đánh giá  Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric) | |
| 3. Khảo sát , điều tra | Bảng hỏi khảo sát về thái độ, suy nghĩ, cảm nhận  Bảng hỏi về Tự đánh giá bản thân  Bảng hỏi về Đánh giá đồng đẳng | |
| 4. Đánh giá, phân tích “sản phẩm” của học sinh | Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)quá trình tạo ra sản phẩm  Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)phân tích việc thực hiện kế hoạch hoạt động  Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)phân tích bài viết, bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh  Sản phẩm hoạt động của học sinh | |
| 5. Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh | Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric)  Bảng ghi chép  Bảng kiểm  Câu hỏi | |
| 6. Trao đổi ý kiến của các bên liên quan (GV khác, cha mẹ HS, các lực lượng tham gia HĐ khác) | Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubric) đánh giá các nội dung liên quan.  Bảng hỏi  Hồ sơ hoạt động | |

#### 2.2.1. Phương pháp trắc nghiệm

Phương pháp trắc nghiệm dùng để đánh giá nhận thức của học sinh về nội dung chủ đề hoạt động, về cách thức và con đường thực hiện các chủ đề Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp như: những hiểu biết về bản thân, về người khác về sự thay đổi của môi trường sống xung quanh, về nghề nghiệp trong xã hội...

Mặc dù định hướng đánh giá phẩm chất năng lực những nhận thức là cơ sở của mọi hành động, hành vi thái độ cũng như của quá trình hình thành và phát triển thói quen, kĩ năng, năng lực... Vì vậy cần đánh giá được những hiểu biết của học sinh về những nội dung liên quan đến hoạt động giáo dục một cách đều đặn. Cần lưu ý, mục đích của việc đánh giá bằng phương pháp này là căn cứ để tổ chức tốt hơn các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp chứ không để đánh giá kết quả tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Phương pháp trắc nghiệm được sử dụng ở thời điểm đầu làm căn cứ xây dựng và thiết kế hoạt động, đánh giá trong quá trình hoạt động như là mức độ tiến bộ trong năng lực nhận thức của học sinh và sử dụng đánh giá vào cuối mỗi giai đoạn để đánh dấu móc phát triển về nhận thức.

Các công cụ thường sử dụng trong phương pháp phù hợp với kiểm tra, đánh giá Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là: bảng hỏi ngắn, bảng KWLH..

#### 2.2.2 Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát là phương pháp quan trọng trong đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Năng lực của học sinh đợc thể hiện thông qua hoạt động thực tiễn, do đó việc quan sát sự thể hiện của học sinh trong hoạt động sẽ thu thập được những minh chứng đáng tin cậy về năng lực của học sinh.

*\* Khái niệm*

Quan sát là phương pháp đề cập đến việc theo dõi học sinh thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do học sinh làm ra (quan sát sản phẩm). Trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chủ thể của hoạt động quan sát có thể là giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác.

*Quan sát quá trình* đòi hỏi trong thời gian quan sát, chủ thể quan sát phải chú ý đến những thái độ, hành vi của HS như: thái độ khi làm việc nhóm có hào hứng, tích cực, có tinh thần tập thể hay không, các thao tác trong hoạt động có nhanh nhẹn, hiệu quả hay không... Đối với *Quan sát sản phẩm*: HS phải tạo ra sản phẩm cụ thể, là bằng chứng của việc thực hiện các nhiệm cụ Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. Những sản phẩm rất đa dạng: sản phẩm làm việc nhóm hoặc cá nhân: poster, album ảnh, video, sản phẩm trưng bày, các tiết mục văn nghệ…. HS phải tự trình bày sản phẩm của mình, còn giáo viên, học sinh khác, nhóm và các lực lượng tham gia đánh giá khác sẽ đánh giá chất lượng sản phẩm hoặc xem xét quá trình làm ra sản phẩm đó. Các thành phần tham gia đánh giá sẽ quan sát và cho ý kiến đánh giá về sản phẩm, giúp các em hoàn thiện sản phẩm.

Phương pháp quan sát là phương pháp quan trọng trong đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Năng lực của học sinh được thể hiện thông qua hoạt động thực tiễn, chính vì vậy việc quan sát sự thể hiện của học sinh trong hoạt động sẽ thu thập được những minh chứng đáng tin cậy về năng lực của học sinh.

Phương pháp quan sát là quá trình tổ chức hoạt động cho đối tượng được quan sát bộc lộ những hành vi thái độ theo mục đích đánh giá và người quan sát ghi chép lại những biểu hiện dó theo cấu trúc nội dung quan sát được thể hiện trong phiếu quan sát.

Công cụ thường dùng trong quan sát là bảng kiểm, bảng ghi chép…. Để không bỏ sót các chi tiết cần quan sát, người quan sát phải liệt kế tất cả những nội dung cần tìm hiểu, mô tả chung theo các mức độ khác nhau.

*\* Các dạng quan sát*

*- Quan sát được tiến hành chính thức và định trước*: Là loại quan sát mà giáo viên đã có thời gian để chuẩn bị cho học sinh và xác định trước từng hành vi cụ thể đã được quan sát, ví dụ như trong trường hợp quan sát học sinh trình bày, báo cáo sản phẩm của nhóm hoặc cá nhân về một chủ đề đã được chuẩn bị trước.

*- Quan sát không được định sẵn và không chính thức*: Là những quan sát mang tính tự phát, phản ánh những tình huống, khoảnh khắc, sự việc xảy ra thoáng qua không định sẵn mà giáo viên ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải, ví dụ như khi giáo viên thấy hai học sinh nói chuyện thay vì lắng nghe phần trình bày của nhóm khác, nhận thấy một em học sinh có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một học sinh không tương tác với các học sinh khác trong quá trình tham gia chủ đề hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

*\*Ưu, nhược điểm và yêu cầu khi sử dụng phương pháp quan sát*

*- Ưu điểm*: Giúp cho việc thu thập thông tin của giáo viên được kịp thời, nhanh chóng. Quan sát được dùng kết hợp với các phương pháp khác sẽ giúp việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện một cách liên tục, thường xuyên và toàn diện.

*- Hạn chế*: Kết quả quan sát phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ quan của người quan sát; Khối lượng quan sát không được lớn, khối lượng thu được không thật toàn diện nếu không có sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Chỉ thu được những biểu hiện trực tiếp, bề ngoài của đối tượng.

*- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp quan sát:* Xác định rõ mục đích, nội dung, trình tự quan sát, phương tiện sử dụng để quan sát; Kết quả quan sát phải được phản ánh đầy đủ trong biên bản; Có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật vào quá trình quan sát. Phương pháp quan sát cần phải được sử dụng phối hợp với các phương pháp khác để đảm bảo tính chính xác cao.

*\* Các công cụ, kĩ thuật được sử dụng trong phương pháp quan sát*

Trong quan sát, giáo viên có thể sử dụng 3 loại công cụ để thu thập thông tin. Đó là*: Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo và bảng kiểm tra (bảng kiểm)*. Để không bị bỏ sót các chi tiết cần quan sát, người quan sát phải liệt kê đầy đủ những nội dung cần đánh giá và mô tả nó theo những mức độ khác nhau.

*- Công cụ ghi chép quan sát*

Giáo viên sẽ ghi lại những hành động thường nhật của học sinh hoặc những thái độ hành vi được biểu hiện trong môi trường học đường cũng như trong quá trình học sinh tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
| Tên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:  Họ tên học sinh: Lớp: | |
| Thời gian hoạt động | Nội dung |
| Ngày….. tháng….. năm…. | Em đã nấu được bữa cơm cho mẹ, cả nhà rất vui vì điều này. |
| Ngày….. tháng….. năm…. | Em đã giải hòa với bố, chủ động xin lỗi bố.  Em đã tỏ ra bướng bỉnh cãi lại bố và em đã sai.  Vẻ mặt bố vẫn hơi buồn mặc dù đã tha thứ cho em. |
| Ngày….. tháng….. năm…. |  |

*- Công cụ bảng kiểm*

Bảng kiểm là bản ghi danh các mục tiêu chí hoạt động. Trong quan sát một hành động hay xem xét, đánh giá một sản phẩm của học sinh, người đánh giá sẽ quyết định hoạt động hay sản phẩm có đáp ứng các tiêu chí trong bảng kiểm không. Nếu đáp ứng, người đánh giá đánh dấu 🗹 (🗷,🗶,✓) vào bên cạnh tiêu chí, thể hiện tiêu chí đó đươc quan sát; nếu không đáp ứng, người quan sát có thể bỏ qua tiêu chí đó. Giáo viên chuẩn bị sẵn bảng hỏi về những hành vi dự định quan sá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, trong quá trình quan sát sẽ đánh dấu vào những nội dung tương ứng với biểu hiện hành vi nhằm đánh giá khuynh hướng hoạt động của học sinh đó.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung quan sát | 1. Trình bày ý kiến của bản thân một cách tích cực và hợp lí | 2. Lắng nghe ý kiến của người khác | 3. Khi có ý kiến trái với suy nghĩ của bản thân, em tuân theo ý kiến hợp lí | 4….. |
| Học sinh A |  |  |  |  |
| Học sinh B |  |  |  |  |
| Học sinh C |  |  |  |  |
| ……. |  |  |  |  |

Một ví dụ khác cũng hay được sử dụng là ví dụ việc liệt kê các khía cạnh hoạt động nhóm của học sinh, giáo viên có sử dụng làm căn cứ thiết kế công cụ đánh giá, đánh giá chéo hoặc tự đánh giá cho học sinh:

|  |
| --- |
| 🞏 Báo cáo trước nhóm về lĩnh vực được giao đúng thời hạn.  🞏 Chủ động bắt đầu công việc.  🞏 Chia sẻ thông tin.  🞏 Đóng góp ý tưởng.  🞏 Lắng nghe người khác.  🞏 Đợi đến lượt mới phát biểu.  🞏 Làm theo chỉ dẫn.  🞏 Lịch sử với các thành viên còn lại trong nhóm.  🞏 Trợ giúp để giải quyết vấn đề của nhóm.  🞏 Xem xét ý kiến của những người khác.  🞏 Thực hện chia sẻ các hoạt động do cả nhóm quyết định  🞏 Hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng thời hạn. |

Bảng kiểm mang tính chuẩn đoán, có thể sự dụng lại và có thể giúp giáo viên theo dỗi sự tiến bộ của học sinh. Bảng kiểm cho chúng ta bản ghi chi tiết về sự thể hiện của học sinh, nên được đưa cho học sinh để các em viết cần cố gắng thêm ở những điểm nào. Vì bảng kiểm tập trung vào những hoạt động rất cụ thể, thông tin nó mang lại mang tính chất phân tích, chẩn đoán. Có thể sử dụng cùng một bảng kiểm với nhiều học sinh khác nhau hoặc trên cùng một học sinh nhưng tại các thời điểm khác nhau. Sử dụng một bảng kiểm nhiều lần là một cách dễ dàng để thu nhập thông tin về sự tiến bộ của học sinh.

*- Công cụ đánh giá theo cấp độ (thang đo – rating scale)*

Công cụ này sự dụng cho phương pháp đặt hệ thống câu hỏi và câu trả lời theo các cấp độ quy ước trong hoạt động hay các đặc tính, yếu tố mà ta định quan sát. Mặc dù thang đo cũng tương tự như Bảng kiểm, thang đo cho phép người quan sát đánh giá hoạt động theo một thang xếp hạng liên tục chứ không phải dạng đơn giản Có – không. Cả thang đo và bảng kiểm đều dựa trên một bộ tiêu chí để đánh giá và người ta cũng hay dùng chung một bộ tiêu chí cho hai loại công cụ này. Tuy nhiên, với bảng kiểm, người quan sát chỉ có thể chia kết quả đánh giá trên từng tiêu chí thành hai nhóm, trong khi với thang đo thì phổ điểm rộng hơn.

Có ba loại thang đo: thang số, thang đồ thị và thang miêu tả. Với thang số, mỗi con số biểu thị một điểm trên thang đo. Trong ví dụ dưới đây, mức 1 tương ứng với học sinh luôn thực hiện được hảnh vi, mức 2 là thường xuyên thực hiện được hành vi.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp:**  **Họ tên học sinh: Lớp:** | | | | | |
| **Nội dung quan sát** | **Mức độ thường xuyên thực hiện các hành động** | | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| 1. Thực hiện các công việc chăm sóc bản thân |  |  |  |  |  |
| 2. Thực hiện các công việc giúp chia sẻ việc nhà với bố mẹ |  |  |  |  |  |
| 3….. |  |  |  |  |  |

Với thang đồ thị, người chấm điểm phải đánh dấu một vị trí trên một đường kẻ đã được chia thành các khoảng theo thang đo. Người đánh giá sẽ đánh dấu 🗶 hoặc ✓ vào một điểm trên đường kẻ mà họ cho rằng miêu tả đúng nhất sự thể hiện của học sinh. Trên thang miêu tả, người ta sử dụng những sự miêu tả khác nhau để biểu thị những cấp độ khác nhau mà học sinh thể hiện. Để chấm điểm, giáo viên lựa chọn sự miêu tả ần nhất với những gì học sinh thể hiện trên thực tế. Nhận định của giáo viên quyết định điểm đánh giá của học sinh. Ví dụ khí đanh giá khả năng thuyết trình của học sinh trước lớp, giáo viên có thể sử dụng công cụ dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thang đo dạng số**  *Hướng dẫn:* Hãy ghi lại mức độ thường xuyên mà học sinh thể hiện những hành vi dưới đây khi thực hiện bài thuyết trình. Với mỗi hành vi, khoanh tròn 1 nếu luôn luôn thực hiện hành vi đó, 2 nếu thường xuyên thực hiện, 3 nếu đôi khi thực hiện và 4 nếu chưa bao giờ thực hiện hành vi đó.  A. Đứng thẳng, mặt hướng về khán giả  **1 2 3 4**  B. Nét mặt thay đổi theo sắc điệu của báo cáo  **1 2 3 4**  **Thang đo đồ thị**  *Hướng dẫn:* Hãy đặt dấu 🗶 vào một vị trí trên dòng kẻ để biểu thị mức độ thường xuyên mà học sinh thể hiện những hành vi sau khi thực hiện bài thuyết trình.  A. Đứng thẳng, mặt hướng về khán giả   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Luôn luôn Thường xuyên Đôi khi Chưa bao giờ  B. Nét mặt thay đổi theo sắc điệu của báo cáo   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |   Luôn luôn Thường xuyên Đôi khi Chưa bao giờ  **Thang đo miêu tả**  *Hướng dẫn:* Hãy đặt dấu 🗶 vào một vị trí trên dòng kẻ để biểu thị mức độ thường xuyên mà học sinh thể hiện những hành vi sau khi thực hiện bài thuyết trình.  A. Đứng thẳng, mặt hướng về khán giả   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  | | Đứng thẳng mặt luôn hướng về khán giả | | Lắc lư, bồn chồn đảo mắt giữa khán giả và trần nhà | | Vận động cơ thể cứng nhắc, bối rối, không có sự giao tiếp bằng mắt với khán giả | |   B. Nét mặt thay đổi theo sắc điệu của báo cáo     |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  | | Nét mặt phù hợp với nội dung và những điểm nhấn | | Nét mặt thường xuyên phối hợp giọng điệu, có đôi chỗ không thể hiện nét mặt. | | Không thấy sự phù hợp giữa nét mặt và giọng điệu; thể hiện sự rối trí | | |

Cũng có thể trình bày một bộ thang đo dạng số như họp dưới đây. Điều khác biệt duy nhất giưac bảng kiểm và thang đo dạng số là số lượng các lựa chọn mà người đánh giá có thể sử dụng để ghi điểm cho mỗi tiêu chí.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Học sinh: Ngày: | | | | |
| I. Ngôn ngữ cơ thể | | | | |
| 4 | 3 | 2 | 1 | A. Đứng thẳng, mặt hướng về phía khán giả. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | B. Nét mặt thay đổi theo sự thay đổi sắc điệu của báo cáo. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | C. Mắt luôn nhìn thẳng về khán giả |
| II. Phát âm | | | | |
| 4 | 3 | 2 | 1 | A. Nói rõ ràng, chắc chắn |
| 4 | 3 | 2 | 1 | B. Biến hóa giọng điệu để thể hiện điểm nhấn mạnh. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | C. Nói đủ to để khán giả có thể nghe được |
| 4 | 3 | 2 | 1 | D. Nhã chữ đều đặn |
| 4 | 3 | 2 | 1 | E. Phát âm đúng từng từ |
| III. Ngôn ngữ nói | | | | |
| 4 | 3 | 2 | 1 | A. Sử dụng từ chính xác để truyền tải ý nghĩa. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | B. Tránh lặp lại không cần thiết. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | C. Câu diễn đạt trọn vẹn ý. |
| 4 | 3 | 2 | 1 | D. Sắp xếp thông tin hợp lý, logic |
| 4 | 3 | 2 | 1 | E. Có phần kết luận tóm tắt các điểm chính. |

2.2.3 Phương pháp khảo sát phản hồi của học sinh

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến khi cần lấy thông tin phản hồi từ đối tượng khảo sát vưới mục đích nhất định. Khảo sát phản hồi đo mức độ nhận thức của học sinh về nội dung khảo sát hoặc cũng có thể phân loại học sinh trong các nhóm hoạt động. Công cụ của phương pháp này chủ yếu là bảng hỏi. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo kĩ thuật thiết kế câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Ví dụ: để phân học sinh vào các nhóm có khả năng thực hiện các loại hình sản phẩm khác nhau, giáo viên thiết kế Phiếu điều tra sở thích và khả năng để đảm bảo các em có khả năng thực hiện sản phẩm, đồng thời tránh việc không cân đối đều nguồn lực từ học sinh cho các nhóm.

Công cụ sử dụng cho phương pháp này thường là các bảng hỏi, bảng khảo sát, phiếu điều tra… để tìm hiểu về thái độ tham gia, mức độ quan tâm, động cơ, hứng thú… cuả HS khi tham gia HĐTN.

|  |
| --- |
| **Bảng khảo sát HĐTN (CLB)** |
| **Họ tên học sinh: Lớp** |
| 1.Trong giờ thảo luận , em muốn thảo luận về chủ đề gì? (Có thể lựa chọn trên 2 chủ đề)  Quan hệ gia đình Ảnh hưởng của truyền thông  Vấn đề về môi trường Đời sống học đường  Mâu thuẫn về tôn giáo Đời sống xã hội  Quan hệ quốc tế Các vấn đề về kinh tế  Các vấn đề khác |

Hoặc giáo viên sử dụng phương pháp này khi cần tìm hiểu khả năng, sở thích của học sinh.

| **PHIẾU ĐIỀU TRA SỞ THÍCH VÀ KHẢ NĂNG**  Họ và tên học sinh ………………………………Lớp………………………  Để phục vụ cho hoạt động “Em bảo vệ sông suối, ao, hồ quê hương, em hãy hoàn thành phiếu điều tra sau bằng cách đánh dấu X hoặc V vào một phương án mà em cho là đúng nhất với bản thân mình: | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Sở thích /Khả năng** | **Ý kiến đánh giá của bản thân** | | |
| **Rất thích/**  **Có khả năng rất tốt** | **Thích/**  **Có khả năng** | **Bình thường/**  **Có thể làm** |
| 1 | Tìm kiếm thông tin tên mạng internet |  |  |  |
| 2 | Tìm kiếm thông tin trên sách tham khảo |  |  |  |
| 3 | Tổng hợp thông tin |  |  |  |
| 4 | Khả năng thiết kế bản trình chiếu bằng Powerpoint |  |  |  |
| 5 | Mỹ thuật, hội họa |  |  |  |
| 6 | Chụp ảnh |  |  |  |
| 7 | Thuyết trình/ hùng biện |  |  |  |
| 8 | Diễn xuất |  |  |  |
| 9 | Viết văn nghị luận |  |  |  |
| 10 | Lãnh đạo nhóm |  |  |  |

#### 2.2.4. Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của học sinh

*\* Khái niệm*

Sản phẩm là minh chứng rõ ràng nhất về năng lực của cá nhân hặc nhóm học sinh, vì vậy đánh giá năng lực cần dựa tên sản phẩm của học sinh tạo ra. Sản phẩm được tạo ra trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thường đã chứa đựng trong đó những chỉ báo của những năng lực cần được đánh giá.

Phương pháp đánh giá phân tích sản phẩm của học sinh là phương pháp đánh giá kết quả tham gia các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của học sinh khi những kết qủa ấy được thể hiện bằng cách sản phẩm như bức vẽ, video, poster, album ảnh, đồ vật, sáng tác, chế tạo, lắp ráp, bài trình bày, dự án nhỏ… Như vậy, sản phẩm là các sản phẩm hoàn chỉnh, được học sinh thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực, cần đánh giá cả quá trình xây dựng và tạo sản phẩm học tập.

*\* Ưu, nhược điểm và những yêu cầu khi sử dụng phương pháp đánh giá sản phẩm học tập*

*- Ưu điểm*: Phương pháp đánh giá này giúp cho việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn liền với thực tiễn, kích thích hứng thú của học sinh, làm cho Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trở nên ý nghĩa hơn và học sinh tham gia hoạt động một cách năng động hơn.

Thông qua các sản phẩm hoạt động, học sinh có thể tự đánh giá được khả năng thực hiện của mình. Trọng tâm của đánh giá sản phẩm là hướng vào những gì học sinh đã làm nên các em có cơ hội để thể hiện điều đã học theo các cách khác nhau, nhờ đó mà phát huy được tính sáng tạo cho học sinh.

*- Nhược điểm*: Còn chịu tác động chủ quan từ phía người đánh giá, đôi khi mất nhiều thời gian để xây dựng tiêu chí đánh giá, quan sát, phân tích, phản hồi kết quả đến từng học sinh.

*- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp đánh giá sản phẩm học tập:* Cần xây dựng chỉ dẫn cụ thể cho việc chấm điểm, bao gồm các tiêu chí và mức độ cho từng sản phẩm của học sinh nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan.

*\* Các công cụ, kĩ thuật được sử dụng trong phương pháp đánh giá sản phẩm học tập*

Công cụ thường sử dụng trong phương pháp đánh giá sản phẩm học tập là bảng kiểm, thang đánh giá, sản phẩm hoạt động của học sinh. Bảng kiểm, thang đánh giá sản phẩm học tập của học sinh trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng dựa trên yêu cầu về sản phẩm học tập. Thông thường, một sản phẩm học tập được đánh giá dựa trên các tiêu chí: nội dung, hình thức, bài thuyết trình hoặc mô tả về sản phẩm, tính hiệu quả của sản phẩm…. Ở mỗi tiêu chí đánh giá này lại được chia thành các mức độ cụ thể từ cao đến thấp với những chỉ báo cụ thể cho từng mức độ. Ví dụ Bảng mô tả tiêu chí chấm điểm sản phẩm nhóm cho Sản phẩm tuyên truyền để bảo vệ sông, suối, ao, hồ địa phươg gồm 3 nội dung đánh giá; nội dung về hình thức được chia nhỏ tương ứng với từng loại hình sản phẩm.

**BẢNG MÔ TẢ TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM SẢN PHẨM NHÓM**

**Sản phẩm tuyên truyền bảo vệ Sông suối, ao hồ địa phương**

| **Mức độ**  **ND**  **đánh giá** | **Mức 4**  **(4 điểm)** | **Mức 3**  **(3 điểm)** | **Mức 2**  **(2 điểm)** | **Mức 1**  **(1 điểm)** | **Số điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | Trình bày được:  - Tên gọi, vị trí, lịch sử (nếu có),  - Vai trò,  - Tình trạng ô nhiễm (rác thải, nước thải, mùi, màu nước),  - Nguyên nhân, hậu quả ô nhiễm nước tại địa điểm nghiên cứu. | Trình bày được 4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin. | Trình bày được 3/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác | Trình bày được 2/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác |  |
| **Hình thức đối với poster, album ảnh/ảnh** | Đúng yêu cầu đặt ra, sinh động, bắt mắt, trình bày khoa học, dễ hiểu có tính liên kết giữa các hình ảnh | Đúng yêu cầu đặt ra, sinh động, bắt mắt, trình bày chưa khoa học, tính liên kết chưa rõ nét | Đúng yêu cầu đặt ra tuy nhiên còn đơn điệu, sơ sài | Nhầm hình thức trình bày |  |
| **Hình thức đối với sản phẩm tiểu phẩm, phóng sự** | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản hay hấp dẫn, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị kỹ, phù hợp với kịch bản, huy động tối đa nhân sự nhóm tham gia | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản hấp dẫn, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị còn sơ sai nhưng vẫn phù hợp với kịch bản, huy động tối đa nhân sự trong nhóm tham gia. | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản còn đơn điệu, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị kỹ lưỡng, phù hợp với kịch bản, nhân sự tham gia chỉ ½ thành viên nhóm | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản còn đơn điệu, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị sơ sài, nhân sự tham gia nhỏ hơn ½ thành viên nhóm |  |
| **Cách thức trình bày sản phẩm trước đám đông** | Người trình bày lưu loát, dễ hiểu; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày đôi chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được một nửa thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được 2/3 thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe |  |
| **Tổng điểm** | | | | |  |

#### 2.2.5. Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh

*\* Khái niệm*

Là phương pháp đánh giá thông qua tài liệu minh chứng (hồ sơ) cho sự tiến bộ của học sinh, trong đó học sinh tự đánh giá bản thân mình, tự ghi lại kết quả trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tự đánh giá, đối chiếu với mục tiêu học tập đã đặt ra để nhận ra sự tiến bộ hoặc chưa tiến bộ, tìm nguyên nhân và cách khắc phục trong thời gian tới… Để chứng minh cho sự tiến bộ, hoặc chưa tiến bộ, học sinh tự lưu giữ những sản phẩm minh chứng cho kết quả đó cùng với những lời nhận xét của giáo viên và bạn học. Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp như một bằng chứng về những điều mà học sinh đã tiếp thu được.

Đánh giá qua hồ sơ là sự theo dõi, trao đổi những ghi chép, lưu giữ của chính học sinh về những gì các em đã nói, đã làm, cũng như ý thức, thái độ của học sinh với quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của mình cũng như với mọi người… Qua đó giúp học sinh thấy được những tiến bộ của mình, và giáo viên thấy được khả năng của từng học sinh, từ đó giáo viên sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp hoạt động tổ chức các hoạt động giáo dục.

*\* Các loại hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*

*- Hồ sơ tiến bộ*: Bao gồm những bài tập, các sản phẩm học sinh thực hiện trong quá trình học và thông qua đó, giáo viên, học sinh đánh giá quá trình tiến bộ mà học sinh đã đạt được.

Để thể hiện sự tiến bộ, học sinh cần có những minh chứng như: Một số phần trong các nhiệm vụ như: sản phẩm hoạt động nhóm, sản phẩm hoạt động cá nhân, nhận xét hoặc ghi nhận của thành viên khác trong nhóm.

- *Hồ sơ quá trình*: Là hồ sơ tự theo dõi quá trình học tập của học sinh, học ghi lại những gì mình đã làm tốt hoặc chưa tốt khi tham gia, thực hiện các nhiệm vụ, các chủ đề Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và xác định cách điều chỉnh để có thể nâng cao hiệu quả tham gia các hoạt động

*- Hồ sơ mục tiêu*: Học sinh tự xây dựng mục tiêu khi tham gia các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp của bản thân trên cơ sở tự đánh giá năng lực bản thân.

*- Hồ sơ thành tích*: Học sinh tự đánh giá về các thành tích học tập nổi trội của mình trong quá trình tham gia Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. Thông qua các thành tích học tập, học sinh tự khám phá những khả năng, tiềm năng của bản thân, như năng khiếu về Ngôn ngữ, Toán học, Vật lý, Âm nhạc… Không chỉ giúp học sinh tự tin về bản thân, hồ sơ thành tích giúp họ tự hướng và xác đinh giải pháp phát triển, khai thác tiềm năng của bản thân trong thời gian tiếp theo.

*\* Ưu, nhược điểm và yêu cầu khi sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*

*- Ưu điểm*: Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có ý nghĩa quan trọng với học sinh, là không gian cho sự sáng tạo và tìm hiểu về bản thân, khuyến khích say mê học tập, tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, tự đánh giá cho mỗi học sinh. Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một hướng học sâu và học lâu dài, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thúc đẩy học sinh chú tâm vào việc học của bản thân, yêu thích và có trách nhiệm với nhiệm vụ học tập, rèn luyện qua việc nhìn thấy khả năng học tập “tiềm ẩn” của bản thân. Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là cầu nối giữa học sinh – giáo viên, học sinh- học sinh, học sinh­ – giáo viên – cha mẹ học sinh.

*- Nhược điểm*: Cần đầu tư về mặt thời gian và công sức nhất định để xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và đánh giá qua hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Việc đánh giá qua hồ sơ có sự tham dự của các bên (học sinh, giáo viên, phụ huynh) nên đôi khi có sự khác biệt trong kết qủa đánh giá, do vậy cần có các tiêu chí phù hợp và rõ ràng.

*- Yêu cầu khi sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*:

Học sinh phải được tham gia vào quá trình đánh giá bằng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, thể hiện ở chỗ họ được tham gia lựa chọn một số sản phẩm, công việc đã tiến hành để đưa vào hồ sơ của họ. Đồng thời họ được yêu cầu suy ngẫm và viết những cảm nghĩ ngắn về những thay đổi trong sản phẩm, công việc mới so với giai đoạn trước, hay tại sao họ thấy rằng họ xứng đáng nhận các mức điểm đã cho. Học sinh phải tự suy ngẫm về từng sản phẩm của mình, nói rõ ưu điểm của họ là gì, hạn chế là gì. Giáo viên có thể yêu cầu đưa thêm lời nhận xét của cha mẹ vào phần tự suy ngẫm của học sinh. Cha mẹ có thể cùng chọn bài mẫu đưa vào hồ sơ và giúp học sinh suy ngẫm về bài làm của mình.

Cần có các tiêu chí phù hợp và rõ ràng để đánh giá sản phẩm của học sinh. Các tiêu chí đánh giá từng sản phẩm trong hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cũng giống như các tiêu chí dùng trong bảng kiểm hay rubric. Tuy nhiên ở đây, giáo viên có thể cho phép học sinh cùng tham gia thảo luận các tiêu chí dùng để đánh giá việc làm của họ. Điều đó tạo cho học sinh cảm giác “làm chủ” công việc và giúp họ hiểu bản chất nội dung của hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mà họ tạo ra. Đối với đánh giá toàn bộ hồ sơ thì việc xây dựng tiêu chí sẽ phức tạp hơn. Giáo viên phải xây dựng các tiêu chí tổng quát so sánh các bài làm trước và sau nó để có thể đánh giá tổng thể các sản phẩm trong đó.

Cần có các trao đổi ý kiến giữa giáo viên và học sinh về bài làm, sản phẩm của họ. Giáo viên hướng dẫn học sinh suy ngẫm và tự đánh giá, từ đó xác định những yếu tố học sinh cần cải thiện ở bài làm tiếp theo.

2.2.6 Phương pháp hội ý giữa các bên có liên quan

Trong đánh giá phẩm chất và năng lực, việc lấy thông tin từ các bên liên quan có ý nghĩa quan trọng. Chỉ giáo viên chủ nhiệm trực tiếp tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp thôi chưa đủ. Phương pháp này đòi hỏi các bên có liên quan đến chủ đề Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, trực tiếp làm việc với học sinh cùng thảo luận và thống nhất đưa ra đánh giá, nhận xét về học sinh.

Ưu điểm của phương pháp này là nó đảm bảo tối đa tính toàn diện trong đánh giá. Các phẩm chất và năng lực đặc thù của Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp không chỉ biểu hiện trong quá trình học sinh tham gia trải nghiệm ở trường, trong thời gian tổ chức hoạt động mà còn thể hiện ở nhà, ngoài xã hội sau thời gian tổ chức hoạt động do đó cần có sự đánh giá, hội ý thống nhất của tất cả các bên gia đình, nhà trường, xã hội trong việc đánh giá học sinh.

Hạn chế lớn nhất của phương pháp này là chịu tác động từ ý kiến chủ quan của người đánh giá; mất thời gian.

Công cụ đánh giá sử dụng cho phương pháp này là bảng tiêu chí theo từng nội dung. Căn cứ vào các tiêu chí giáo viên trao đổi những nhận định của mình về học sinh sau đó, xin ý kiến và thống nhất bản mô tả về sự phát triển của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

# NỘI DUNG 3: XÂY DỰNG CÔNG CỤ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH THPT VỀ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

### 3.1 Xây dựng công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trung học cơ sở trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công cụ**  **Phương pháp** | **Phiếu đánh giá theo tiêu chí** | **Hồ sơ hoạt động** | **Sản phẩm hoạt động** | **Bảng ghi chép** | **Câu hỏi** | **Bảng kiểm** | **Thang đánh giá** |
| **1. Trắc nghiệm** |  |  |  |  | ✓ | ✓ |  |
| **2. Quan sát các biểu hiện, hành vi và thái độ của học sinh trong hoạt động** | ✓ |  |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| **3. Khảo sát, điều tra** | ✓ |  |  |  | ✓ |  |  |
| **4. Đánh giá, phân tích “sản phẩm” của học sinh** | ✓ |  | ✓ |  | ✓ |  |  |
| **5. Phương pháp đánh giá hồ sơ tham gia hoạt động trải nghiệm của học sinh** |  | ✓ |  | ✓ | ✓ | ✓ | ✓ |
| **6. Trao đổi ý kiến của các bên liên quan** |  | ✓ |  | ✓ | ✓ |  |  |

#### 3.1.1 Một số công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

**Bảng 5: Mộ số công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

##### 3.1.1.1 Phiếu đánh giá theo tiêu chí

*\* Khái niệm*

*Rubric là một bản mô tả cụ thể các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí đó về quá trình hoạt động hoặc sản phẩm hoạt động của học sinh.*

Như vậy, rubric bao gồm hai yếu tố cơ bản: các tiêu chí đánh giá và các mức độ đạt được của từng tiêu chí, trong đó các mức độ thường được thể hiện dưới dạng thang mô tả hoặc kết hợp giữa thang số và thang mô tả để mô tả một cách chi tiết các mức độ thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

Cũng tương tự như bảng kiểm, rubric gồm một tập hợp các tiêu chí đánh giá quá trình hoạt động/sản phẩm của học sinh về một nhiệm vụ nào đó. Tuy nhiên, rubric khắc phục được nhược điểm của bảng kiểm, bởi nếu bảng kiểm chỉ đưa ra cho giáo viên 2 lựa chọn cho việc đánh giá thì rubric đưa ra nhiều hơn hai lựa chọn cho mỗi tiêu chí.

Các tiêu chí đánh giá của rubric là những đặc điểm, tính chất, dấu hiệu đặc trưng của hoạt động hay sản phẩm được sử dụng làm căn cứ để nhận biết, xác định, so sánh, đánh giá hoạt động hay sản phẩm đó.

Các tiêu chí đánh giá cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Thể hiện đúng trọng tâm những khía cạnh quan trọng của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá.

- Mỗi tiêu chí phải đảm bảo tính riêng biệt, đặc trưng cho một dấu hiệu nào đó của hoạt động/sản phẩm cần đánh giá

- Tiêu chí đưa ra phải quan sát và đánh giá được

Cấu trúc chung của rubric:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| **Tiêu chí 1** | ……………………. | …………….…….. | …………….…….. | …………………… | …………… |
| **Tiêu chí 2** | ………………..…. | …………….…….. | …………….…….. | …………………… | …………………… |
| **Tiêu chí 3** | ………………..…. | …………….…….. | …………….…….. | …………………… | …………………… |
| ……………. | ………… | ……….. | ………… | …………. | ………… |

*\* Mục đích sử dụng*

Rubric được sử dụng rộng rãi để đánh giá các sản phẩm, quá trình hoạt động, đánh giá sản phẩm và quá trình hoạt động của học sinh cũng như đánh giá cả thái độ và hành vi về những phẩm chất cụ thể.

Cũng giống như bảng kiểm, rubric được sử dụng để đánh giá cả định đính và định lượng.

- Đối với đánh giá định tính: Giáo viên dựa vào sự miêu tả các mức độ trong bản rubric để chỉ ra cho học sinh thấy khi đối chiếu sản phẩm, quá trình thực hiện của học sinh với từng tiêu chí thì những tiêu chí nào họ làm tốt và làm tốt đến mức độ nào (mức 4 hay 5), những tiêu chí nào chưa tốt và mức độ ra sao (mức 1, 2 hay 3). Từ đó, giáo viên dành thời gian trao đổi với học sinh hoặc nhóm học sinh một cách kĩ càng về sản phẩm hay quá trình thực hiện nhiệm vụ của họ để chỉ cho họ thấy những điểm được và chưa được. Trên cơ sở học sinh đã nhận ra rõ những nhược điểm của bản thân hoặc của nhóm mình, giáo viên yêu cầu học sinh đề xuất cách sửa chữa nhược điểm để cải thiện sản phẩm/quá trình cho tốt hơn. Với cách này, giáo viên không chỉ sử dụng rubric để đánh giá học sinh mà còn hướng dẫn học sinh tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Qua đó, học sinh sẽ nhận rõ được những gì mình đã làm tốt, những gì còn yếu kém, tự vạch ra hướng khắc phục những sai sót đã mắc phải, nhờ đó mà sẽ ngày càng tiến bộ. Tuy việc trao đổi giữa giáo viên và học sinh cần rất nhiều thời gian của lớp nhưng chúng thực sự đóng vai trò quyết định làm tăng hiệu quả hoạt động và tăng cường khả năng tự đánh giá của học sinh.

- Đối với đánh giá định lượng: Để lượng hóa điểm số của các tiêu chí trong bản rubric thành một điểm số cụ thể, giáo viên cần tính tổng điểm các mức độ đạt được của từng tiêu chí sau đó chia cho điểm số kì vọng để quy ra điểm phần trăm rồi đưa về hệ điểm 10. Tùy thuộc vào việc rubric được xây dựng có bao nhiêu mức độ (3, 4, hay 5 mức độ) mà việc tính điểm cho từng tiêu chí có thể khác nhau.

Ví dụ: giáo viên sử dụng bản rubric có 5 tiêu chí để đánh giá một sản phẩm tuyên truyền của học sinh và mỗi tiêu chí đó được chia làm 4 mức thì mỗi mức ứng với một mức điểm từ 1 đến 4, trong đó mức 1 ứng với điểm 1 và mức 4 ứng với điểm 4. Giả sử các tiêu chí có giá trị như nhau. Như vậy, tổng điểm cao nhất (điểm kì vọng) về bài báo cáo của học sinh là 5 x 4 = 20. Khi chấm bài cho học sinh A, tổng tất cả các tiêu chí của HS đó được 16, thì học sinh A sẽ có điểm số là: 16 : 20 x 100 = 80 (tức là 8 điểm)

*\* Thời điểm sử dụng*

Việc sử dụng rubric để đánh giá và phản hồi kết quả thường được thực hiện sau khi học sinh thực hiện xong các bài tập/nhiệm vụ được giao. Hệ thống các nhiệm vụ này rất đa dạng, phong phú: chúng có thể là các nhiệm vụ có giới hạn đòi hỏi vận dung tri thức, kĩ năng trong một phạm vi hẹp và cần ít thời gian để thực hiện. Hoặc chúng cũng có thể là các nhiệm vụ mở rộng có cấu trúc phức tạp đòi hỏi phải vận dụng nhiều tri thức, kĩ năng khác nhau và mất nhiều thời gian để hoàn thành như: dự án nghiên cứu, đề tài NCKH, thiết kế tổ chức 01 hoạt động...

Khi tiến hành sử dụng rubric cần lưu ý:

- Giáo viên cần đưa ra các tiêu chí sẽ được sử dụng để đánh giá cho học sinh ngay khi giao nhiệm vụ cho họ để họ hình dung rõ công việc cần phải làm, những gì được mong chờ ở họ và làm như thế nào để giải quyết nhiệm vụ.

- Không những thế, GV cần tập cho học sinh cùng tham gia xây dựng tiêu chí đánh giá các nhiệm vụ để họ tập làm quen và biết cách sử dụng các tiêu chí trong đánh giá.

*\* Thiết kế phiếu đánh giá theo tiêu chí*

Căn cứ vào các yếu tố cấu thành rubric, việc xây dựng rubric bao gồm hai nội dung là xây dựng tiêu chí đánh giá và xây dựng các mức độ đạt được của các tiêu chí đó.

*i) Xây dựng tiêu chí đánh giá*

- Phân tích yêu cầu cần đạt của bài học, chủ đề hoat động trải nghiệm và xác định các kiến thức, kĩ năng mong đợi ở học sinh và thể hiện những kiến thức, kĩ năng mong đợi này vào các nhiệm vụ đánh giá mà giáo viên xây dựng.

- Xác định rõ các nhiệm vụ đánh giá đã xây dựng là đánh giá hoạt động, sản phẩm hay đánh giá cả quá trình hoạt động và sản phẩm.

- Phân tích, cụ thể hóa các sản phẩm hay các hoạt động đó thành những yếu tố, đặc điểm hay hành vi sao cho thể hiện được đặc trưng của sản phẩm hay quá trình đó. Đó là những yếu tố, những đặc điểm quan trọng, cần thiết quyết định sự thành công trong việc thực hiện hoạt động/sản phẩm. Đồng thời căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chủ đề, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để từ đó xác định tiêu chí đánh giá. Sau khi thực hiện việc này ta sẽ có một danh sách các tiêu chí ban đầu.

- Chỉnh sửa, hoàn thiện các tiêu chí. Công việc này bao gồm:

+ Xác định số lượng các tiêu chí đánh giá cho mỗi hoạt động/sản phẩm. Mỗi hoạt động/sản phẩm có thể có nhiều yếu tố, đặc điểm để chọn làm tiêu chí. Tuy nhiên số lượng các tiêu chí dùng để đánh giá cho một hoạt động/sản phẩm nào đó không nên quá nhiều. Bởi trong một thời gian nhất định, nếu có quá nhiều tiêu chí đánh giá sẽ khiến cho giáo viên ít khi có đủ thời gian quan sát và đánh giá, khiến cho việc đánh giá thường bị nhiễu. Do đó, để sử dụng tốt nhất và có thể quản lý một cách hiệu quả, cần xác định giới hạn số lượng tiêu chí cần thiết nhất để đánh giá. Thông thường, mỗi hoạt động/sản phẩm có khoảng 3 đến 8 tiêu chí đánh giá là phù hợp.

+ Các tiêu chí đánh giá cần được diễn đạt sao cho có thể quan sát được sản phẩm hoặc hành vi của học sinh trong quá trình họ thực hiện các nhiệm vụ. Các tiêu chí cần được xác định sao cho đủ khái quát để tập trung vào những đặc điểm nổi bật của các hoạt động/sản phẩm, nhưng cũng cần biểu đạt cụ thể để dễ hiểu và quan sát được dễ dàng, tránh sử dụng những từ ngữ mơ hồ làm che lấp những dấu hiệu đặc trưng của tiêu chí, làm giảm sự chính xác và hiệu quả của đánh giá.

*ii) Xây dựng các mức độ thể hiện các tiêu chí đã xác định*

- Xác định số lượng về mức độ thể hiện của các tiêu chí. Sở dĩ cần thực hiện việc này là vì rubric thường sử dụng thang mô tả để diễn đạt mức độ thực hiện công việc của học sinh. Với thang đo này, không phải giáo viên nào cũng có thể phân biệt rạch ròi khi vượt quá 5 mức độ miêu tả. Khi phải đối mặt với nhiều mức độ hơn khả năng nhận biết, giáo viên có thể đưa ra những nhận định và điểm số không chính xác, làm giảm độ tin cậy của sự đánh giá. Vì thế, chỉ nên sử dụng 3 đến 5 mức độ miêu tả là thích hợp nhất.

- Đưa ra mô tả về các tiêu chí đánh giá ở mức độ cao nhất, thực hiện tốt nhất.

- Đưa ra các mô tả về các tiêu chí ở các mức độ còn lại.

- Hoàn thiện bản rubric: bản rubric cần được thử nghiệm nhằm phát hiện ra những điểm cần chỉnh sửa trước khi đem sử dụng chính thức.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất của việc thiết kế thang đo cho rubric là sử dụng từ ngữ mô tả các mức độ thực hiện tiêu chí. Cần phải sử dụng các từ ngữ diễn đạt sao cho thể hiện được các mức độ thực hiện khác nhau của học sinh. Có thể sử dụng nhiều nhóm từ ngữ để miêu tả các mức độ từ cao đến thấp hoặc ngược lại như: thực hiện tốt, tương đối tốt, chưa tốt, kém hay những từ mô tả khác như luôn luôn, phần lớn, thỉnh thoảng, ít khi, không bao giờ và nhiều nhóm từ ngữ khác, v.v...

*\* Minh họa phiếu đánh giá theo tiêu chí dùng trong kiểm tra, đánh giá Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*

Trong quá trình học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, đặc biệt là các hoạt động dưới hình thức làm việc nhóm, GV có thể xây dựng Phiếu tự đánh giá cá nhân theo tiêu chí như mẫu dưới đây để HS có thể tự đánh giá bản thân sau quá trình tham gia hoạt động cùng nhóm. Phiếu dưới đây được xây dựng dựa trên các nhiệm vụ nhóm đòi hỏi các cá nhân trong nhóm cùng phải nghiên cứu, thu thập thông tin, xây dựng sản phẩm.

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG NHÓM**

Ngày:

Tên:

Nhóm:

Xác định và mô tả nhiệm vụ của bạn trong nhóm:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **1 điểm**  **Bắt đầu** | **2 điểm**  **Phát triển** | **3 điểm**  **Hoàn thành** | **4 điểm**  **Mẫu mực** | **Điểm**  *(Tổng cao nhất 20 điểm)* |
| *1.* *Nghiên cứu, thu thập thông tin và chia sẻ thông tin* | Tôi không tìm kiếm được thông tin có liên quan đến chủ đề. Tôi không chia sẻ thông tin với nhóm. | Tôi tìm kiếm được một vài thông tin nhưng chỉ một lượng nhỏ là có lích cho chủ đề.Tôi chia sẻ một ít thông tin với nhòm | Tôi tìm kiếm được một số thông tin có liên quan đến chủ đề nhưng không phải tất cả. Tôi chia sẻ một số thông tin hữu ích với nhóm | Tôi tìm kiếm được nhiều thông tin cho chủ đề hoặc nhiệm vụ được giao Tôi chia sẻ nhiều thông tin hữu ích với nhóm |  |
| *2.* *Sự tham gia vào nhiệm vụ nhóm* | Tôi không tham gia nhiệm vụ nào hoặc buổi họp nhóm nào. | Tôi tham gia dưới một nửa các nhiệm vụ hoặc buổi họp nhóm. | Tôi tham gia hơn một nửa các nhiệm vụ hoặc buổi họp nhóm nhưng không phải tất cả | Tôi tham gia tất cả các nhiệm vụ hoặc buổi họp nhóm |  |
| *3.* *Hoàn thành nhiệm vụ* | Tôi không hoàn thành nhiệm vụ nào được giao. | Tôi hoàn thành ít hơn một nửa nhiệm vụ được giao. | Tôi hoàn thành nhiều hơn một nửa nhưng không phải tất cả nhiệm vụ được giao | Tôi hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được giao |  |
| *4. Lắng nghe ý kiến của các thành viên khác* | Tôi không lắng nghe các thành viên trong nhóm, tôi nghĩ và làm theo cách của tôi. | Tôi không thường xuyên lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác cho nhóm. | Tôi gần như lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác cho nhóm. | Tôi lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác cho nhóm nếu thấy có hiệu quả cho nhóm tôi đồng ý theo họ. |  |
| *5. Giải quyết vấn đề khi có bất đồng* | Tôi tranh cãi với cách nghĩ mọi người và cố gắng để họ suy nghĩ như cách của tôi. | Thỉnh thoảng tôi tranh cãi với các thành viên khác của nhóm | Tôi thảo luận các vấn đề với các thành viên và chỉ 1 vài lần tranh cãi. | Tôi thảo luận không tranh cãi với các thành viên trong nhóm. |  |

##### 3.1.1.2 Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

*\* Khái niệm*

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là tập tài liệu về các sản phẩm được lựa chọn một cách có chủ đích của học sinh trong quá trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, được sắp xếp có hệ thống và theo một trình tự nhất định.

Những sản phẩm có thể lưu trữ trong hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gồm:

− Các bài làm, bài kiểm tra, bài báo cáo, ghi chép ngắn, sơ đồ, các sáng chế v.v… của cá nhân HS.

− Các báo cáo, bài tập, nhận xét, bản kế hoạch, tập san, mô hình, … được làm theo nhóm.

− Các hình ảnh, âm thanh như: ảnh chụp, băng ghi âm, đoạn video, tranh vẽ, chương trình/phần mềm máy tính v.v…

Tuy nhiên cần lưu ý rằng: hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp không chỉ đơn giản là tập hợp tất cả các sản phẩm đã thực hiện của học sinh. Các yếu tố đưa vào trong hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cần được lựa chọn cẩn thận và có cân nhắc để phục vụ cho mục đích cụ thể.

*\* Mục đích sử dụng*

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau, nhưng hai mục đích chính của hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là:

− Trưng bày/giới thiệu thành tích của học sinh: Với mục đích này, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chứa đựng các bài làm, sản phẩm tốt nhất, mang tính điển hình của học sinh trong quá trình hoạt động trải nghiệm. Nó được dùng cho việc khen ngợi, biểu dương thành tích mà học sinh đạt được. Nó cũng có thể dùng trong đánh giá tổng kết hoặc trưng bày, giới thiệu cho người khác xem.

− Chứng minh sự tiến bộ của học sinh về một chủ đề/lĩnh vực nào đó theo thời gian. Loại hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp này thu thập các mẫu nhiệm vụ đã được thực hiện liên tục của học sinh trong một giai đoạn hoạt động nhất định để chẩn đoán khó khăn trong hoạt động, hướng dẫn cách tham gia các hoạt động mới, qua đó cải thiện hiệu quả tham gia hoạt động của học sinh. Đó là những sản phẩm cho phép GV, bản thân học sinh và các lực lượng khác có liên quan nhìn thấy sự tiến bộ và sự cải thiện việc hoạt động theo thời gian ở học sinh.

Qua mục đích của hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp có thể nhận thấy: hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mang tính cá nhân rất cao, mỗi hồ sơ có nét độc đáo riêng. Nó không dùng vào việc so sánh, đánh giá giữa các HS với nhau (không so sánh sản phẩm của HS này với HS khác). Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tập trung vào hỗ trợ và điều chỉnh việc hoạt động của HS. Nó cho phép HS cơ hội để nhìn nhận lại và suy ngẫm về sản phẩm và quá trình mà họ đã thực hiện, qua đó họ phát huy điểm mạnh và khắc phục hạn chế trong quá trình tham gia hoạt động.

*\* Thời điểm sử dụng*

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được sử dụng trong nhiều thời điểm khác nhau của năm học. Với hồ sơ đánh giá sự tiến bộ của HS thì sẽ được sử dụng thường xuyên. Sau mỗi lần lựa chọn sản phẩm để đưa vào hồ sơ, GV có thể tổ chức cho HS đánh giá cho từng sản phẩm đó. Vào cuối kì hoặc cuối năm, toàn bộ các nội dung của hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sẽ được đánh giá tổng thể. GV cũng có thể sử dụng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong các cuộc họp phụ huynh cuối kì, cuối năm để thông báo cho cha mẹ HS về thành tích và sự tiến bộ của con em họ.

Vì đánh giá bằng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một hình thức mới lạ nên để tránh bỡ ngỡ, GV cần giới thiệu về hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS cũng như cha mẹ HS ngay từ đầu năm học. Việc giới thiệu cho cha mẹ HS có thể khuyến khích họ cùng tham gia vào đánh giá bằng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, qua đó thể hiện trách nhiệm của họ đối với việc hoạt động của HS. GV cũng cần giới thiệu cụ thể về các tiêu chí, yêu cầu sản phẩm và cách đánh giá cho HS và cha mẹ được biết.

*\* Thiết kế các dạng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp/ thiết kế và quản lý hồ sơ*

Các sản phẩm đưa vào hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được lấy từ các hoạt động hoạt động hàng ngày của HS như nhiệm vụ về nhà, các báo cáo, băng ghi âm, hình vẽ, tranh vẽ… do GV giao cho, hoặc từ các bài kiểm tra thường xuyên và định kì.

Một câu hỏi đặt ra là: Ai sẽ là người lựa chọn các sản phẩm để đưa vào hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp? Đối với HS lứa tuổi trung học, họ chưa thể chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc lựa chọn các sản phẩm đưa vào hồ sơ, nên cần có sự hướng dẫn cụ thể của GV lúc ban đầu. Tuy nhiên dù hướng dẫn HS lựa chọn sản phẩm đưa vào hồ sơ nhưng GV vẫn phải là người kiểm soát chính trong vấn đề này.

Cần xác định số lượng sản phẩm đưa vào hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, bởi lẽ nếu lựa chọn quá nhiều bài làm đưa vào hồ sơ mà không có sự phân loại sẽ gây khó khăn cho việc sắp xếp, nhưng nếu quá ít sản phẩm thì lại không đủ thông tin để đánh giá. Đối với hồ sơ minh chứng sự tiến bộ của HS thì cần khoảng mươi, mười lăm bài cho suốt quá trình hoạt động trải nghiệm. Đối với hồ sơ nhằm đánh giá thành tích thì cần ít sản phẩm hơn, khoảng 3 - 5 sản phẩm mẫu là đủ.

Hồ sơ phải được phân loại và sắp xếp khoa học:

− Xếp loại theo tính chất của sản phẩm theo các dạng thể hiện khác nhau: các bài làm, bài viết, ghi chép được xếp riêng, các băng đĩa ghi hình, ghi âm được xếp riêng rẽ.

− Xếp theo thời gian: các sản phẩm trên lại được sắp xếp theo trình tự thời gian để dễ dàng theo dõi sự tiến bộ của HS theo từng thời điểm. Khi lựa chọn sản phẩm đưa vào hồ sơ cần có mô tả sơ lược về ngày làm bài, ngày nộp bài và ngày đánh giá. Đặc biệt nếu là hồ sơ nhằm đánh giá sự tiến bộ của HS mà không ghi ngày tháng cho các sản phẩm thì rất khó để thực hiện đánh giá. Tốt nhất nên có mục lục ở đầu mỗi hồ sơ để dễ theo dõi.

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đòi hỏi không gian. Chúng phải được lưu trữ an toàn nhưng phải dễ lấy ra để sử dụng. Việc kiểm tra, quản lý, duy trì và đánh giá hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của HS là tốn thời \* *Minh họa hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dùng trong kiểm tra, đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp*

Trong tổ chức HĐTNHN, để có thể đánh giá toàn bộ quá trình tham gia hoạt động của học sinh, GV cần hướng dẫn HS xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cá nhân. Ví dụ: trong học kỳ 1, học sinh A tham gia:

- 01 hoạt động trải nghiệm dưới loại hình hoạt động giáo dục theo chủ đề định kỳ dưới hình thức tham quan dã ngoại tại 01 địa điểm di tích lịch sử văn hóa địa phương.

- 16 – 17 tiết hoạt động trải nghiệm dưới loại hình hoạt động giáo dục chủ đề thường xuyên.

- 16 – 17 tiết hoạt động trải nghiệm dưới loại hình sinh hoạt dưới cờ.

GV có thể hướng dẫn HS xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo tiến trình các hoạt động, trong đó yêu cầu HS xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cá nhân bao gồm: (1) nhật ký tham gia các hoạt động giáo dục chủ đề thường xuyên (bao gồm phần mô tả nhiệm vụ, quá trình tham gia nhiệm vụ, các minh chứng hình ảnh về quá trình tham gia và sản phẩm), (2) phiếu tự đánh giá, phiếu đánh giá của các thành viên khác trong nhóm sau khi kết thúc chủ đề, (3) bài thu hoạch, các sản phẩm hoặc hình ảnh sản phẩm đối với hoạt động trải nghiệm định kì, các loại phiếu đánh giá, (4) bài thu hoạch, phiếu đánh giá (nếu có) đối với loại hình sinh hoạt dưới cờ.

Hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cá nhân học sinh hoặc có thể là hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhóm, được HS tự thiết kế, tổng hợp các minh chứng, tư liệu. Có thể coi hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là một dạng “vở ghi’’ đặc biệt cho HĐTNHN.

##### 3.1.1.3 Sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

*\* Khái niệm*

Bất cứ quá trình tham gia hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp nào của HS cũng đều có sản phẩm.

Sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là kết quả của việc tham gia hoạt động của HS, là bằng chứng của sự vận dụng kiến thức, kĩ năng mà HS đã có. Thông qua sản phẩm hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, GV đánh giá sự tiến bộ của HS, đánh giá quá trình tạo ra sản phẩm và đánh giá mức độ đạt được các năng lực của HS. Cần lưu ý, trong đánh giá sản phẩm hoạt động hay sản phẩm học tập vừa là một công cụ đánh giá, vừa là một đối tượng đánh giá. Khi coi sản phẩm hoạt động là công cụ đánh giá thì bản thân sản phẩm đó đã chứa đựng những yếu tố về phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình tạo ra sản phẩm. Người đánh giá dùng sản phẩm đó để đo lường mức độ đạt được những mục tiêu phẩm chất, năng lực mà việc thiết kế tạo ra sản phẩm hướng tới.

Sản phẩm hoạt động của HS rất đa dạng, là kết quả của thực hiện các nhiệm vụ hoạt động như tranh vẽ, bản thiết kế các album, poster, video, làm dự án hoạt động, nghiên cứu đề tài khoa học- kĩ thuật, bài viết cảm nhận.... HS phải trình bày sản phẩm của mình, GV sẽ nhận xét và đánh giá. Dưới đây là một số sản phẩm hoạt động hoạt động cơ bản của HS:

− Dự án hoạt động là kế hoạch cho một hoạt động hoạt động, được thiết kế và thực hiện bởi học sinh trong dưới sự hỗ trợ của GV. Thông qua các dự án thực hiện trong vài giờ hoặc một vài tuần, GV theo dõi quá trình HS thực hiện để đánh giá các em về khả năng tự tìm kiếm và thu thập thông tin, tổng hợp và phân tích chúng theo mục tiêu của chủ đề, đánh giá các kĩ năng cần thiết trong cuộc sống như cam kết làm việc, lập kế hoạch, hợp tác, nhận xét, bình luận, giải quyết vấn đề, ra quyết định, thuyết trình...

− Sản phẩm nghiên cứu khoa học của HS là sản phẩm của phương thức nghiên cứu trong tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Thông qua sản phẩm nghiên cứu khoa học của HS, GV đánh giá được kĩ năng tự tìm kiếm và thu thập thông tin, kĩ năng tư duy, khả năng tư duy biện chứng, kĩ năng nhận xét, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày…

− Sản phẩm thực hành, thí nghiệm/chế tạo: HS sẽ đươc đánh giá trên cơ sở hoạt động trình diễn, tiến hành thực hiện thí nghiệm/ chế tạo để có được một sản phẩm cụ thể. Thông qua sản phẩm thực hành, thí nghiệm, GV đánh giá được kiến thức, kĩ năng của HS, khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thí nghiệm, ý thức, thái độ của các em, cũng như các mức độ đạt được của năng lực mà GV cần đánh giá.

*\* Mục đích sử dụng*

Sử dụng các sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để giúp GV đánh giá sự tiến bộ của HS, đánh giá năng lực vận dụng, năng lực hành động thực tiễn, kích thích động cơ, hứng thú hoạt động cho HS, phát huy tính tích tự lực, ý thức trách nhiệm, sáng tạo, phát triển năng lực giải quyết vấn đề phức hợp, phát triển năng lực cộng tác làm việc, rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn, phát triển năng lực đánh giá..cho HS

*\* Cách sử dụng*

Sử dụng các sản phẩm hoạt động để đánh giá sau khi HS kết thúc một quá trình thực hiện các hoạt động hoạt động ở trên lớp, trong phòng thí nghiệm hay trong thực tiễn. GV sử dụng sản phẩm hoạt động để đánh giá sự tiến bộ của HS và khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ vào trong các hoạt động thực hành, thực tiễn.

Để việc đánh giá sản phẩm được thống nhất về tiêu chí và các mức độ đánh giá, GV có thể thiết kế thang đo. Thang đo sản phẩm là một loạt mẫu sản phẩm có mức độ chất lượng từ thấp đến cao. Người đánh giá so sánh sản phẩm của HS với những sản phẩm mẫu chỉ mức độ trên thang đo để tính điểm.

GV có thể thiết kế Rubric định lượng và Rubric định tính để đánh giá sản phẩm hoạt động của HS.

*\*Xác định yêu cầu, hướng dẫn đối với sản phẩm hoạt động.*

Một sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được lựa chọn để đánh giá, cần đảm bảo những yêu cầu sau:

− Sản phẩm hoạt động phải gắn với thực tiễn, có ý nghĩa thực tiễn-xã hội.

− Chủ đề và sản phẩm hoạt động phù hợp với hứng thú, hiểu biết, kinh nghiệm của HS.

−Thể hiện sự tham gia tích cực và tự lực của HS vào các giai đoạn của quá trình tạo ra sản phẩm.

− Kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, huy động nhiều giác quan.

− Những sản phẩm có thể công bố, giới thiệu được.

− Có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau.

− Thể hiện tính cộng tác làm việc: Các hoạt động tạo ra sản phẩm được thực hiện theo nhóm, thể hiện việc học mang tính xã hội.

*\* Minh họa sản phẩm hoạt động dùng trong kiểm tra, đánh giá HĐTNHN theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*

Để sử dụng sản phẩm hoạt động của học sinh như một công cụ trong đánh giá cần lưu ý tới việc xác định rõ mục tiêu hướng tới của sản phẩm đó là gì, từ đó xây dựng các công cụ đánh giá sản phẩm để xác định được sản phẩm đạt ở mức độ như thế nào sẽ tương ứng với mức độ đạt được về mục tiêu đã đề ra cho hoạt động thiết kế, xây dựng sản phẩm hoạt động của học sinh. Như vậy, các công cụ để đánh giá sản phẩm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp lúc này là các công cụ trung gian để đánh giá, còn công cụ trực tiếp để đánh giá sự tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh chính là sản phẩm của hoạt động trải nghiệm.

Trong HĐTNHN, sản phẩm hoạt động của học sinh hết sức đa dạng, phong phú đặc biệt là các HĐTNHN được tổ chức dưới phương thức có tính thể nghiệm tương tác, phương thức có tính nghiên cứu... Để đánh giá sản phẩm hoạt động các phương thức tổ chức này cần căn cứ vào nội dung, yêu cầu nhiệm vụ hoạt động mà học sinh/ nhóm học sinh nhận được. Ngoài ra các tiêu chí đánh giá sản phẩm còn căn cứ vào yêu cầu về hình thức trình bày sản phẩm: sản phẩm là một tiết mục sân khấu hóa sẽ có các tiêu chí khác sản phẩm bài trình bày dưới dạng bài thuyết trình, bài trình chiếu trên powerpoint, poster... Thông thường, để đánh giá sản phẩm của học sinh trong HĐTNHN cần các tiêu chí: Ý tưởng, nội dung, tài nguyen, hình thức trình bày, cách thức trình bày, thời gian trình bày, mức độ phản hồi các nhận xét, góp ý.... Thang điểm cho từng tiêu chí cũng cần được cân đối, nếu sản phẩm là bài trình bày thì tiêu chí trình bày sản phẩm (thuyết trình), nội dung thuyết trình sẽ đạt trọng số cao hơn các tiêu chí khác. Nếu sản phẩm là poster tiêu chí hình thức sản phẩm được ưu tiên hơn.

Ví dụ dưới đây là Phiếu đánh giá sản phẩm là bài báo cáo trong chủ đề có yêu cầu cần đạt là Thực hiện được việc lập kế hoạch, tiến hành khảo sát và báo cáo kết quả đề tài Làm chủ và kiểm soát được các mối quan hệ với bạn bè ở trường cũng như qua mạng xã hội Lớp 11. Với chủ đề này học sinh được giao nhiệm vụ nhóm với nội dung nghiên cứu là: khảo sát về thực trạng kiểm soát các mối quan hệ với bạn bè của trên mạng xã hội; hình thức trình bày là bài trình bày có sử dụng các phần mềm, ứng dụng trình chiếu quen thuộc như: Powerpoint, Movie Maker, Photostory. Nếu bài báo cáo đạt yêu cầu (ví dụ trên mức 50 điểm) có nghĩa học sinh đã đạt được mục tiêu của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp mà giáo viên đề ra.

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM BÀI BÁO CÁO CỦA CÁC NHÓM**

Nhóm được đánh giá: …………………………………………………………

| **Nội dung đánh giá** | **Thang điểm** | **Điểm thực tế** |
| --- | --- | --- |
| **1) Ý tưởng xây dựng sản phẩm**  Có ý tưởng độc đáo, sáng tạo, sắp xếp trật tự, khoa học và lôgic.  Có ý tưởng hay, sáng tạo, nhưng sắp xếp chưa khoa học và lô gic.  Thiếu ý tưởng sáng tạo, sắp xếp rời rạc, chưa khoa học và lôgic. | **10**  10  8  5 |  |
| **2) Nội dung sản phẩm báo cáo**  Chính xác, đầy đủ, có tính giáo dục và thuyết phục.  Chính xác, đầy đủ, có tính giáo dục nhưng chưa thuyết phục.  Thiếu chính xác, chưa đầy đủ, có tính giáo dục, thiếu thuyết phục. | **30**  30  20  15 |  |
| **3) Tài nguyên (tài liệu)**  Đầy đủ, phù hợp, đa dạng, xử lí thông tin tốt  Đầy đủ, phù hợp, thiếu sự đa dạng, hạn chế khi xử lí thông tin  Chưa đầy đủ, thiếu sự đa dạng và xử lí kém | **15**  15  10  7 |  |
| **4) Hình thức trình bày, báo cáo**  Cấu trúc hợp lí, màu sắc, font chữ phù hợp, sử dụng phần mềm tin học (Powerpoint, Movie Maker, Photostory…) để báo cáo tốt.  Cấu trúc hợp lí, màu sắc, font chữ phù hợp, nhưng sử dụng phần mềm tin học (Powerpoint, Movie Maker, Photostory…) báo cáo chưa tốt.  Cấu trúc chưa hợp lí, màu sắc, font chữ kém, sử dụng phần mềm tin học (Powerpoint, Movie Maker, Photostory…) báo cáo chưa tốt. | **15**  15  10  8 |  |
| **5) Cách thức trình bày sản phẩm**  Cả nhóm cùng trình bày sản phẩm, có tính thuyết phục, hấp dẫn.  Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, có tính thuyết phục, hấp dẫn.  Đại diện nhóm trình bày sản phẩm, ít có tính thuyết phục, hấp dẫn. | **10**  10  7  5 |  |
| **6) Thời gian báo cáo**  Đúng thời gian, phù hợp giữa các phần trong bài trình bày  Đúng thời gian, chưa phù hợp giữa các phần trong bài trình bày  Thừa hoặc thiếu thời gian, chưa phù hợp giữa các phần trong bài trình bày | **10**  15  10  7 |  |
| **7) Nhận xét, góp ý và trả lời phản biện các nhóm**  Nhóm nhận xét, góp ý hay, không trùng lặp các nhóm; phần trả lời câu hỏi thuyết phục.  Nhóm nhận xét, góp ý hay, ít trùng lặp các nhóm; phần trả lời câu hỏi tương đối thuyết phục.  Nhóm nhận xét, góp ý không hay, thường trùng lặp các nhóm; phần trả lời câu hỏi chưa thuyết phục. | **10**  10  7  5 |  |

##### 3.1.1.4 Bảng ghi chép

*\* Khái niệm*

Bảng ghi chép là một công cụ đánh giá thông qua việc ghi chép lại những gì quan sát học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Những ghi chép cung cấp cho GV thông tin về *mức độ người học tập trung xử lí thông tin, phối hợp với nhóm bạn học, những khó khăn/vướng mắc của người học... cũng như những quan sát tổng hợp về cách học, thái độ và hành vi khi tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Hàng ngày GV làm việc với HS, quan sát HS và ghi nhận được rất nhiều thông tin về hoạt động của HS. Ví dụ, *HS A luôn thiếu tập trung chú ý và hay nhìn ra cửa sổ trong khi giáo viên hướng dẫn các nhiệm vụ của hoạt động trải nghiệm. HS B luôn làm xong nhiệm vụ của mình sớm và giúp đỡ các bạn khác trong quá trình làm việc nhóm. HS C luôn gây gổ khi có bất đồng trong quá trình làm việc nhóm*… Những sự kiện nhỏ hàng ngày như vậy có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá. Nó giúp cho GV dự đoán khả năng và cách ứng xử của HS trong những tình huống khác nhau hoặc giải thích cho kết quả thu được từ những bài thu hoạch, phiếu tự đánh giá của HS.

Tuy nhiên, những ấn tượng mà GV có được thông qua quan sát thường mang màu sắc chủ quan, vì vậy cần phải biết cách ghi chép thật khoa học, có hệ thống trong khi quan sát. Cách tốt nhất là *sử dụng sổ cá nhân ghi chép hoạt động của học sinh*.

Ghi chép những hoạt động của học sinh trong hoạt động trải nghiệm là việc mô tả lại những sự kiện hay những tình tiết *đáng chú ý* mà GV nhận thấy trong quá trình tiếp xúc với HS. Những sự kiện cần được *ghi chép lại ngay sau khi nó xảy ra*. Mỗi HS cần được dành cho một vài tờ trong sổ ghi chép. Cần ghi tách biệt phần mô tả sự kiện với phần nhận xét về sự kiện của GV. Sau một vài sự kiện, GV có thể ghi chú những cách giải quyết để cải thiện tình hình tham gia hoạt động trải nghiệm của của HS hoặc điều chỉnh những sai lầm mà HS mắc phải.

**MẪU GHI CHÉP SỰ KIỆN THƯỜNG NHẬT**

Tên HS: …………….…… Lớp:…… Thời gian: ...……............ Địa điểm:.....……………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả thái độ, hành bi** | **Nhận xét** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |

GV có thể sử dụng sổ cá nhân để ghi chép các sự kiện thường nhật… thu thập nhiều thông tin về kết quả rèn luyện và tham gia hoạt động trải nghiệm của HS.

Tuy nhiên, GV không có khả năng quan sát và ghi chép được tất cả những hành vi, sự kiện, diễn ra hàng ngày của HS dù rằng chúng đều có thể là những thông tin có giá trị. Do vậy, cần phải có *sự chọn lựa trong quan sát*. Để việc quan sát và ghi chép có tính khả thi, GV cần:

+ Hướng việc quan sát vào *những hành vi không thể đánh giá được bằng những phương pháp khác*.

+ Giới hạn việc quan sát tập trung vào một vài loại *hành vi nào đó được xem là đặc trưng, điển hình*… tuỳ theo mục đích đánh giá và mục tiêu quan sát của GV.

+ Giới hạn phạm vi quan sát ở *một vài đối tượng HS* cần tới sự giúp đỡ đặc biệt của GV.

*\* Ưu điểm*

Bản ghi chép quan sát, sổ cá nhân ghi chép sự kiện là nó *mô tả lại những hành vi của HS trong tình huống tự nhiên*. Qua hoạt động và việc làm cụ thể, HS thể hiện mình rõ nét và chân thực nhất.

Việc ghi chép sự kiện cũng có thể ghi lại được những tình huống rất hiếm hoi, không điển hình nhưng rất quan trọng trong việc đánh giá HS mà không phương pháp nào thay thế được. Ví dụ, một HS rất ít nói tự nhiên lại nói rất nhiều. Một HS rất hung hăng, tự nhiên lại hiền lành dễ mến… Nhờ chú ý và ghi chép lại những tình huống như vậy mà GV có thể phát hiện ra nhiều đặc điểm tính cách mới mẻ và xác định được biện pháp giáo dục phù hợp với HS.

*Quan sát đặc biệt có ích đối với HS nhỏ*, lứa tuổi chưa có khả năng làm bài kiểm tra viết hay chưa có khả năng tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau. Trẻ nhỏ lại thường có những hành vi bột phát và không kiềm chế nên việc quan sát, giải thích hành vi thường dễ dàng và chính xác hơn.

*\* Hạn chế*

Việc ghi chép sự kiện thường nhật có hạn chế là nó đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian và công sức để để ghi chép một cách *liên tục và có hệ thống*. Hơn nữa, rất khó để đảm bảo việc ghi chép và nhận xét các sự kiện một cách hoàn toàn khách quan. Tuy nhiên, việc tổng hợp ý kiến của tất cả các GV tham gia ghi chép về một HS thì việc đánh giá sẽ khách quan hơn.

Hành vi của HS thường có xu hướng không ổn định, lúc này hăng hái, lúc khác lại thờ ơ; có lúc lạnh lùng, có lúc lại cởi mở… tuỳ vào từng tình huống, thời gian, địa điểm khác nhau. Vì vậy, GV khó có thể thu thập đầy đủ thông tin để có một bức tranh toàn diện về HS. GV chỉ nên đưa ra đánh giá của mình khi đã có đầy đủ lượng thông tin cần thiết.

*\* Các lưu ý để đảm bảo hiệu quả của bảng ghi chép*

Để việc ghi chép hoạt động của HS có hiệu quả, GV cần tuân theo một số yêu cầu sau:

Xác định trước những sự kiện cần quan sát, nhưng cũng cần chú ý đến những sự kiện bất thường.

Quan sát và ghi chép đầy đủ về sự kiện đặt trong một tình huống/bối cảnh cụ thể để sự kiện trở nên có ý nghĩa hơn. Sự kiện xảy ra cần phải được ghi chép lại càng sớm càng tốt.

Tách riêng phần mô tả chân thực sự kiện và phần nhận xét của GV. Cần ghi chép cả những hành vi tích cực và hành vi tiêu cực.

Cần thu thập đầy đủ thông tin trước khi đưa ra những nhận xét, đánh giá về hành vi, thái độ của HS.

*\* Minh họa bảng ghi chép các hoạt động của học sinh trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp*

Trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp giáo viên có thể xây dựng bảng ghi chép theo chủ đề, theo thời gian để ghi chép nhanh. Sau đó về cập nhật thông tin vào bảng ghi chép biểu hiện của từng cá nhân học sinh trong toàn bộ năm học. Như vậy, quá trình này gồm 2 khâu, ghi chép chung và cập nhật thông tin vào bảng ghi chép cá nhân. Điều này tránh việc giáo viên bị mất thời gian trong quá trình ghi chép những quan sát của mình về học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm

**BẢNG GHI CHÉP BIỂU HIỆN CỦA HỌC SINH THAM GIA**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

Tên Chủ đề: …… ……………………………

Lớp:…… Thời gian: .........Địa điểm:.....……………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên học sinh** | **Mô tả thái độ, hành vi** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn A |  |  |
| 2 | Trần Hồng B |  |  |
| 3 | Vũ Đình C |  |  |
| 4 | Nguyễn Thị M |  |  |
| ….. |  |  |  |

**BẢNG GHI CHÉP BIỂU HIỆN CỦA HỌC SINH THAM GIA**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP**

Tên HS: …………….…… Lớp:……

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian – Chủ đề**  **trải nghiệm, hướng nghiệp** | **Mô tả thái độ, hành vi** | **Nhận xét** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

##### 3.1.1.5 Câu hỏi (bảng hỏi, bài trắc nghiệm khách quan…)

*\* Khái niệm*

Câu hỏi là một trong các công cụ khá phổ biến được dùng trong kiểm tra, đánh giá. Câu hỏi có thể được sử dụng trong kiểm tra miệng, kiểm tra viết dưới dạng: tự luận, trắc nghiệm, bảng hỏi ngắn, thẻ kiểm tra, bảng KWLH…Trong tài liệu này, xin giới thiệu công cụ câu hỏi trong kiểm tra vấn đáp và kiểm tra viết với các dạng bảng hỏi ngắn, thẻ kiểm tra, bảng KWLH.

- Câu hỏi vấn đáp là cách thức GV tổ chức hỏi và đáp giữa GV và HS, qua đó thu được thông tin về kết quả hoạt động của HS. Kiểm tra bằng câu hỏi vấn đáp có thể sử dụng ở mọi thời điểm trong quá trình hoạt động cũng như trong khi thi cuối học kì hoặc cuối năm học, HS cần trình bày diễn đạt bằng ngôn ngữ nói.

- Bảng hỏi ngắn (với những câu hỏi mở hoặc đóng) hoặc một bài trắc nghiệm đơn giản là dạng bảng hỏi để kiểm tra kiến thức nền của HS, trong đó yêu cầu HS hoàn thành trước khi bắt đầu một chủ đề mới.

- Thẻ kiểm tra là các câu hỏi ngắn GV đưa ra cho HS nhằm đánh giá kiến thức của HS trước, trong và sau mỗi mỗi chủ đề.

- Bảng KWL là một công cụ nhằm yêu cầu HS bắt đầu chủ đề bằng việc động não tất cả những gì các em đã biết, muốn biết, biết được về chủ đề hoạt động và khuyến khích HS tìm tòi, tham gia hoạt động.

\* *Mục đích sử dụng*

Với việc sử dụng các dạng câu hỏi khác nhau, GV có thể gợi mở, củng cố, tổng kết, kiểm tra kiến thức, kĩ năng, thái độ của HS trong quá trình tổ chức hoạt động.

− Thông qua hỏi − đáp, GV có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với học sinh, nhờ đó có thể đánh giá được thái độ của học sinh, mặt khác, bằng những câu hỏi đa dạng, GV không chỉ thu thập được thông tin về hiểu biết của người học theo tiêu chuẩn chung mà còn có thể phát hiện ra những năng lực đặc biệt hoặc những khó khăn, thiếu sót của từng cá nhân học sinh. Tuy nhiên, với số lượng câu hỏi rất ít nên khó bao quát toàn bộ chương trình Hoạt dộng trải nghiệm, việc đánh giá bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan, HS được hỏi những câu hỏi khác nhau với thời lượng, ở điều kiện không như nhau, do đó ảnh hưởng đến tính khách quan. Câu hỏi vấn đáp được sử dụng chủ yếu để kiểm tra kiến thức của học sinh, thường tốn nhiều thời gian để tiến hành.

− Bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền không chỉ giúp GV có được thông tin về những kiến thức HS đã chuẩn bị cho chủ đề HĐTNHN mà còn giúp xác định được điểm bắt đầu hiệu quả nhất của một chủ đề mới phù hợp với từng đối tượng. Bên cạnh đó, kết quả thu được từ bảng hỏi ngắn kiểm tra kiến thức nền sẽ giúp HS hệ thống lại những kiến thức cơ bản đã tích luỹ được liên quan đến chủ đề mới.

− Thẻ kiểm tra nhằm đánh giá kiến thức của HS trước, trong và sau mỗi bài học hoặc sau mỗi chủ đề học tập.

− Bảng KWLH nhằm giúp GV tìm hiểu kiến thức có sẵn của HS về chủ đề, đặt ra mục tiêu cho chủ đề hoạt động, rút ra những điều đã lĩnh hội được sau khi tham gia hoạt động.

*\* Cách sử dụng*

**Cách sử dụng câu hỏi vấn đáp**

Câu hỏi vấn đáp được sử dụng trong quá trình dạy học để kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ của HS trên lớp học.

**Yêu cầu xây dựng câu hỏi[[1]](#footnote-1)**

– Câu hỏi chính xác thể hiện trong hình thức rõ ràng đơn giản;

– Câu hỏi chính xác rõ ràng giúp học sinh hình thành đ­ược câu trả lời đúng, nếu câu hỏi đa nghĩa, phức tạp sẽ gây khó khăn cho sự t­ư duy của HS;

– Câu hỏi xây dựng theo hệ thống lôgíc chặt chẽ. Để xây dựng hệ thống câu hỏi theo yêu cầu này, cần căn cứ vào cấu trúc nội dung bài học;

– Hệ thống câu hỏi đư­ợc thiết kế theo quy luật nhận thức và khả năng nhận thức của đối tượng cụ thể:

Xây dựng câu hỏi từ dễ đến khó;

Từ cụ thể đến khái quát, từ khái quát đến cụ thể;

Câu hỏi từ tái tạo đến sáng tạo;

Số l­ượng câu hỏi vừa phải, sử dụng câu hỏi tập trung vào nội dung “phải biết” trong bài học (trọng tâm bài học).

Sử dụng các 6 loại câu hỏi, xếp thứ tự từ thấp đến cao theo thang đánh giá của Bloom: biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá

**Những yêu cầu khi đặt câu hỏi**

Câu hỏi đ­ược đ­ưa ra một cách rõ ràng;

Câu hỏi h­ướng tới cả lớp;

Chỉ định một HS trả lời, cả lớp lắng nghe và phân tích câu trả lời;

GV có kết luận

**Những yêu cầu khi giáo viên nhận xét bằng lời nói câu trả lời của học sinh**

− Nhận xét tích cực bằng lời nói có tác dụng điều chỉnh hành vi.

− HS có xu hướng tự điều chỉnh hành vi theo sự kì vọng của GV. Những HS không được tôn trọng, kì vọng cao thường có xu hướng suy nghĩ bi quan, tiêu cực và dẫn đến buông xuôi; ngược lại những HS được tôn trọng, kỳ vọng cao… có xu hướng suy nghĩ lạc quan, tích cực sẽ đạt được những thành công. Điều này phụ thuộc vào những lời nhận xét mang tính xây dựng, thể hiện sự tin tưởng, kỳ vọng của GV để giúp HS tạo dựng niềm tin, đồng thời giúp các em tự điều chỉnh hành vi theo sự kì vọng của GV. Ví dụ nhận xét về khả năng làm việc hợp tác trong nhóm của một HS như sau: Em đã thực hiện tốt phần việc của cá nhân. Em nên tham gia thêm những việc chung của nhóm như : viết báo cáo kết quả, hoặc thay mặt nhóm trình bày kết quả.

**Cách sử dụng bảng KWLH**

− Tạo bảng KWLH: GV vẽ một bảng lên bảng, ngoài ra, mỗi HS cũng có một mẫu bảng của các em..

Cột K: Những gì HS đã biết

Cột W: Những gì HS muốn biết

Cột L: Những gì HS đã học, tìm hiểu được

Cột H: Những cách thức HS tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu.

− Đề nghị HS động não nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả GV và HS cùng ghi nhận hoạt động này vào cột K. Hoạt động này kết thúc khi HS đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Tổ chức cho HS thảo luận về những gì các em đã ghi nhận.

**Một số lưu ý tại cột K**

− Chuẩn bị những câu hỏi để giúp HS động não. Đôi khi để khởi động, HS cần nhiều hơn là chỉ đơn giản nói với các em : "Hãy nói những gì các em đã biết về..."

− Khuyến khích HS giải thích. Điều này rất quan trọng vì đôi khi những điều các em nêu ra có thể là mơ hồ hoặc không bình thường.

− Hỏi HS xem các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Cả GV và HS ghi nhận câu hỏi vào cột W. Hoạt động này kết thúc khi HS đã nêu ra tất cả các ý tưởng. Nếu HS trả lời bằng một câu phát biểu bình thường, hãy biến nó thành câu hỏi trước khi ghi nhận vào cột W.

**Một số lưu ý tại cột W**

− Hỏi những câu hỏi tiếp nối và gợi mở. Nếu chỉ hỏi các em: "Các em muốn biết thêm điều gì về chủ đề này?" Đôi khi HS trả lời đơn giản "không biết", vì các em chưa có ý tưởng. Hãy thử sử dụng một số câu hỏi sau: "Em nghĩ mình sẽ biết thêm được điều gì sau khi em tham gia hoạt động trải nghiệm với chủ đề này?"

− Chọn một ý tưởng từ cột K và hỏi: "Em có muốn tìm hiểu thêm điều gì có liên quan đến chủ đề này?"

− Chuẩn bị sẵn một số câu hỏi của riêng bạn để bổ sung vào cột W. Có thể bạn mong muốn HS tập trung vào những ý tưởng nào đó, trong khi các câu hỏi của HS lại không mấy liên quan đến ý tưởng chủ đạo của bài đọc. Chú ý là không được thêm quá nhiều câu hỏi của bạn. Thành phần chính trong cột W vẫn là những câu hỏi của HS.

− Yêu cầu HS đọc và tự điền câu trả lời mà các em tìm được vào cột L. Trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, HS cũng đồng thời tìm ra câu trả lời của các em và ghi nhận vào cột W.

− HS có thể điền vào cột L trong hoặc sau khi đã trải nghiệm xong.

**Một số lưu ý tại cột L**

- Ngoài việc bổ sung câu trả lời, khuyến khích HS ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích. Để phân biệt, có thể đề nghị các em đánh dấu những ý tưởng của các em. Ví dụ các em có thể đánh dấu tích vào những ý tưởng trả lời cho câu hỏi ở cột W, với các ý tưởng các em thích, có thể đánh dấu sao.

− Đề nghị HS tìm kiếm từ các tài liệu khác để trả lời cho những câu hỏi ở cột W mà nội dung hoạt động trải nghiệm chưa cung cấp câu trả lời. (Không phải tất cả các câu hỏi ở cột W đều được bài đọc trả lời hoàn chỉnh)

− Thảo luận những thông tin được HS ghi nhận ở cột L

− Khuyến khích HS nghiên cứu thêm về những câu hỏi mà các em đã nêu ở cột W nhưng chưa tìm được câu trả lời từ bài đọc.

*\* Minh họa câu hỏi dùng trong đánh giá trong Hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*

**- Câu hỏi vấn đáp**

Trong Hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm hướng nghiệp câu hỏi vấn đáp của giáo viên đối với học sinh chủ yếu dùng để đánh giá mức độ nhận biết, hiểu về biểu hiện, ý nghĩa và sự phát triển phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân học sinh thể hiện qua các chủ đề HĐTNHN.

Có thể chia việc sử dụng câu hỏi vấn đáp trong HĐTNHN thành 2 nhóm theo 2 mục đích sử dụng: (1) hỏi để kiểm tra mức độ nhận thức của học sinh về nội dung chủ đề HĐTNHN, (2) hỏi để đánh giá sự đóng góp của học sinh cho các hoạt động tập thể, số giờ tham gia các hoạt động và việc thực hiện có kết quả hoạt động chung của tập thể, đánh giá các yếu tố như động cơ, tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực đối với hoạt động cá nhân cũng như hoạt động chung của học sinh.

Ví dụ: Trong HĐTNHN lớp 7, nội dung Hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp, có yêu cầu cần đạt là: Xác định được một số nghề hiện có ở địa phương. Nêu được công việc đặc trưng, trang thiết bị, dụng cụ lao động cơ bản của một số nghề ở địa phương. Nêu được những phẩm chất và năng lực cần có của người làm các nghề ở địa phương. Đây là một trong các chỉ báo của năng lực thành phần Hiểu biết về nghề nghiệp trong năng lực Định hướng nghề nghiệp (1 trong 3 năng lực đặc thù của HĐTNHN). Sau khi giáo viên tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề cho học với các mục tiêu của chủ đề như trên, giáo viên có thể sử dụng phương pháp hỏi – đáp để đánh giá mức độ đạt được các mục tiêu của chủ đề của học sinh. Một số câu hỏi có thể sử dụng là:

Hãy kể tên một số nghề hiện có ở địa phương em đã tìm hiểu, biết được sau khi thực hiện chủ đề?

Theo tìm hiểu của bản thân em và của các bạn, để thực hiện các công việc nêu trên, người lao động cần có những trang thiết bị, công cụ lao động nào?

Để trở thành người lao động trong các lĩnh vực nghề nghiệp em vừa tìm hiểu cần có những phẩm chất và năng lực gì?

Cần lưu ý: tránh nhầm lẫn câu hỏi vấn đáp để đánh giá trong HĐTNHN với câu hỏi vấn đáp trong quá trình triển khai hoạt động. Điểm khác biệt cơ bản nhất là thời điểm sử dụng. Vẫn những câu hỏi như trên nếu sử dụng trong quá trình triển khai hoạt động thì tính chất của câu hỏi lại là câu hỏi vấn đáp nhằm triển khai, tổ chức các hoạt động trong HĐTNHN.

- **Bảng KWLH**

Trước và sau khi tổ chức bất kì một HĐTNHN nào cho học sinh giáo viên cũng có thể sử dụng bảng KWLH. Để hiệu quả hơn, GV cung cấp bảng cho học sinh điền vào cột K, W trước khi tiến hành các hoạt động của chủ đề và điền vào cột L, H sau khi tiến hành các hoạt động của chủ đề. Ví dụ khi thực hiện chủ đề HĐTNHN với nội dung Khám phá bản thân cho học sinh lớp 9, giáo viên có thể thiết kể bảng KWLH để phát cho học sinh trước và sau khi thực hiện chủ đề như dưới đây.

- GV chiếu 1 số hình ảnh về giao tiếp, nhận thức bản thân trong giao tiếp.

A screenshot of a cell phone

Description automatically generatedA screenshot of a cell phone

Description automatically generated

- GV phát bảng hỏi KWLH và hướng dẫn HS điền vào cột K, W và thu lại

- GV tổ chức hoạt động TNHN.

- GV phát lại bảng KWLH và hướng dẫn HS điền vào cột L, H còn lại.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG HỎI THEO KĨ THUẬT DẠY HỌC “KWLH”**  Họ và tên học sinh:……………………………...Lớp: …………………  Chủ đề: Khám phá bản thân (lớp 9)  **Câu hỏi:**  1. Những hình ảnh vừa quan sát gợi cho em tới điều gì? Em đã biết gì về tính cách của bản thân mình khi giao tiếp? (Học sinh điền vào cột **K**)  2. Em mong muốn được tìm hiểu những nội dung gì liên quan đến chủ đề này? (Học sinh điền vào cột **W**)  3. Em đã có thêm được những hiểu biết gì về bản thân sau khi tham gia chủ đề/bài học này? (Học sinh điền vào cột **L**)  4. Em có thể vận dụng vào thực tiễn những điều nào và vận dụng như thế nào? (Học sinh điền vào cột **H)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | **H** | | …………………………..………………………… | …………………………..…………………….. | ………………………….………………………….. | …………………………..……………………….. | |

##### 3.1.1.6 Bảng kiểm

*\* Khái niệm*

Bảng kiểm là một danh sách ghi lại các tiêu chí (về các hành vi, các đặc điểm… mong đợi) có được biểu hiện hoặc được thực hiện hay không.

Dưới đây là ví dụ về một bảng kiểm đánh giá kĩ năng diễn đạt bằng lời nói trong khi thuyết trình của học sinh:

|  |  |
| --- | --- |
| Tiêu chí | Xuất hiện |
| 1. Diễn đạt trôi chảy, phát âm rõ ràng  2. Tốc độ vừa phải, ngưng ngắt câu đúng lúc, đúng chỗ  3. Âm lượng vừa phải |  |

Bảng kiểm thường chỉ rõ sự xuất hiện hay không xuất hiện (có mặt hay không có mặt, được thực hiện hay không được thực hiện) các hành vi, các đặc điểm mong đợi nào đó nhưng nó có hạn chế là không giúp cho người đánh giá biết được mức độ xuất hiện khác của các tiêu chí đó.

Ví dụ: Trong bảng kiểm về kĩ năng diễn đạt lời nói có tiêu chí là “diễn đạt trôi chảy, phát âm rõ ràng”. Học sinh A khi trình bày bài thuyết trình của mình, phần lớn thời gian học sinh đó nói trôi chảy, phát âm rõ nhưng có một đoạn của bài thuyết trình, học sinh này lại nói thiếu trôi chảy, bị vấp từ và “à, ờ” liên tục. Trong trường hợp này giáo viên có nên đánh dấu vào bảng kiểm là học sinh A đạt được tiêu chí đề ra hay là cho học sinh A không đạt tiêu chí này do có phần trình bày bị vấp? Thỉnh thoảng đây không phải là sự lựa chọn dễ dàng do bảng kiểm không có các mức độ nằm giữa mức độ “có” và “không”.

*\*Mục đích sử dụng*

Bảng kiểm được sử dụng để đánh giá các hành vi hoặc các sản phẩm mà học sinh thực hiện. Với một danh sách các tiêu chí đã xây dựng sẵn, giáo viên sẽ sử dụng bảng kiểm để quyết định xem những hành vi hoặc những đặc điểm của sản phẩm mà học sinh thực hiện có khớp với từng tiêu chí có trong bảng kiểm không.

Giáo viên có thể sử dụng bảng kiểm nhằm:

- Đánh giá sự tiến bộ của học sinh: Họ có thể chỉ ra cho học sinh biết những tiêu chí nào học sinh đã thể hiện tốt, những tiêu chí nào chưa được thực hiện và cần được cải thiện.

- Giáo viên còn có thể tổng hợp các tiêu chí trong bảng kiểm và lượng hóa chúng thành điểm số theo cách tính % để xác định mức độ học sinh đạt được.

Ví dụ: Có 12 tiêu chí trong bảng kiểm đánh giá kĩ năng thuyết trình và học sinh A đã thể hiện được 9 trong số 12 tiêu chí đó trong bài thuyết trình của mình. Nếu ta coi mỗi tiêu chí có giá trị quan trọng như nhau, thì bài thuyết trình của học sinh A chuyển thành một điểm số là: 9/12 x 100 = 75% (tương ứng với điểm 7,5). Do đó học sinh A đã trình bày được 75% các tiêu chí mong muốn.

*\*Thời điểm sử dụng*

Bảng kiểm được sử dụng trong quá trình giáo viên quan sát các thao tác tiến hành 1 hoạt động cụ thể của học sinh trong quá trình họ thực hiện những nhiệm vụ cụ thể như: làm việc nhóm, thuyết trình, đóng vai, thực hành...

Bảng kiểm còn dùng trong đánh giá sản phẩm do học sinh làm ra theo yêu cầu, nhiệm vụ của giáo viên.

Bảng kiểm cũng được dùng để đánh giá các thái độ, hành vi về một phẩm chất nào đó.

Như vậy, tất cả các hoạt động của học sinh khi thực hiện một nhiệm vụ nào đó mà có thể phân chia thành một loạt các hành vi liên tiếp cụ thể, được xác định rõ ràng hoặc các sản phẩm của học sinh làm ra có thể xác định được các bộ phận cấu thành đều có thể sử dụng bảng kiểm để đánh giá.

*\* Thiết kế bảng kiểm*

Giáo viên có thể tiến hành thiết kế bảng kiểm dùng để đánh giá học sinh theo những bước sau:

- Phân tích yêu cầu cần đạt của chủ đề và xác định các phẩm chất, năng lực học sinh cần đạt được.

- Phân chia những quá trình thực hiện nhiệm vụ hoặc sản phẩm của học sinh thành những yếu tố cấu thành và xác định những hành vi, đặc điểm mong đợi căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở trên.

- Trình bày các hành vi, đặc điểm mong đợi đó theo một trình tự để theo dõi và kiểm tra.

*\*Minh họa bảng kiểm dùng trong kiểm tra, đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*

Để đánh giá sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong quá trình tham gia HĐTNHN, GV ghi lại những hành động thường nhật của HS hoặc những thái độ, hành vi được biểu hiện trong môi trường học tập cũng như trong quá trình thực hiện HĐTN.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên HĐTN: ……………………………………………………………….  Họ tên học sinh: ……………………………………. Lớp ………………… | | |
| Thời gian hoạt động | Nội dung |
| Ngày…tháng.. năm…. | Em đã giúp đỡ bạn mới đi học bằng việc giải thích cặn kẽ những nội quy của lớp học và của trường cho bạn ấy. |
| Ngày…..tháng.. năm… | …. |
| Ngày…tháng… .năm… | … |

GV chuẩn bị sẵn bảng hỏi về những hành vi dự định quan sát HS khi thực hiện HĐTN, trong quá trình quan sát sẽ đánh dấu vào những nội dung ứng với biểu hiện hành vi nhằm đánh giá khuynh hướng hoạt động của HS đó.

VD1: Bảng kiểm để quan sát hoạt động thảo luận nhóm của một nhóm học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ HĐTN cần có sự thảo luận nhóm.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung quan sát** | **Họ tên học sinh** | | | | |
| HS A | HS B | HS C | HS D |
| 1. HS có biết trình bày ý kiến của mình một cách tích cực và hợp lý không? |  |  |  |  |
| 2. HS có lắng nghe ý kiến của người khác không? |  |  |  |  |
| 3. Khi có ý kiến trái với suy nghĩ của mình, HS có tuân theo ý kiến hợp lý không? |  |  |  |  |

VD 2. Bảng kiểm sử dụng để quan sát mức độ tham gia của 01 học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Mức độ** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số** | **Điểm tối đa** |
| **Phát biểu xây dựng** | Tích cực | Phát biểu nhiều lần, trong đó số lần đúng chiếm từ một nửa trở lên |  |  |
| Bình thường | Có phát biểu, số lần đúng chiếm dưới một nửa. |  |
| Chưa tích cực | Chưa tham gia phát biểu xây dựng bài |  |
| **Tham gia hoạt động nhóm** | Tích cực, hiệu quả | Hoàn thành tốt công việc được giao. Đóng góp ý kiến đúng. |  |  |
| Tích cực, chưa hiệu quả | Tích cực tham gia các hoạt động của nhóm, nhưng đóng góp ý kiến chưa đúng. |  |
| Chưa tích cực | Không hoặc ít tham gia các hoạt động của nhóm. |  |
| **Mức độ tập trung chú ý** | Cao | Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ  Tích cực phát biểu và tham gia hoạt động nhóm. |  |  |
| Bình thường | Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm cụ |  |
| Chưa tập trung | Lơ đãng, làm việc riêng. |  |

##### 3.1.1.7 Thang đánh giá

*\* Khái niệm*

*Thang đánh giá là công cụ đo lường mức độ mà học sinh đạt được ở mỗi đặc điểm, hành vi về khía cạnh/lĩnh vực cụ thể nào đó.*

Có 3 hình thức biểu hiện cơ bản của thang đánh giá là thang dạng số, thang dạng đồ thị và thang dạng mô tả.

- Thang đánh giá dạng số: là hình thức đơn giản nhất của thang đánh giá trong đó mỗi con số tương ứng với một mức độ thực hiện hay mức độ đạt được của sản phẩm. Khi sử dụng, người đánh giá đánh dấu hoặc khoanh tròn vào một con số chỉ mức độ biểu hiện mà học sinh đạt được. Thông thường, mỗi con số chỉ mức độ được mô tả ngắn gọn bằng lời.

Ví dụ: Hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ diễn đạt ngôn ngữ của học sinh trong quá trình thuyết trình (trong đó 1 – không bao giờ; 2 – hiếm khi; 3 – thỉnh thoảng; 4 – thường xuyên; 5 – luôn luôn)

Diễn đạt trôi chảy, phát âm rõ ràng

1 2 3 4 5

- Thang dạng đồ thị mô tả các mức độ biểu hiện của đặc điểm, hành vi theo một trục đường thẳng. Một hệ thống các mức độ được xác định ở những điểm nhất định trên đoạn thẳng và người đánh giá sẽ đánh dấu (X) vào điểm bất kì thể hiện mức độ trên đoạn thẳng đó. Với mỗi điểm cũng có những lời mô tả mức độ một cách ngắn gọn.

Ví dụ: Học sinh tham gia vào các hoạt động chung của lớp thế nào?

Không bao giờ Hiếm khi Thỉnh thoảng Thường xuyên Rất thường xuyên

- Thang mô tả là hình thức phổ biến nhất, được sử dụng nhiều nhất của thang đánh giá, trong đó mỗi đặc điểm, hành vi được mô tả một cách chi tiết, rõ ràng, cụ thể ở mỗi mức độ khác nhau. Hình thức này yêu cầu người đánh giá chọn một trong số những mô tả phù hợp nhất với hành vi, sản phẩm của học sinh.

Người ta còn thường kết hợp cả thang đánh giá số và thang đánh giá mô tả để việc đánh giá được thuận lợi hơn.

Ví dụ: Chỉ ra mức độ về việc sử dụng từ ngữ của học sinh khi thực hiện thuyết trình.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | | 4 | 5 |
| Sử dụng từ ngữ không chính xác, vốn từ nghèo nàn, đơn điệu | Sử dụng vốn từ khá đơn điệu, nhiều chỗ thiếu chính xác | | Sử dụng từ ngữ đôi chỗ chưa chính xác, số lượng các từ ngữ biểu cảm còn ít | Sử dụng từ ngữ chính xác và khá đa dạng, có khá nhiều từ biểu cảm. | Sử dụng từ ngữ chính xác, vốn từ đa dạng, giàu hình ảnh |

Như vậy, nếu bảng kiểm tra chỉ đưa ra cho người đánh giá 2 lựa chọn cho mỗi tiêu chí nào đó thì thang đánh giá lại đưa ra nhiều lựa chọn với mức độ rõ ràng hơn.

*\* Mục đích sử dụng*

Thang đánh giá dùng để đánh giá sản phẩm, quá trình hoạt động hay một phẩm chất nào đó ở học sinh. Với một thang đánh giá được thiết kế sẵn, người đánh giá so sánh hoạt động, sản phẩm hoặc biểu hiện về phẩm chất của học sinh với những mức độ trên thang đo để xác định xem học sinh đạt được ở mức độ nào.

Thang đánh giá rất có giá trị trong việc theo dõi sự tiến bộ của học sinh. Nếu giáo viên lưu giữ bản sao chép thang đánh giá qua một số bài tập/nhiệm vụ khác nhau ở những thời điểm khác nhau, sẽ có một hồ sơ để giúp theo dõi và đánh giá tiến bộ của mỗi học sinh. Để làm điều này một cách hiệu quả, cần phải sử dụng một khung tiêu chí chung và cùng một thang đánh như nhau giá trên tất cả các bài tập/nhiệm vụ đó. Bên cạnh đó, thang đánh giá còn cung cấp thông tin phản hồi cụ thể về những điểm mạnh và điểm yếu của mỗi bài làm của học sinh để giúp họ biết cách điều chỉnh việc học hiệu quả hơn.

*\* Thời điểm sử dụng*

Thang đánh giá được sử dụng trong nhiều thời điểm khác nhau của quá trình tổ chức hoạt động và giáo dục. Chúng được sử dụng nhiều nhất trong quá trình giáo viên quan sát các hoạt động học tập, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của học sinh, trong quá trình quan sát các sản phẩm của học sinh hay dùng khi đánh giá các biểu hiện về phẩm chất nhất định ở học sinh.

*\* Thiết kế thang đánh giá*

Cách thức thiết kế thang đánh giá bao gồm những bước sau:

- Xác định tiêu chí (đặc điểm, hành vi...) quan trọng cần đánh giá trong những hoạt động, sản phẩm hoặc phẩm chất cụ thể.

- Lựa chọn hình thức thể hiện của thang đánh giá dưới dạng số, dạng đồ thị hay dạng mô tả.

- Với mỗi tiêu chí, xác định số lượng mức độ đo cho phù hợp (có thể từ 3 đến 5 mức độ). Lưu ý là không nên quá nhiều mức độ, vì người đánh giá sẽ khó phân biệt rạch ròi các mức độ với nhau.

- Giải thích mức độ hoặc mô tả các mức độ của thang đánh giá một cách rõ ràng, sao cho các mức độ đó có thể quan sát được.

#### 3.1.2 Định hướng sử dụng các công cụ đánh giá cho các loại hình Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

**\* Các công cụ đánh giá loại hình Sinh hoạt dưới cờ**

- *Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Sinh hoạt dưới cờ*

Sinh hoạt dưới cờ là loại hình Hoạt động trải nghiệm với sự tham gia của học sinh toàn trường, toàn thể giáo viên chủ nhiệm lớp, Ban lãnh đạo nhà trường, tổng phụ trách Đội; Cha mẹ học sinh, khách mời (nếu có). Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp dưới loại hình sinh hoạt dưới cờ được thực hiện 01 tiết/tuần; cấu trúc gồm 2 phần: Nghi lễ (10-15 phút) và Sinh hoạt theo chủ đề (30-35 phút). Trong giờ sinh hoạt dưới cờ, GV tổng phụ trách chuyển dần vai trò điều hành hoạt động sang cho học sinh; GV tổng phụ trách, GV chủ nhiệm và các giáo viên khác đóng vai trò hỗ trợ, quan sát. Các nhiệm vụ của chủ đề cần phải tính đến sự đa dạng về độ khó đề phù hợp với học sinh toàn trường toàn trường; phương thức tổ chức phù hợp sao cho giúp tăng tính hấp dẫn của nội dung, tăng mức độ tham gia của học sinh.

*- Phương pháp và công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Sinh hoạt dưới cờ*

Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Sinh hoạt dưới cờ thường được triển khai dưới phương thức thể nghiệm, tương tác như: diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi, giao lưu với quy mô lớn, nội dung các hoạt động vẫn có thể có sự đóng góp của các “sản phẩm” hoạt động của học sinh, các hoạt động tập thể nên phương pháp quan sát Quan sát biểu hiện hành vi và thái độ của học sinh trong hoạt động, Khảo sát phản hồi của học sinh, Phân tích “sản phẩm” của học sinh được cho là phù hợp với loại hình sinh hoạt dưới cờ. Chủ thể đánh giá là giáo viên tổng phụ trách, giáo viên chủ nhiệm, khách mời, học sinh… phụ thuộc vào tính chất của từng phương thức tổ chức.

Để quan sát được biểu hiện hành vi và thái độ của học sinh trong hoạt động, giáo viên có thể sử dụng các công cụ đánh giá như: Bảng ghi chép các hoạt động, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí. Để khảo sát phản hồi của học sinh sử dụng công cụ bảng hỏi. Sản phẩm hoạt động của học sinh cũng được sử dụng là công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dưới loại hình sinh hoạt dưới cờ khi học sinh tham gia và thực hiện các sản phẩm hoạt động như: các tiết mục văn nghệ, các sản phẩm tuyên truyền…

***\* Các công cụ đánh giá loại hình Sinh hoạt lớp***

- *Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Sinh hoạt lớp*

Sinh hoạt là loại hình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với sự tham gia của học sinh cả lớp, giáo viên chủ nhiệm; đại diện phụ huynh, khách mời (nếu có), được tổ chức 01 tiết/ tuần và được cấu trúc thành 2 phần: phần hành chính lớp học và phần sinh hoạt theo chủ đề. Các phương pháp thường được sử dụng trong giờ sinh hoạt lớp: Phương pháp hoạt động nhóm: kỹ năng hợp tác, chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, lắng nghe, tôn trọng sự khác biệt...; Phương pháp đóng vai, sân khấu hoá: kỹ năng đồng cảm, biểu cảm cảm xúc, thái độ và rèn hành vi theo vai, kỹ năng giao tiếp…; Phương pháp tình huống: kỹ năng tư duy giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; Phương pháp trò chơi: kỹ năng tổ chức hoạt động, kỹ năng giám sát, kỹ năng phản ứng linh hoạt, …; Phương pháp diễn đàn, toạ đàm…: kỹ năng ngôn ngữ, tư duy phản biện, tư duy độc lập, kỹ năng lắng nghe…

*- Phương pháp và công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Sinh hoạt lớp*

Để đánh giá Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp loại hình sinh hoạt lớp, có thể sử dụng Phương pháp quan sát biểu hiện hành vi của học sinh trong hoạt động để quan sát thái độ, hành vi, cảm xúc của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và tham gia hoạt động. Các công cụ đánh giá phù hợp để quan sát học sinh trong loại hình sinh hoạt lớp là bảng kiểm, thang đánh giá.

Ví dụ: **Thang đo miêu tả thái độ, cảm xúc của học sinh trong quá trình tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp**

*Hướng dẫn:* Hãy đặt dấu 🗶 vào một vị trí trên dòng kẻ để biểu thị mức độ thường xuyên mà học sinh thể hiện những hành vi sau khi làm việc nhóm.

A. Lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
| Chú ý nghe, có sự phản hồi đúng lúc với các thành viên trong nhóm | | Nghe không đầy đủ, đôi lúc chưa tập trung, có sự phản hồi với các thành viên khác | | Không lắng nghe, làm việc riêng | |

B. Tham gia vào các nhiệm vụ của nhóm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
| Hào hứng, có trách nhiệm khi tham gia | | Tham gia có trách nhiệm nhưng chưa hào hứng | | Không tham gia hoặc chỉ tham gia cho có mặt | |

Ngoài ra, nếu quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp dưới loại hình sinh hoạt lớp giáo viên tổ chức các hoạt động có các sản phẩm hoạt động của cá nhân học sinh, nhóm học sinh thì có thể sử dụng Phiếu đánh giá theo tiêu chí để đánh giá sản phẩm hoạt động, hoặc có thể sử dụng chính sản phẩm hoạt động đó làm công cụ đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của chủ đề, hoạt động của học sinh.

***\* Các công cụ đánh giá loại hình Hoạt động theo chủ đề thường xuyên***

- *Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình* *Hoạt động theo chủ đề thường xuyên*

Hoạt động trải nghiệm thường xuyên được thực hiện hàng tuần nhằm liên tục tạo ra các cơ hội để học sinhh trải nghiệm với mục đích hình thành các hành vi, thái độ mong đợi hướng tới mục tiêu năng lực đã đặt ra. Đây là loại hình đặc trưng nhất của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông, được tổ chức 1 tiết 1 tuần. Để hoạt động giáo dục có hiệu quả các nhiệm vụ hoạt động được giáo tới từng học sinh và được học sinh chuẩn bị trước khi đến lớp. Hoạt động trải nghiệm thường xuyên là hoạt động được tổ chức đầy đủ theo các chu trình trải nhiệm: (1) khám phá, (2) chiêm nghiệm kết nối kinh nghiệm, (3) rèn kỹ năng, (4) vận dụng, mở rộng, (5) đánh giá. Một chủ đề trải nghiệm hướng nghiệp thường xuyên thường được tổ chức trong 3 đến 4 tuần (tương đương 3 – 4 tiết học). Các hoạt động tại sản phẩm là hoạt động chiếm ưu thế trong trải nghiệm thường xuyên.

*- Phương pháp và công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình trải nghiệm thường xuyên*

Với đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm thường xuyên là được thực hiện đủ 5 chu trình trải nghiệm trong đó có pha đánh giá nên việc đánh giá hoạt động trải nghiệm thường xuyên có ý nghĩa quan trọng. Phương pháp đánh giá chính được sử dụng để đánh giá hoạt động trải nghiệm thường xuyên là phương pháp phân tích sản phẩm của học sinh, khảo sát phản hồi của học sinh với các công cụ đánh giá tương ứng như bảng tiêu chí đánh giá quá trình tạo ra sản phẩm, bảng tiêu chí phân tích việc thực hiện kế hoạch, bảng tiêu chí phân tích sản phẩm… Ngoài ra trong quá trình tham gia hoạt động, báo cáo, trình bày sản phẩm có thể sử dụng phương pháp quan sát biểu hiện hành vi của học sinh trong hoạt động với các công cụ như bảng kiểm, bảng hỏi…

***\* Các công cụ đánh giá loại hình Hoạt động theo chủ đề định kì***

- *Đặc điểm của Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình* *Hoạt động theo chủ đề định kì*

Hoạt động trải nghiệm định kì theo chủ đề được thực hiện 1 đên 2 lần trong một học kì. Hoạt động trải nghiệm định kì có nội dung mang tính tổng hợp hơn Hoạt động trải nghiệm thường xuyên theo chủ đề và học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm các không gian khác nhau. Hoạt động trải nghiệm định kì thường được tổ chức ở quy mô khối, trường, có sự phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục. Những hoạt động trải nghiệm định kì thường là những buổi tham quan dã ngoại, sự kiến lớn, hoạt động từ thiện…. Hoạt động này thường được chia làm các giai đoạn: trước, trong và sau chuyến đi.

*- Phương pháp và công cụ đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình trải nghiệm định kì*

Hoạt động đánh giá hoạt động trải nghiệm định kì được thực hiện trong và sau quá trình trải nghiệm. Phương pháp quan sát biểu hiện hành vi và thái độ của học sinh trong hoạt động là phương pháp phù hợp để đánh giá học sinh trong quá trình trải nghiệm định kì. Sau quá trình trải nghiệm định kì học sinh có sự chia sẻ những quan sát và phản hồi chung về kinh nghiệm có được sau trải nghiệm, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: viết thu hoạch, thực hiện một sản phẩm nghệ thuật… do đó phương pháp phân tích sản phẩm của học sinh (công cụ: bảng tiêu chí đánh giá, sản phẩm hoạt động của học sinh), trắc nghiệm, khảo sát phản hồi của học sinh (công cụ: bảng hỏi, câu hỏi…) là phương pháp hiệu quả để đánh giá học sinh giai đoạn này.

***\* Các công cụ đánh giá loại hình Câu lạc bộ***

Câu lạc bộ là một trong bốn loại hình Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. Đây là những câu lạc bộ không trực tiếp thực hiện các mục tiêu của môn học mà chỉ sử dụng kiến thức có được từ các môn học để thực hiện mục tiêu giáo dục mà hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đặt ra. Các câu lạc bộ có nguyên tắc hoạt động, nội dung và kế hoạch sinh hoạt riêng, có các buổi sinh hoạt câu lạc bộ.

Việc đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình câu lạc bộ gồm cả đánh giá hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ so với mục tiêu đặt ra, của cá nhân, nhóm trong câu lạc bộ.

Phương pháp đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp loại hình Câu lạc bộ hết sức đa dạng, trong đó có sử dụng phương phá quan sát biểu hiện hành bi và thái độ của học sinh trong khi tham gia các hoạt động câu lạc bộ, phương pháp phân tích sản phẩm của câu lạc bộ, của các cá nhân trong câu lạc bộ, phương pháp đánh giá hồ sơ hoạt động câu lạc bộ. Tương ứng với các phương pháp đánh giá nêu trên là các công cụ đánh giá như: bảng kiểm, bảng tiêu chí đánh giá, bảng hỏi.

## 3.2 Xây dựng kế hoạch đánh giá trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

#### 3.2.1 Phân tích yêu cầu cần đạt của trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp, xác định mục tiêu dạy học chủ đề về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù

Năng lực của HS thường được biểu hiện thông qua các năng lực thành phần, các năng lực thành phần này lại được cấu thành bởi các chỉ báo, trong các chỉ báo lại gồm các tiêu chí nhỏ. Mục tiêu của các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp thông thường được xác định là các chỉ báo, tiêu chí. Việc phân tích được yêu cầu cần đạt trong một chủ đề Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp thành các các chỉ báo, tiêu chí về phẩm chất năng lực là cơ sở quan trọng để xác định các công cụ đánh giá tương ứng.

Ví dụ: Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp lớp 12 chủ đề HĐTNHN thường xuyên ***Danh lam thăng******cảnh quan quê hương em***

- Xác định yêu cầu cần đạt của chủ đề trong chương trình:

Chủ đề ***Danh lam thắng cảnh truyền thống quê em***, nội dung Hoạt động xây dựng cộng đồng (mạch HĐ hướng đến tự nhiên). Yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được xác định trong chương trình:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mạch nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | * Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. * Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. * Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên. |

Cần lưu ý, để đạt được yêu cầu cần đạt của nội mạch nội dung này, học sinh được tham gia các loại hình HĐTNHN khác như: sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, trải nghiệm thường xuyên, trải nghiệm định kì. Do đó, chủ đề ***Danh lam thắng cảnh quê hương em*** được tổ chức thông qua loại hình trải nghiệm theo chủ đề thường xuyên hướng tới yêu cầu cần đạt: Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình.

- Trên cơ sở phân tích yêu cầu cần đạt của chủ đề, đối chiếu với các phẩm chất, năng lực đặc thù của Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp và ma trận năng lực đặc thù của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp ở cấp THPT, xác định các năng lực đặc thù của HĐTNHN mà chủ đề hướng tới phát triển ở học sinh. Chỉ rõ bảng ma trận năng lực hướng tới góp phần phát triển cho học sinh thông qua HĐTNHN chủ đề này.

Cụ thể, chủ đề “ Danh lam thắng cảnh quê hương em” hướng tới phát triển ở học sinh THPT phẩm chất Yêu nước; năng lực Thiết kế và tổ chức các hoạt động. Phẩm chất và năng lực này được mô tả cụ thể ở các thành tố, chỉ báo sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành tố Phẩm chất Yêu nước** | |
| - Thể hiện được thái độ yêu quý, trân trọng, tự hào về truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết, truyền thống yêu hòa bình của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.  - Thể hiện lòng kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước bằng hành động cụ thể.  - Tích cự tham gia bảo vệ di sản văn hóa, các hoạt động bảo vệ thiên nhiên và các hoạt động góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. | |
| **Năng lực Thiết kế và tổ chức các hoạt động** | |
| **Thành tố** | **Chỉ báo** |
| Kĩ năng lập kế hoạch | - Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm  - Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên  - Dự kiến được thời gian hoàn thành nhiệm vụ |
| Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động | - Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để đạt được mục tiêu.  - Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ.  - Biết cách khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ  - Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác |
| Kĩ năng đánh giá hoạt động | - Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động.  - Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.  - Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động.  - Rút ta được những kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. |

Xét từ yêu cầu cần đạt của chủ đề *Danh lam thắng cảnh quê hương em*, có thể xác định được một số thành tố, chỉ báo của phẩm chất yêu nước và năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động mà chủ đề hướng tới. Lưu ý: Một chủ đề hướng tới một năng lực đặc thì không có nghĩa sẽ đạt được tất cả các thành tố chỉ báo của năng lực đó.

*- Mô tả mức độ biểu hiện của yêu cầu cần đạt*

Mô tả cụ thể các mức độ biểu hiện của yêu cầu cần đạt dựa trên việc xác định các chỉ số hành vi của năng lực cần hướng tới hình thành và phát triển ở học sinh. Các thành tố và chỉ báo này được mô tả cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu cần đạt**  *Giới thiệu được những truyền thống đáng tự hào của địa phương mình* | **Mức độ biểu hiện** |
| 1. Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương. | M 1: Nêu được tên danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương; mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ chủ đề.  M 2: Nêu được tên danh lam thắng cảnh và thực trạng bảo tồn danh lam , thắng cảnh nhưng chưa có minh chứng về thực trạng bảo tồn các danh lam thắng cảnh. Xác định được một số mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm; dự kiến đựợc nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ chủ đề.  M 3: Nêu được các danh lam thắng cảnh địa phương và có minh chứng thực trạng về việc bảo tồn các danh lam thắng cảnh đó. Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. Dự kiến đựợc nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên; thời gian hoàn thành nhiệm vụ |
| 2. Thực hiện kế hoạch giới thiệu lễ hội truyền thống đáng tự hào địa phương và điều chỉnh hoạt động | M 1: Nêu tên một số giải pháp để bảo tồn các danh lam thắng cảnh địa phương. Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để giới thiệu được tới mọi người về danh lam thắng cảnh đáng tự hào của địa phương  M 2 Nêu và bước đầu thực hiện được một số giải pháp bảo tồn danh lam thắng cảnh ở phạm vi nhỏ như tổ, lớp.Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần. Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. Khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ  M3: Nêu và thực hiện được mốt số giải pháp và thực hiện kế hoạch các giải pháp còn lại ở phạm vi cộng đồng. Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần. Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. Khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác |
| 3. Đánh giá hoạt động | M 1: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động.  M 2: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động.  M 3: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. Rút ra được những kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. |

#### 3.2.2 Lập kế hoạch đánh giá trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Dựa vào cấu trúc của Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động và các chỉ số hành vi, mức độ biểu hiện để xác định phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số hành vi** | **Mức độ**  **biểu hiện** | **Kiểm tra đánh giá** | |
| **Phương pháp** | **Công cụ** |
| 1. Lập được kế hoạch giới thiệu danh lam thắng cảnh quê hương | M 1: Xác định được danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương; mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ chủ đề. | Trắc nghiệm  Bảng hỏi | - Câu hỏi |
| M 2: Xác định được danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương ; mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm; dự kiến đựợc nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ chủ đề. | Quan sát | - Bảng ghi chép quan sát  - Câu hỏi |
|  | M 3: Xác định được danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương; mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm. Dự kiến đựợc nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên; thời gian hoàn thành nhiệm vụ | Quan sát | - Bảng ghi chép quan sát.  - Câu hỏi  - Bảng tiêu chí đánh giá kế hoạch |
| 2. Thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động để giới thiệu danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương | M 1: Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để giới thiệu được tới mọi người về danh lam thắng cảnh đáng tự hào của địa phương | Quan sát  Khảo sát | - Bảng hỏi Tự đánh giá bản thân |
| M 2 Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần. Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. Khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ | Quan sát  Khảo sát  Đánh giá, phân tích sản phẩm HS | - Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm  - Bảng hỏi Tự đánh giá bản thân  - Bảng hỏi Đánh giá tương hỗ/đồng đẳng (đánh giá HS-HS trong nhóm) |
| M3: Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần. Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ. Khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ. Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác | Quan sát  Khảo sát  Đánh giá, phân tích sản phẩm  Trắc nghiệm | - Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm  - Bảng hỏi Tự đánh giá bản thân  - Bảng hỏi Đánh giá tương hỗ/đồng đẳng (đánh giá HS-HS trong nhóm)  - Câu hỏi |
| 3. Đánh giá hoạt động giới thiệu danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương | M 1: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. | Trắc nghiệm | - Câu hỏi |
| M 2: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. | Quan sát  Khảo sát | - Câu hỏi phỏng vấn  - Bảng hỏi Tự đánh giá bản thân  - Bảng hỏi KWLH |
| M 3: Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động; những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động. Rút ta được những kinh nghiệm khi tham gia các hoạt động. | Quan sát  Khảo sát  Đánh giá, phân tích sản phẩm HS | - Câu hỏi phỏng vấn  - Bảng hỏi Tự đánh giá bản thân  - Bảng hỏi KWLH |

#### 3.2.3 Phân tích ví dụ minh hoạ về kiểm tra, đánh giá một trong Hoạt động trải nghiệp hướng nghiệp hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

*3.2.3.1 Công cụ đánh giá chỉ số hành vi số 1 - Lập được kế hoạch giới thiệu danh lam thắng cảnh đáng tự hào địa phương mình*

\* Câu hỏi vấn đáp

- Hãy kể tên danh lam thắng cảnh đáng tự hào ở địa phương em?

- Để giới thiệu về danh lam thắng cảnh đó các em sẽ làm gì?

- Các em đã sử dụng hình thức nào để giới thiệu về danh lam thắng cảnh đáng tự hào mà nhóm đã lựa chọn?

- Tại sao em lại lựa chọn hình thức đó?

\* Bảng ghi chép quan sát

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên Hoạt động trải nghiệm: ***Danh lam thắng cảnh quê hương em***  Họ tên học sinh:  Lớp | | |
| Thời gian quan sát | Nội dung quan sát | Lưu ý |
| VD: Buổi 1 | Nêu được những công việc cần làm để thực hiện nhiệm vụ giới thiệu về danh lam, thắng cảnh | Là người bổ sung ý kiến |
| Đưa ra một số ý tưởng về sản phẩm | Là người cho ý kiến đầu tiên |
| Phân tích các khó khăn và thuận lợi trong việc lựa chọn các hình thức sản phẩm. | Là người bổ sung ý kiến |
| Thuyết phục được các bạn trong nhóm nhận nhiệm vụ phù hợp với khả năng của từng người. |  |
| ........... | ......... |  |
| ........... | ......... |  |

\* Bảng tiêu chí đánh giá kế hoạch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** | | |
| **1** | **2** | **3** |
| 1. Xác định được nội dung cần tìm hiểu để thực hiện sản phẩm giới thiệu về 01 danh lam thắng cảnh ở địa phương | Xác định được 02 nội dung cần tìm hiểu: tên, địa điểm danh lam, thắng cảnh | Xác định được 03 nội dung cần tìm hiểu: tên, đặc trưng của danh lam thắng cảnh | Xác định được trên 04 nội dung cần tìm hiểu: tên, địa điểm, lịch sử, ý nghĩa của danh lam thắng cảnh; các hoạt động chính để bảo tồn danh lam, thắng cảnh |
| 2. Xác định được hình thức sản phẩm giới thiệu | Chỉ ra hình thức sản phẩm | Chỉ ra và giải thích được lí do lựa chọn hình thức sản phẩm | Chỉ ra và giải thích được lí do lựa chọn hình thức sản phẩm |
| 3. Xác định các công việc cần có để thực hiện được sản phẩm với nội dung và hình thức đã lựa chọn | Nêu được một cách chung chung các công việc cần làm. | Nêu, mô tả rõ ràng yêu cầu, sản phẩm của từng công việc cần làm. | Nêu mô tả rõ ràng yêu cầu, sản phẩm của từng công việc cần làm. |
| 4. Phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân | Phân công được công việc cho các thành viên trong nhóm bằng cách chia đều các công việc. | Thảo luận và phân công công việc cho các thành viên trong nhóm dựa trên năng lực, điều kiện của từng thành viên. | Thảo luận và phân công công việc cho các thành viên trong nhóm dựa trên năng lực, điều kiện và sự nhất trí của từng thành viên. |
| 5. Dự kiến kế hoạch, thời hạn cho từng nội dung công việc | Chỉ ra được mốc thời gian để hoàn thành sản phẩm cuối cùng. | Chỉ ra được mốc thời gian để hoàn thành từng nội dung công việc cụ thể. | Chỉ ra được mốc thời gian để báo cáo quá trình làm việc và thời gian hoàn thành sản phẩm của từng công việc và sản phẩm cuối cùng. |

*3.2.3.2 Công cụ đánh giá chỉ số hành vi số 2 - Thực hiện kế hoạch và điều chỉnh hoạt động để giới thiệu lễ hội truyền thống đáng tự hào địa phương*

**\*** Bảng đánh giá cá nhân trong nhóm (dùng cho tự đánh giá) và đánh giá đồng đẳng trong nhóm)

**Mẫu 1: Bảng đánh trong quá trình làm việc nhóm**

**Họ tên.................................................Lớp .....................**

*Em hãy đánh giá mức độ đạt được các tiêu chí trong bảng dưới đây của bản thân và của các bạn trong nhóm bằng cách đánh dấu vào các ô/cột tương ứng.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Các mức độ** | | | | |  |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **Điểm đạt được** | |
| 1. Nhận nhiệm vụ | Chủ động xung phong nhận nhiệm vụ | Không xung phong nhưng vui vẻ nhận nhiệm vụ khi được giao | Miễn cưỡng khi nhận nhiệm vụ được giao | Từ chối nhận nhiệm vụ |  | |
| 2. Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm | - Hăng hái bày tỏ ý kiến, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của nhóm.  - Biết lắng nghe, tôn trọng, xem xét các ý kiến, quan điểm của mọi người trong nhóm. | - Tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm song đôi lúc chưa chủ động. Nhưng:  - Đôi lúc chưa biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các bạn trong nhóm. | - Còn ít tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Hoặc:  - Chưa biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của các bạn khác trong nhóm. | - Không tham gia ý kiến xây dựng kế hoạch hoạt động nhóm. Và:  - Không lắng nghe và tôn trọng ý kiến của các thành viên khác trong nhóm. |  | |
| 3. Thực hiện nhiệm vụ và hỗ trợ, giúp đỡ các thành viên khác | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân,chủ động hỗ trợ các bạn khác trong nhóm | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, chưa chủ động hỗ trợ các bạn khác | Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân nhưng chưa hỗ trợ các bạn khác | Không cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của bản thân, không hỗ trợ những bạn khác |  | |
| 4. Tôn trọng quyết định chung | Luôn tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Đôi khi chưa tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Nhiều khi chưa tôn trọng quyết định chung của cả nhóm | Không tôn trọng quyết định chung của cả nhóm |  | |
| 5. Kết quả làm việc | Có sản phẩm tốt theo yêu cầu đề ra và đảm bảo đúng thời gian | Có sản phẩm tốt nhưng chưa đảm bảo thời gian | Có sản phẩm tương đối tốt theo yêu cầu đề ra nhưng chưa đảm bảo thời gian | Sản phẩm không đạt yêu cầu |  | |
| 6.Trách nhiệm với kết quả làm việc chung | Tự giác chịu trách nhiệm về sản phẩm chung | Chịu trách nhiệm về sản phẩm chung khi được yêu cầu | Chưa sẵn sàng chịu trách nhiệm về sản phẩm chung | Không chịu trách nhiệm về sản phẩm chung |  | |

**Mẫu 2: Phiếu tự đánh giá tính hiệu quả trong hợp tác nhóm**

(Tham gia HDTNHN chủ đề *Lễ hội truyền thống quê em*)

Họ và tên học sinh:........................................ Lớp: ........

1. *Hãy đánh giá sự đóng góp của em trong nhóm theo thang điểm từ 1 đến 5 (5 là điểm cao nhất)*

**5 điểm:** Có những đóng góp rất quan trọng (đối với tất cả các phần của đề tài và trong tất cả các giai đoạn thực hiện; tạo điều kiện hỗ trợ công việc của các bạn khác trong nhóm mà không làm thay).

**4 điểm:**  Có đóng góp có ý nghĩa (đưa ra những gợi ý quan trọng và giúp đỡ các bạn khác một cách có hiệu quả; có vai trò tác động đến tất cả các phần của đề tài).

**3 điểm:** Có một số đóng góp (đưa ra một số gợi ý hữu ích, giúp những người khác nghiên cứu, giải quyết vấn đề, và đóng góp cho việc phát triển các phần khác nhau của đề tài).

**2 điểm:** Có đóng góp nhỏ (đưa ra ít nhất một gợi ý hữu ích, đôi khi giúp đỡ người khác, lãng phí ít thời gian, có vai trò nhỏ trong việc phát triển một hoặc hai phần khác nhau của đề tài).

**1 điểm:** Không có đóng góp thực sự nào (không đưa ra gợi ý gì, không giúp đỡ ai, không hoàn thành việc được nhóm giao, lãng phí thời gian).

Khoanh tròn số điểm của em**: 1 2 3 4 5**

Lí giải ngắn gọn tại sao em lại cho điểm bản thân như vậy:

------------------------------------------------------------------------------------------------

------------------------------------------------------------------------------------------------

------------------------------------------------------------------------------------------------

*2. Hãy cho điểm từng bạn trong nhóm:*

Bạn: ..........................................: ……………. điểm

Bạn: ..........................................: ……………. điểm

Bạn: ..........................................: ……………. điểm

Bạn: ..........................................: ……………. điểm

Lý giải tại sao em lại cho điểm như vậy (nếu được yêu cầu)?

-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

\* Câu hỏi vấn đáp

- Trong quá trình làm việc nhóm, các em có phát sinh những bất đồng không?

- Những bất đồng đó là gì?

- Các em đã giải quyết những bất đồng đó như thế nào?

- Cảm xúc và tinh thần của các thành viên trong nhóm trước, trong và sau khi giải quyết bất đồng?

*\** Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm giới thiệu về Danh lam thắng cảnh quê hương em

**BẢNG MÔ TẢ TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM SẢN PHẨM NHÓM**

**Sản phẩm giới thiệu Lễ hội truyền thống quê em**

| **Mức độ**  **ND**  **đánh giá** | **Mức 4**  **(4 điểm)** | **Mức 3**  **(3 điểm)** | **Mức 2**  **(2 điểm)** | **Mức 1**  **(1 điểm)** | **Số điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | Trình bày được:  - Tên gọi, địa điểm.  - Lịch sử, nguồn gốc (nếu có),  - Ý nghĩa của - - Các hoạt động bảo tồn danh lam, thắng cảnh | Trình bày được 4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin. | Trình bày được 3/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác | Trình bày được 2/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác |  |
| **Hình thức** | Sử dụng Clip ảnh, bài trình bày, Poster… với màu sắc, hình vẽ sinh động, rõ ràng. | Sử dụng Clip ảnh, bài trình bài… Poster với màu sắc, hình vẽ tương đối sinh động, rõ ràng | Sử dụng Clip ảnh, bài trình bày, Poster… để thể hiện phần nội dung thể hiện trên poster có màu sắc và hình vẽ thiếu sinh động và rõ ràng | Sử dụng Clip ảnh, bài trình bày, Poster… để thể hiện nhưng phần lớn nội dung thể hiện trên poster có màu sắc và hình vẽ thiếu sinh động và rõ rang |  |
| **Cách thức trình bày sản phẩm trước đám đông** | Các thành viên trong nhóm đều tham gia vào quá trình trình bày sản phẩm. Người trình bày lưu loát, dễ hiểu; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | 2/3 số thành viên tham gia quá trình trình bày. Người trình bày đôi chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | ½ số thành viên tham gia vào quá trình trình bày.Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được một nửa thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Chỉ 1 thành viên tham gia vào quá trình trình bày. Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được 2/3 thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe |  |
| **Tổng điểm** | | | | |  |

*3.2.3.3 Công cụ đánh giá chỉ số hành vi số 3 - Đánh giá hoạt động giới thiệu lễ hội truyền thống đáng tự hào địa phương*

*\** Câu hỏi phỏng vấn

- Em có hài lòng với bản thân khi tham gia hoạt động trải nghiệm chủ đề Danh lam thắng cảnh quê hương em không? Có điều gì em cần rút kinh nghiệm?

- Em có hài lòng với kết quả hoạt động nhóm của em không?

- So với kế hoạch hoạt động nhóm đã xây dựng ban đầu, có gì đã không như các em dự kiến? Bài học rút ra là gì?

- Theo em, để làm việc hiệu quả hơn, cần có những thay đổi gì trong cách làm việc nhóm?

\* Bảng hỏi KWLH

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BẢNG HỎI THEO KĨ THUẬT DẠY HỌC “KWLH”**  Họ và tên học sinh:…………………………………………...Lớp: …………………  **Câu hỏi:**  *1. Em đã biết gì về Danh lam thắng cảnh của quê hương em ? (Học sinh điền vào cột* ***K****)*  *2. Em có mong muốn tìm hiểu những gì về Danh lam thắng cảnh tại quê hương em? (Học sinh điền vào cột* ***W****)*  *3. Em đã tìm hiểu những gì về Danh lam thắng cảnh và học thêm được những kĩ năng gì? (Học sinh điền vào cột* ***L****)*  *4. Em có thể vận dụng vào thực tiễn những hiểu biết và kỹ năng gì sau khi tham gia hoạt động? (Học sinh điền vào cột* ***H)***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **K** | **W** | **L** | **H** | |  |  |  |  | |

# NỘI DUNG 4: SỬ DỤNG VÀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THEO ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỂ GHI NHẬN SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH TRONG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP Ở TRUNG HỌC CƠ SỞ

## 4.1 Sử dụng và phân tích kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp THPT

#### 4.1.1 Khái quát về đường phát triển năng lực

Đường phát triển năng lực là sự mô tả các mức độ phát triển khác nhau của mỗi năng lực mà học sinh cần hoặc đã đạt được[[2]](#footnote-2) Đường phát triển năng lực không có sẵn, mà giáo viên cần phải phác họa khi thực hiện đánh giá năng lực học sinh. Đường phát triển năng lực được xem xét dưới hai góc độ:

- Đường phát triển năng lực là tham chiếu để đánh giá sự phát triển năng lực cá nhân học sinh. Trong trường hợp này, giáo viên sử dụng đường phát triển năng lực như một quy chuẩn để đánh giá sự phát triển năng lực học sinh. Với đường phát triển năng lực này, giáo viên cần căn cứ vào các thành tố của mỗi năng lực (chung hoặc đặc thù) trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 để phác họa nó với sự mô tả là mũi tên hai chiều với hàm ý, tùy vào đối tượng nhận thức mà sự phát triển năng lực có thể bổ sung ở cả hai phía.

- Đường phát triển năng lực là kết quả phát triển năng lực của mỗi cá nhân học sinh. Căn cứ vào đường phát triển năng lực (là tham chiếu), giáo viên xác định đường phát triển năng lực cho mỗi cá nhân học sinh để từ đó khẳng định vị trí của học sinh đang ở đâu trong đường phát triển năng lực đó.

#### 4.1.2 Xác định đường phát triển năng lực chung

Để xác định đường phát triển năng lực chung, giáo viên cần căn cứ vào mỗi thành tố của từng năng lực và yêu cầu cần đạt của mỗi thành tố năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 để phác hoạ nó. Sau đó, giáo viên cần thiết lập các mức độ đạt được của năng lực với những tiêu chí cụ thể để thu thập minh chứng xác định điểm đạt được của học sinh trong đường phát triển năng lực để ghi nhận và có những tác động điều chỉnh hoặc thúc đẩy.

Ví dụ, giải quyết vấn đề là một trong những năng lực chung cần hình thành cho học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông 2018. Để xác định đường phát triển năng lực giải quyết vấn đề, giáo viên cần thiết lập các mức độ với những tiêu chí cụ thể để căn cứ vào đó thu thập các minh chứng về năng lực giải quyết vấn đề theo các mức độ của học sinh (Bảng 4):

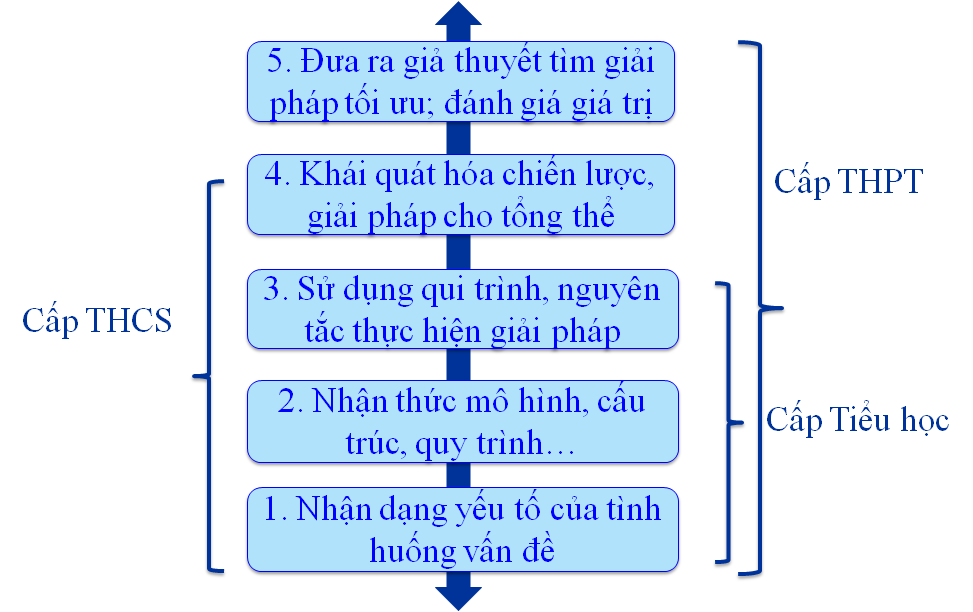
***Bảng 6. Mô tả các mức độ trong đường phát triển năng lực giải quyết vấn đề***

***của học sinh***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên mức** | **Mô tả** |
| **Mức 5: Đưa ra giả thuyết cho giải pháp tổng thể** | Đưa ra giả định làm cơ sở tìm giải pháp tối ưu; đưa ra giải pháp mở cho vấn đề động; biểu thị các mối quan hệ bằng ký hiệu, công thức; đánh giá giá trị của giải pháp. |
| **Mức 4: Khái quát hoá chiến lược, giải pháp cho tình huống tổng thể** | Học sinh bắt đầu tìm hiểu giải pháp, chiến lược để tạo ra giải pháp tổng thể để áp dụng cho một loạt tình huống có vấn đề; có thể khái quát hoá qua công thức, biểu tượng và áp dụng vào những tình huống tổng quát; có thể vận dụng giải pháp trong ngữ cảnh chưa gặp trước đó. |
| **Mức 3: Vận dụng quy trình, nguyên tắc đề thực hiện giải pháp vấn đề** | Học sinh chỉ ra quy trình, nguyên tắc làm cơ sở cho giải pháp vấn đề; nói, vẽ hình, lập bảng, … để mô tả tiếp cận vấn đề; sử dụng thành thạo quy trình, nguyên tắc quen thuộc; bước đầu mở rộng quy trình cho vấn đề ít quen thuộc. |
| **Mức 2: Nhận thức mô hình, cấu trúc, quy trình cho vấn đề** | Học sinh có thể nhận thức được một mô hình, cấu trúc nhưng không nêu được bản chất của nó; có thể vẽ hình, viết, mô tả bằng lời cách giải quyết vấn đề nhưng chưa đầy đủ; bước đầu biến đổi đôi chút các mô hình có sẵn cho tình huống gần tương tự. |
| **Mức 1: Nhận dạng yếu tố** | Học sinh có thể phân tích, nhận dạng được các thành phần, yếu tố khác nhau của nhiệm vụ nhưng không thực hiện bất kỳ hành động giải quyết vấn đề nào. |

Trên cơ sở những minh chứng thu thập được, giáo viên sẽ phân tích, giải thích bằng chứng và viết báo cáo về sự phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh so với yêu cầu cần đạt (Sơ đồ 2):

***Sơ đồ 2: Đường phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh các cấp học***

****

#### 4.1.3 Xác định đường phát triển năng lực đặc thù Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp

| **Năng lực** | **Yêu cầu cần đạt về năng lực trong HĐTN, HN cấp THPT** |
| --- | --- |
| NĂNG LỰC THÍCH ỨNG VỚI CUỘC SỐNG | |
| ***Hiểu biết về bản thân và môi trường sống*** | – Xác định được những nét đặc trưng về hành vi và lời nói của bản thân.  – Thể hiện được sở thích của mình theo hướng tích cực.  – Thể hiện được chính kiến khi phản biện, bình luận về các hiện tượng xã hội và giải quyết mâu thuẫn.  – Giải thích được ảnh hưởng của sự thay đổi cơ thể đến các trạng thái cảm xúc, hành vi của bản thân.  – Tìm được giá trị, ý nghĩa của bản thân đối với gia đình và bạn bè.  – Giải thích được tác động của sự đa dạng về thế giới, văn hoá, con người và môi trường thiên nhiên đối với cuộc sống.  – Nhận biết được những nguy cơ từ môi trường tự nhiên và xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống con người. |
| ***Kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi*** | – Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề trong những tình huống khác nhau.  – Làm chủ được cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp, ứng xử khác nhau.  – Tự chuẩn bị kiến thức và kĩ năng cần thiết để đáp ứng với nhiệm vụ được giao.  – Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau.  – Thể hiện được cách giao tiếp, ứng xử phù hợp với tình huống.  – Biết cách ứng phó với nguy cơ, rủi ro từ môi trường tự nhiên và xã hội. |
| NĂNG LỰC THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG | |
| ***Kĩ năng  lập kế hoạch*** | – Xác định được mục tiêu, đề xuất được nội dung và phương thức phù hợp cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.  – Dự kiến được nhân sự tham gia hoạt động và phân công nhiệm vụ phù hợp cho các thành viên.  – Dự kiến được thời gian hoàn thành nhiệm vụ. |
| ***Kĩ năng thực hiện kế hoạch và điều chỉnh  hoạt động*** | – Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân và linh hoạt điều chỉnh khi cần để đạt được mục tiêu.  – Thể hiện được sự hợp tác, giúp đỡ, hỗ trợ mọi người để cùng thực hiện nhiệm vụ.  – Biết cách tự khích lệ và động viên người khác để cùng hoàn thành nhiệm vụ.  – Giải quyết được vấn đề nảy sinh trong hoạt động và trong quan hệ với người khác. |
| ***Kĩ năng đánh giá hoạt động*** | – Đánh giá được sự hợp lí/chưa hợp lí của kế hoạch hoạt động.  – Đánh giá được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hoạt động.  – Chỉ ra được những đóng góp của bản thân và người khác vào kết quả hoạt động.  – Rút ra được những kinh nghiệm học được khi tham gia các hoạt động. |
| NĂNG LỰC HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP | |
| ***Hiểu biết về nghề nghiệp*** | – Giới thiệu được các nghề/nhóm nghề phổ biến ở địa phương và ở Việt Nam, chỉ ra được vai trò kinh tế – xã hội của các nghề đó.  – Phân tích được yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm nghề mà bản thân quan tâm.  – Trình bày được xu thế phát triển của nghề ở Việt Nam.  – Giới thiệu được các nhóm kiến thức cần học và các cơ sở đào tạo nghề liên quan đến hướng nghề nghiệp.  – Chỉ ra được các công cụ của các ngành nghề, những nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và cách đảm bảo sức khoẻ nghề nghiệp. |
| ***Hiểu biết và rèn luyện phẩm chất, năng lực liên quan đến nghề nghiệp*** | – Hình thành được hứng thú nghề nghiệp và biết cách nuôi dưỡng hứng thú, đam mê nghề nghiệp.  – Chỉ ra được một số điểm mạnh và chưa mạnh về phẩm chất và năng lực của bản thân có liên quan đến nghề yêu thích.  – Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực cơ bản của người lao động.  – Biết giữ an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. |
| ***Kĩ năng ra quyết định và lập kế hoạch học tập theo hướng nghề nghiệp*** | – Lựa chọn được hướng đi phù hợp cho bản thân khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.  – Lập được kế hoạch học tập và rèn luyện phù hợp với hướng đi đã chọn. |

Từ yêu cầu cần đạt về năng lực trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở THPT, khi tham chiếu vào các mức độ trong các thang đo theo tiêu chuẩn, ví dụ thang đo 5 mức (từ 1 đến 5) sau mỗi 1 năm học, giáo viên có thể xây dựng được đường phát triển năng lực của học sinh đó trong năm học, qua từng năm học và cả cấp học. Cũng qua đây, giáo viên có thể nhận thấy sự phát triển các thành tố, chỉ báo của học sinh đó qua từng năm; đồng thời cũng có thể so sánh với học sinh khác, với mức trung bình của toàn lớp, toàn trường để từ đó có những điều chỉnh phù hợp.

Mỗi một chỉ báo được đo ở 5 mức độ khác nhau, tương ứng với các mức độ đạt được về hành vi tạo nên đường phát triển năng lực của từng chỉ báo. Ví dụ *Đường phát triển kĩ năng làm chủ cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau* ứng với 5 mức sẽ có 5 biểu hiện cụ thể về hành vi. Theo dó. Học sinh A năm lớp 10 đạt mức 3 tương đương với biểu hiện hành vi *là Kiềm chế được cảm xúc của bản thân*, năm lớp 12 đạt mức 5 tương đương với biểu hiện hành vi là *Thay đổi cảm xúc một cách tích cực cho phù hợp với tình huống giao tiếp*

**Hình 2: Đường phát triển kĩ năng điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi (thành tố của năng lực thích ứng với cuộc sống)**

**của học sinh A trong 2 năm lớp 10, lớp 12**

**Hình 3: Đường phát triển kĩ năng làm chủ cảm xúc của bản thân trong các tình huống giao tiếp khác nhau (tương ứng với 5 mức độ 1 – 5)**

#### 4.1.4 Phân tích sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh

Trong đánh giá phát triển năng lực học sinh, giáo viên phải ghi nhận sự tiến bộ của học sinh thông qua việc thu thập, mô tả, phân tích, giải thích các hành vi đạt được của học sinh theo các mức độ từ thấp đến cao và đối chiếu nó với các mức độ thuộc các thành tố của mỗi năng lực cần đo (yêu cầu cần đạt của mỗi năng lực trong chương trình giáo dục phổ thông 2018). Dưới đây là sự cụ thể hóa các công việc đó của người giáo viên khi đánh giá phát triển năng lực học sinh.

***\* Thu thập bằng chứng về sự tiến bộ của học sinh***

Có nhiều dạng bằng chứng chứng minh cho sự phát triển năng lực của học sinh như điểm số bài kiểm tra, thành tích học tập, thái độ học tập, động lực, sở thích, chiến lược học tập, mức độ thực hiện hành vi…của học sinh. Tuy nhiên, với một số dạng bằng chứng như kết quả kiểm tra tự luận, hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, thảo luận nhóm, quan sát hành vi…, giáo viên phải vận dụng kinh nghiệm chuyên môn để nhận đinh kết quả đó của học sinh (đánh giá bằng nhận xét). Vì thế, *công cụ giúp tường minh hóa quá trình thu thập chứng cứ để tăng cường tính khách quan hóa trong đánh giá sự tiến bộ của học sinh là Rubric*. *Theo đó, Rubric này sẽ thể hiện rõ quy tắc cho điểm hoặc mã hóa chất lượng hành vi có thể quan sát được của học sinh, nó bao gồm các chỉ số hành vi và tập hợp các tiêu chí chất lượng về các hành vi đó*. Như vậy, căn cứ vào Rubric, giáo viên sẽ sử dụng nó làm tham chiếu để thu thập các bằng chứng về sự tiến bộ của học sinh. Để thiết lập được Rubric này, giáo viên cần:

- Quyết định những kiểu hành vi nào và bao nhiêu hành vi là đủ để rút ra kết luận về sự phát triển năng lực.

- Thiết lập khung đánh giá sự phát triển năng lực. Khung này giáo viên căn cứ vào các thành tố của năng lực và yêu cầu cần đạt của nó (đã được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể) và các kiểu hành vi đã xác định theo yêu cầu trên để có một khung đánh giá sự phát triển năng lực (minh họa ở bảng 1);

- Thiết lập Rubric tham chiếu để thu thập bằng chứng. Trên cơ sở các hành vi trong khung năng lực, giáo viên sẽ phải xác định rõ mức độ đạt được cho mỗi hành vi (tiêu chí chất lượng hành vi) dựa trên của yêu cần đạt của năng lực đã được xác định sẵn trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 (minh họa bảng 2),

***Bảng 7: Khung đánh giá sự phát triển năng lực tự chủ và tự học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **THÀNH PHẦN** | **CHỈ SỐ HÀNH VI** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  **(Tiêu chí chất lượng hành vi)** |
| 1 | Tự lực | 1. Thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống;  2. Có thái độ với những hành vi dựa dẫm, ỷ lại | 1. Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống;  2. Không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. |
| 2 | Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng | 3. Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân;  4. Phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng | 3. Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân;  4. Biết phân biệt quyền, nhu cầuchính đáng và không chính đáng |
| 3 | Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình | 5. Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi  6. Có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; | 5. Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi.  6. Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống;  7. Không đua đòi ăn diện lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy;  8. Không cổ vũ hoặc làm những việc xấu.  9. Biết thực hiện kiên trì kếhoạch học tập, lao động |
| 4 | Thích ứng với cuộc sống | 7. Vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề. | 10. Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới  11. Bình tĩnh trước những thay đổi bất ngờ của hoàn cảnh;  12. Kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định. |
| 5 | Hướng nghề nghiệp | 8. Nhận thức sở thích, khả năng của bản thân.  9. Nắm một số thông tin về các ngành nghề  10. Lựa chọn hướng phát triển sau trung học cơ sở. | 13. Nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân.  14. Hiểu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.  15. Nắm được một sốthông tin chính về các ngành nghề ở địa phương, ngành nghề thuộc các lĩnh vực sản xuất chủ yếu;  16. Lựa chọn được hướng phát triển phù hợp sau trung học cơ sở. |
| 6 | Tự học, tự hoàn thiện | 11. Lập và thực hiện kế hoạch học tập;  13. Nhận ra và điều chỉnh những sai sót, hạn chế của bản thân | 17. Tự đặt được mục tiêu học tập để nỗ lực phấn đấu thực hiện  18..Biết lập và thực hiện kếhoạch học tập;  19. Lựa chọn được các nguồn tài liệu học tập phù hợp;  20. Lưu giữ thông tin có chọn lọc bằng ghi tóm tắt, bằng bản đồ khái niệm, bảng, các từ khoá;  21. Ghi chú bài giảng của giáo viên theo các ý chính.  22. Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chếcủa bản thân khi được giáo viên, bạn bè góp ý;  23. Chủ động tìm kiếm sự hỗ trợcủa người khác khi gặp khó khăn trong học tập.  24. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hộị |

***Bảng 8: Rubric tham chiếu để thu thập bằng chứng cho sự tiến bộ của học sinh thông qua một số hành vi của năng lực tư chủ và tự học***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HÀNH VI** | **MỨC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG (Bằng chứng)** | | |
| MỨC 1 | MỨC 2 | MỨC 3 |
| Thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; | Không chủ động, không tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống | Chủ động, chưa tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; |
| Có thái độ với những hành vi dựa dẫm, ỷ lại | Đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. | Đôi khi không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. | Không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. |
| Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân; | Chưa hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân | Hiểu biết một phần về quyền, nhu cầu cá nhân | Hiểu biết đầy đủ về quyền, nhu cầu cá nhân; |
| Phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng | Chưa phân biệt được quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng | Biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng | Phân biệt rõ quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng |

Rubric trên đây được sử dụng như là một công cụ làm tham chiếu cho mức độ đạt

được mỗi hành vi của học sinh. Tại mỗi mức độ đạt được hành vi của học sinh, sẽ là bằng chứng giáo viên thu thập được (bảng 3).

***Bảng 9: Bằng chứng thu thập được từ hành vi của học sinh để đánh giá***

***năng lực tự chủ và tự học.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HÀNH VI** | **CHẤT LƯỢNG HÀNH VI**  **(bằng chứng)** | **ĐIỂM** |
| Thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; | Không chủ động, không tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống | 0 |
| Có thái độ với những hành vi dựa dẫm, ỷ lại | Không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. | 3 |
| Hiểu biết về quyền, nhu cầu cá nhân; | Hiểu biết đầy đủ về quyền, nhu cầu cá nhân; | 3 |

***\* Phân tích, giải thích bằng chứng***

Mỗi năng lực chung thường được phát triển từ nhiều môn học/lĩnh vực khác nhau, trong đó mỗi môn học/lĩnh vực có thể phát triển một số thành tố, hành vi cụ thể được quy định ở cấu trúc năng lực đó, vì vậy, hoạt động đánh giá năng lực có thể được thực hiện ở 4 cấu phần khác nhau của hệ thống đánh giá học sinh: Đánh giá trên lớp; đánh giá của trường; thi tốt nghiệp; khảo sát quốc gia.

Trong phạm vi tài liệu này, chỉ đề cập đến việc phân tích, giải thích sự tiến bộ của học sinh ở đánh giá trên lớp.

Việc giải thích sự tiến bộ của học sinh ở đánh giá trên lớp chủ yếu sử dụng cách tiếp cận tham chiếu cá nhân (Rubric tham chiếu- minh họa bảng 2) và hướng theo chuẩn đánh giá năng lực (minh họa bảng 1).

Để giải thích cho sự tiến bộ của học sinh, giáo viên có thể tiến hành như sau:

- Thu thập bằng chứng thông qua sản phẩm học tập và quan sát các hành vi của học sinh (những gì học sinh nói, viết, làm và tạo ra), trên cơ sở sử dụng Rubric đã thiết kế làm tham chiếu (đánh dấu những gì quan sát được- minh họa như bảng 3);

- Sử dụng bằng chứng để đánh giá kiến thức, kĩ năng học sinh đã có (những gì học sinh đã biết được, đã làm được) trong thời điểm hiện tại để sẵn sàng cho việc học tập tiếp theo trên cơ sở cấu trúc của năng lực và Rubric tham chiếu.

- Sử dụng bằng chứng để suy đoán những kiến thức, kĩ năng học sinh chưa đạt được và cần đạt được (những gì học sinh có thể học được) nếu được giáo viên hỗ trợ, can thiệp phù hợp với những gì học sinh đã biết và đã làm được. Ở bước này, giáo viên có thể cho học sinh làm các bài test phù hợp để xác định những gì học sinh có thể học được tiếp theo trên cơ sở cấu trúc của năng lực và Rubric tham chiếu;

- Lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.. để giúp học sinh tiếp tục học ở quá trình học tập kế tiếp trên cơ sở những kiến thức, kĩ năng đã có ở quá trình học tập ngay trước đó;

- Hợp tác với các giáo viên khác để thống nhất sử dụng các phương pháp, công cụ thu thập bằng chứng, tập trung xác định những kiến thức, kĩ năng học sinh cần phải có ở quá trình học tập tiếp theo trên cơ sở cấu trúc của năng lực, chia sẻ các biện pháp can thiệp, tác động và quan sát các ảnh hưởng của nó.

**\* Báo cáo sự phát triển năng lực của cá nhân học sinh**

Sự phát triển năng lực của cá nhân học sinh được báo cáo theo hai cách: năng lực tổng thể và từng thành tố của năng lưc.

***- Báo cáo sự phát triển năng lực tổng thể*** (báo cáo sự sẵn sàng học tập)

Báo cáo theo cách này sẽ mô tả mức độ phát triển năng lực tổng kết các kĩ năng mà học sinh đã làm chủ và kĩ năng cần được hỗ trợ thêm. Các thông tin trên nhấn mạnh đến sự sẵn sàng học tập của học sinh cho giai đoạn giáo dục tiếp theo nên còn gọi là báo cáo sự sẵn sàng học tập. Mẫu báo cáo này được cấu trúc làm 3 phần: Phần mở đầu là những thông tin về học sinh: Họ tên, mã học sinh, tên môn học, ngày làm test; phần thứ hai là đường phát triển năng lực với những mô tả chi tiết cho các mức độ; phần thứ ba là vị trí của học sinh trên đường phát triển năng lực (Mẫu 1)

***Mẫu 1: Báo cáo sự phát triển năng lực (tự chủ và tự học) tổng thể của học sinh A***

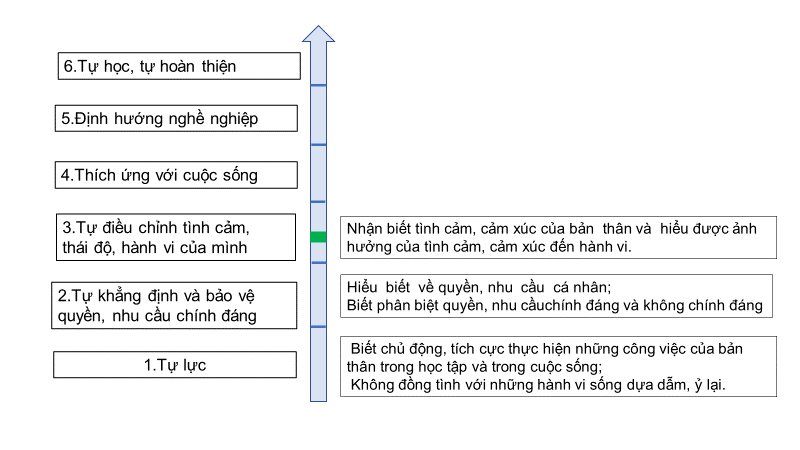
**Họ tên học sinh**: Nguyễn Văn A

**Mã học sinh**: ; **Lớp**: ; **Trường**:

**Môn học**:

**Ngày làm test**:

**Mô tả mức độ phát triển năng lực**:

- Các kĩ năng đã có: Tự lực; tự khẳng định và bảo về quyền, nhu cầu chính đáng của bản thân; tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân mới đang ở mức nhận biết được tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi.

- Các kĩ năng tiếp tục được hình thành: Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình; thích ứng với cuộc sống; hướng nghề nghiệp; tự học, tự hoàn thiện.

**Vị trí của học sinh trên đường phát triển năng lực**: Học sinh A đã làm chủ được kiến thức, kĩ năng ở mức 1, mức 2 và sang đến đầu mức 3, đang sẵn sàng chuyển lên vị trí giữa mức 3 nếu nhận được sự hỗ trợ, can thiệp sư phạm thích hợp.

***- Báo cáo sự tiến bộ của học sinh*** (báo cáo hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp)

***Mẫu 2:******Báo cáo sự tiến bộ của học sinh (trong phát triển năng lực tự chủ và tự học)***

**Họ tên học sinh**: Nguyễn Văn A

**Mã học sinh**: ; **Lớp**: ; **Trường**:

**Môn học**: ; **Ngày làm test**:

**Thành tố/kĩ năng**: Tự học; Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng

**Mô tả mức độ tiến bộ**:



- Ở thành tố Tự lực, học sinh A mới đạt ở mức 1 là chủ động nhưng chưa tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; chưa có thái độ không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại. Với biểu hiện như vậy, học sinh A sắp đạt đến mức 1 (vạch ngang màu tím) và đang sẵn sàng chuyển lên cuối mức 1 nếu nhận được sự hỗ trợ, can thiệp sư phạm thích hợp;

- Ở thành tố Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng, học sinh đã đạt ở mức 2 là biết phân biệt quyền, nhu cầu chính đáng và không chính đáng. Với biểu hiện như vậy, học sinh A sắp đạt đến giữa mức 2 (vạch ngang màu nâu đỏ) và đang sẵn sàng chuyển lên giữa mức 2 nếu nhận được sự hỗ trợ, can thiệp sư phạm thích hợp. Như vậy, ở thành tố này, học sinh có sự tiến bộ hơn so với thành tố Tự lực.

Báo cáo theo cách này thể hiện sự tiến bộ của cá nhân học sinh ở mỗi lĩnh vực học tập hoặc mỗi thành tố thuộc cấu trúc của năng lực. Mẫu báo cáo này cũng gồm 3 phần: Phần mở đầu là những thông tin về học sinh: Họ tên, mã học sinh, tên môn học, ngày làm test, lĩnh vực/ thành tố thuộc cấu trúc của năng lực; phần thứ hai là đường phát triển từng thành tố của năng lực với những mô tả chi tiết cho các mức độ tiến bộ của học sinh; phần thứ ba là vị trí của học sinh trên đường phát triển từng thành tố của năng lực và so với giai đoạn trước (Mẫu 2).

## 4.2 Định hướng đánh giá mục tiêu giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá để đổi mới phương pháp tổ chức Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp.

Ở trung học cơ sở, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) giúp học sinh củng cố thói quen tích cực, nền nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp khi kết thúc giai đoạn giáo dục cơ bản.

HĐTN, HN tạo cơ hội cho học sinh huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học và lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên hoạt động này được thiết kế theo chức năng, nhiệm vụ của chính mình, đáp ứng mục tiêu của hoạt động đề ra và cùng với các môn học, góp phần đạt mục tiêu chung của chương trình tổng thể. Do đó, kiểm tra đánh giá trong HĐTN, HN cũng có những đặc điểm đặc thù riêng:

- Thứ nhất, kiểm tra đánh giá trong HĐTN, HN tập trung chủ yếu đến đánh giá thái độ, hành vi, mức độ sáng tạo của học sinh trước, trong và sau quá trình trải nghiệm. Khác với kiểm tra đánh giá trong dạy học các môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, kiểm tra đánh giá Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp không chú trọng đến đánh giá kiến thức. Điều này không có nghĩa học sinh không cần vận dụng kiến thức để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình trải nghiệm. Để hoàn thành các nhiệm vụ của Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, học sinh cần vận dụng tổng hợp các kiến thức đã có ở các môn học và các hiểu biết xã hội. Do đó, kiểm tra đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn góp phần kiểm tra mức độ vận dụng và sáng tạo những kiến thức, hiểu biết đã có của học sinh trong việc giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong các chủ đề trải nghiệm.

- Thứ hai, tự đánh giá được coi là hình thức quan trọng nhất trong đánh giá đối với hoạt động trải nghiệm.

- Thứ ba, theo tinh thần của chương trình giáo dục phổ thông 2018 sử dụng nhận xét, không sử dụng điểm để đánh giá Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Mức độ đánh giá bằng nhận xét được ghi vào học bạ. Hoạt động trải nghiệm, theo hướng dẫn của Thông tư số: 58/2011/TT-BGDĐT và dự thảo Thông tư số 58 sửa đổi về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông, đối với các môn học được đánh giá dựa trên nhận xét có hai mức Đạt và Chưa đạt (Khoản 2, Điều 10). Ngoài ra, những học sinh có năng khiếu được giáo viên bộ môn ghi thêm nhận xét vào học bạ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện giáo viên có thể sử dụng điểm số để đánh giá trong quá trình để làm cơ sở để đưa ra nhận xét thành các mức đạt, chưa đạt hoặc chưa hoàn thành, hoàn thành, hoàn thành tốt.

# NỘI DUNG 5: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH THPT/THPT

## 5.1 Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuyên môn cho đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong hoạt động trải nghiệm

Việc hỗ trợ đồng nghiệp cho giáo viên phổ thông đại trà sẽ được tổ chức theo 2 hình thức: trực tuyến và trực tiếp.

*Về hình thức trực tuyến,* giáo viên cốt cán sẽ hướng dẫn giáo viên thông qua mạng. sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm, học liệu điện tử và mạng viễn thông về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong hoạt động trải nghiệm.

*Về hình thức trực tiếp,* giáo viên cốt cán sẽ hỗ trợ thông qua bồi dưỡng trực tiếp thông qua: (+) Hỗ trợ tổ chức các khóa bồi dưỡng tập trung (+) Hỗ trợ thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn (sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề)

Hình thực hỗ trợ chuyên môn theo hình thức trực tuyến hay trực tiếp, giáo viên cốt cán cần xây dựng kế hoạch hỗ trợ. Theo đó, bản kế hoạch cần xác định các nội dung cần thiết như sau:

Bước 1: Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai hỗ trợ, bồi dưỡng. Các điều kiện bao gồm (nhân lực, vật lực, tài lực). Cụ thể:

+ Danh sách số lượng giáo viên cần hỗ trợ, bồi dưỡng (Xem phần mẫu danh sách bảng 2)

+ Xác định thời gian, địa điểm, phương tiện, đồ dùng học tập.

+ Xác định các lực lượng tham gia hỗ trợ ( xác định số lượng, nhiệm vụ, các công việc cụ thể mà các lực lượng cần tiến hành)

+ Xác định nền tảng trực tuyến cần chuẩn bị cho việc hỗ trợ (mạng internet, máy tính, học liệu qua mạng….)

+ Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng

Bước 2: Lập bảng kế hoạch. Bản kế hoạch bao gồm các nội dung như sau:

+ Tên bảng kế hoạch

+ Thông tin giáo viên cốt cán tập huấn (Họ tên, chức vụ, bộ môn phụ trách)

+ Tiến trình bồi dưỡng. GV có thể tham khảo theo mẫu sau: (Xem phần minh họa của bảng 1)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hoạt động | Kết quả cần đạt | Thời gian thực hiện | Người phối hợp |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Bước 3: Tổ chức thực hiện theo bản kế hoạch

+ Tiến hành các hoạt động theo bảng kế hoạch đã đề ra.

+ Kết nối và phối hợp cùng các lực lượng khác để có sự điều chỉnh phù hợp

Bước 4: Tổng kết, đánh giá

+ Thu thập các thông tin phản hồi của giáo viên tham gia và các lực lượng tham gia

+ Viết báo cáo, tổng kết và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hỗ trợ, bồi dưỡng giáo viên.

Dưới đây là mẫu kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp và giáo viên (GV), cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông đại trà (CBQL CSGDPT) học tập Mô đun 3.

**MẪU KẾ HOẠCH HỖ TRỢ ĐỒNG NGHIỆP LÀ GV/CBQL CSGDPT ĐẠI TRÀ**

**HỌC TẬP MÔ ĐUN 3**

Họ và tên GV/CBQL cốt cán: …………….

Chức vụ/ môn học phụ trách: …..

Cơ sở giáo dục đang công tác Trường THPT / THPT…………..

**Bảng 1. Kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp học tập Mô đun 3 “*Kiểm tra, đánh giá học sinh THPT/ THPT theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực*”**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động** | **Kết quả cần đạt** | **Thời gian thực hiện (Từ …/…/2020 đến**  **…/ …/2020)** | **Người phối hợp**  *(Giảng viên Sư phạm, Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn,…)* |
| **1** | **Chuẩn bị học tập:**  - Lập danh sách GVPT đại trà được phân công phụ trách  - Hỗ trợ đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng ký tự học trên hệ thống CNTT. | - Danh sách GVPT đại trà được phân công phụ trách;  - Đồng nghiệp hoàn thiện thông tin đăng ký tự học trên Hệ thống CNTT, truy cập học liệu Mô đun 3 trên Hệ thống CNTT thành công. | Từ …/…/ 2020 đến …/…/2020 | Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn |
| **2.** | **Triển khai học tập:**  Hỗ trợ đồng nghiệp tự học Mô đun 3 |  |  |  |
| **2.1.** | ***Hỗ trợ trên hệ thống học tập:***  Thảo luận, góp ý, bài tập, nhắc hoàn thành BT quá trình, cuối khóa, khảo sát, trao đổi với giảng viên sư phạm,…  + Hướng dẫn giáo viên đại trà chương trình tập huấn online, cách khai thác tài nguyên trên mạng,..  + Giáo viên tự học online: xem video, trả lời câu hỏi; làm các bài tập.  + Giáo viên cốt cán theo dõi hoạt động học tập online, hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết. | GVPT đại trà được phân công phụ trách tham gia các hoạt động thảo luận, trao đổi, làm các bài tập liên quan đến nội dung bồi dưỡng. | Từ ngày  …/…/2020 đến ngày  …/…/2020 | Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn |
| **2.2.** | ***Hỗ trợ trực tiếp:***  Sinh hoạt chuyên môn/cụm trường*,…*nhằm trao đổi, thảo luận, hướng dẫn GV đại trà nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt những nội dung của mô đun 3 sau khi học online:  + Các xu hướng hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;  +Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;  + Xây dựng kế hoạch, thiết kế và sử dụng công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong dạy học môn học;  + Phân tích, sử dụng kết quả đánh giá theo đường phát triển năng lực để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp dạy học môn học. | GVPT đại trà được phân công phụ trách tham gia các hoạt động thảo luận, trao đổi và có biên bản, báo cáo kết quả với từng nội dung cụ thể. | Từ ngày  …/…/2020 đến ngày  …/…/2020 | Tổ trưởng chuyên môn |
| **3** | **Đánh giá kết quả học tập:**  Chấm bài tập cuối khóa.  Xác nhận đồng nghiệp hoàn thành Mô đun 3 trên hệ thống LMS. | GVPT đại trà được phân công phụ trách hoàn thành Mô đun 3 (Đạt). | Từ …./…./2020 đến  …./…./2020 |  |

*….., ngày ….. tháng….. năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**  ***(Kí tên, đóng dấu)*** | **NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH**  ***(Kí tên, đóng dấu)*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bảng 2. Danh sách GV/CBQL** **CSGDPT đại trà được hỗ trợ học tập mô đun 3 (\*)** | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Họ và tên GV/CBQL CSGDPT đại trà** | **Năm sinh** | **Giới tính** | **Dân tộc thiểu số (DT)** | **Công tác tại vùng khó** | **Chức vụ** | **Môn học phụ trách** | **Cấp học** | **Cơ sở giáo dục đang công tác** | **Quận/ Huyện** | **Điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:**

GV/CBQL CSGDPT cốt cán có thể theo dõi danh sách này trên hệ thống học tập LMS.

## 5.2. Hướng dẫn thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

#### 5.2.1. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức khóa bồi dưỡng tập trung

Mục tiêu của khóa bồi dưỡng tập trung là giúp giáo viên đại trà sẽ có nhiều hoạt động mang tính thực hành, có cơ hội để trao đổi, tương tác với các giáo viên khác về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất,năng lực.

Vì vậy, để hình thức bồi dưỡng tập trung đạt kết quả tốt cần lưu ý:

- Hướng dẫn GV tìm hiểu trước các tài liệu đọc đặc biệt các phần lý thuyết như: quan điểm tiếp cận, những điểm cốt lõi về hình thức, phương pháp, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng \lực, phẩm chất học sinh ( nội dung 1, nội dung 2)

- Nội dung bồi dưỡng tập trung cần chú ý đến:

+ Những đặc thù của hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông

+ Đặc thù về đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong hoạt động trải nghiệm so với đánh giá theo tiếp cận phẩm chất, năng lực trong môn học.

+ Lựa chọn các công cụ đánh giá, hình thức, phương pháp đánh giá phù hợp với (\*) các mạch nội dung (hướng đến bản thân, hướng đến tự nhiên, hướng đến xã hội, hướng nghiệp); (\*) loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm (sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động giáo dục theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ)

+ Tổ chức thảo luận thông qua việc: phân tích video minh họa và thực hành xây dựng công cụ đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ( Đây là nội dung cần tập trung nhiều nhất để giáo viên nắm rõ cách triển khai đánh giá trong hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp)

#### 5.2.2. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua tổ chức bồi dưỡng qua mạng

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tập huấn qua mạng là việc sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm, học liệu điện tử và mạng viễn thông (chủ yếu là mạng Internet) hỗ trợ các hoạt động tập huấn nhằm đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức tập huấn, nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Để tiến hành bồi dưỡng qua mạng cho giáo viên, cần đảm bảo các yếu tố:

*\* Học liệu số (hay học liệu điện tử):* Là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác.

*\* Hệ thống quản lý học tập qua mạng (LMS - Learning Management System)*: Là hệ thống phần mềm cho phép tổ chức, quản lý và triển khai các hoạt động tập huấn qua mạng từ lúc nhập học đến khi học sinh hoàn thành lớp học qua mạng; giúp đơn vị chủ trì tổ chức lớp tập huấn qua mạng theo dõi và quản lý quá trình học tập của học sinh; tạo ra môi trường dạy và học qua mạng; giúp người dạy tương tác được với học sinh trong việc giao bài tập, trợ giúp, giải đáp; giúp học sinh có thể theo dõi được tiến trình học tập, tham gia các nội dung học qua mạng, kết nối với giáo viên và các học sinh khác để trao đổi bài.

*\* Hệ thống quản lý nội dung học tập qua mạng (LCMS - Learning Content Management System)*là hệ thống phần mềm quản lý kho nội dung học tập qua mạng, cho phép tổ chức lưu trữ và phân phát các nội dung học tập tới học sinh. Hệ thống quản lý nội dung học tập kết hợp với hệ thống quản lý học tập để truyền tải nội dung học tập tới học sinh và phần mềm công cụ soạn bài giảng để tạo ra các nội dung học tập.

*\* Đơn vị chủ trì tổ chức lớp tập huấn qua mạng*: Là đơn vị được cấp có thẩm quyền giao chủ trì nhiệm vụ tổ chức lớp tập huấn.

Trước khi tổ chức tập huấn qua mạng cho giảng viên, cần đảm bảo thực hiện tốt những nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn qua mạng: Ngoài các yêu cầu của kế hoạch tổ chức tập huấn thông thường, kế hoạch tổ chức tập huấn qua mạng phải thể hiện rõ: Hình thức và thời gian tổ chức tập huấn qua mạng; hệ thống thông tin phục vụ tập huấn qua mạng; hướng dẫn cách thức học sinh tham gia các hoạt động của lớp tập huấn qua mạng. Đối với hoạt động kiểm tra thường xuyên và đánh giá cuối lớp tập huấn, cần chỉ rõ các yêu cầu và hình thức tổ chức là thực hiện qua mạng hay thực hiện tập trung.

- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, học liệu điện tử và đưa lên hệ thống quản lý học tập trực tuyến.

- Tạo và mở lớp tập huấn trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến để học sinh có thể sử dụng; cập nhật danh sách học sinh, tài khoản học sinh của lớp tập huấn.

- Gửi thông báo và hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động của lớp tập huấn qua mạng.

Khi tổ chức các hoạt động tập huấn qua mạng cho giáo viên đại trà, cần lưu ý:

- Giáo viên đăng nhập hệ thống quản lý học tập và tự học qua mạng theo quy định và kế hoạch đã được duyệt.

- Người dạy và cố vấn học tập triển khai các nội dung tập huấn theo kế hoạch; theo dõi, đánh giá, trợ giúp học sinh trong suốt quá trình thực hiện lớp tập huấn thông qua hệ thống quản lý học tập trực tuyến và các công cụ giao tiếp qua mạng khác (thư điện tử, họp trực tuyến, mạng xã hội và các kênh giao tiếp khác) đảm bảo học sinh nắm bắt được nội dung và theo kịp tiến độ các hoạt động của lớp tập huấn.

- Cán bộ kỹ thuật quản trị hệ thống thông tin tổ chức tập huấn qua mạng trực và vận hành, điều khiển hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo các điều kiện kỹ thuật phục vụ hoạt động của lớp tập huấn theo như kế hoạch.

- Kiểm tra, đánh giá bằng các hình thức trắc nghiệm hoặc bài luận phù hợp với nội dung và mục tiêu tập huấn.

#### 5.2.3. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các cơ sở giáo dục bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề. Hiệu trưởng cần nắm vững mục đích, nội dung, qui trình thực hiện sinh hoạt tổ/ nhóm chuyên môn để chỉ đạo thực hiện tổ trưởng chuyên môn và giáo viên thực hiện việc bồi dưỡng qua sinh hoạt tổ chuyên môn. Có thể hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực trong sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề như sau:

**\*Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên**

Được tổ chức định kỳ ít nhất 2 lần/tháng theo Điều lệ/quy chế nhà trường, tập trung vào các nội dung:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục đề xuất, thống nhất và thực hiện.

- Thảo luận các quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Trao đổi những kinh nghiệm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ trong dạy học môn học và hoạt động giáo dục;

- Phân tích những thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp, thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Đề xuất các phương hướng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, sử dụng kết qủa đánh giá để ghi nhận sự tiến bộ của học sinh và đổi mới phương pháp dạy học môn học…

**\*. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề**

Hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

- Đặc trưng của kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Hình thức, phương pháp đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Lập kế hoạch đánh giá trong dạy học chủ đề môn học;

- Thiết kế và sử dụng công cụ đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;

- Xử lý và phản hồi kết quả đánh giá;

- Sử dụng kết quả đánh giá.

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả thì cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Do đó, cần chỉ đạo tổ/ nhóm chuyên môn thiết kế các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề gồm các bước sau:

*Bước 1: Công tác chuẩn bị*

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm bộ môn:

+ Dự kiến được nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.

+ Dự kiến những phương tiện gì cần cho hoạt động?

+ Dự kiến sẽ giao những nhiệm vụ gì cho đối tượng nào, thời gian phải hoàn thành là bao lâu? trao đổi, thảo luận, kết nối thông tin như thế nào?

- Bản thân tổ trưởng/nhóm trưởng sẽ làm những việc gì để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kĩ năng làm việc nhóm.

*Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề*

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: Xác định rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, hướng thảo luận rõ ràng; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

- Các thành viên được phân công viết các chủ đề báo cáo nội dung.

- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, biết khêu gợi các ý kiến phát biểu của đồng nghiệp; biết chẻ nhỏ vấn đề thảo luận bằng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

*Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề*

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của chủ đề trong thực tế giảng dạy.

- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có thể thực hiện theo các hình thức khác nhau như: sinh hoạt theo môn học, theo nhóm môn học, sinh hoạt trong nhà trường; sinh hoạt theo cụm trường; sinh hoạt trên "Trường học kết nối". Để tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong các trường; tạo môi trường chia sẻ, thảo luận, hỗ trợ lẫn nhau giữa các nhà trường trên phạm vi toàn quốc; tổ chức các hoạt động học tập và hỗ trợ hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh có thể thực hiện trên "Trường học kết nối" tại địa chỉ website: <http://truongtructuyen.edu.vn>.

#### 5.2.4. Hỗ trợ đồng nghiệp thông qua mô hình hướng dẫn đồng nghiệp

Đây là mô hình hoạt động tương tác giữa các giáo viên với nhau, người có kinh nghiệm giúp đỡ, hướng dẫn người ít kinh nghiệm hơn trong thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Mô hình này sẽ tạo ra động lực bên trong cho mỗi giáo viên trong phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân.

Để thực hiện mô hình này hiệu quả, cần lưu ý:

- Đánh giá đúng thực trạng năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên trong nhà trường, xác định được những đồng nghiệp có khả năng hướng dẫn, trợ giúp các đồng nghiệp khác trong đơn vị;

- Xác định những nội dung bồi dưỡng, hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp với nhu cầu và năng lực của giáo viên, trên cơ sở đó lựa chọn những hình thức và phương pháp hướng dẫn đồng nghiệp phù hợp;

- Xác định những nguồn lực cho công tác hướng dẫn đồng nghiệp từ các chương trình mục tiêu, kinh phí bồi dưỡng hàng năm;

- Xác định rõ người chịu trách nhiệm chính trong quản lý công tác hướng dẫn đồng nghiệp và tự bồi dưỡng của giáo viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

ARC (2014), *The difference between assessment and evaluation*, Academic Resource Center, Duke University, Durham, NC 27708, American.

Bộ Giáo dục và đào tạo, Vụ giáo dục trung học (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Hà Nội.

Nguyễn Văn Cường, B. Meier (2015), *Lý luận dạy học hiện đại*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Nguyễn Công Khanh (chủ biên), Đào Thị Oanh (2019), *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐHSP Hà Nội

Nguyễn Lộc (chủ biên) (2016), *Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

McMillan J. H. (2000), *Đánh giá trong lớp học – những nguyên tắc và thực tiễn để giảng dạy hiệu quả* (Xuất bản lần thứ hai), Allyn & Bacon, USA.

Merry, Robert W (1954), *Preparation to teach a case*, In The Case Method at the Harvard Business School. (ed.) McNair, M.P with A.C. Hersum. New York: McGraw-Hill.

Herried, C.F (1994), *Case studies In Science: A novel Method for Science Education*, Journal of college science teaching, p.221-229.

Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Ngọc Bích, Sái Công Hồng (2013), *Các kĩ thuật đánh giá trong lớp học, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất áp dụng cho bậc học phổ thông ở Việt Nam*, Hà Nội.

Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Lê Thái Hưng, Vũ Phương Liên, Dương Thị Thúy Nga, Lê Thế Tình (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. NXB ĐHSP, Hà Nội

Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Lê Thái Hưng, Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Thanh Thúy, Lê Thế Tình (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trung học cơ sở theo chương trình giáo dục phổ thông mới*. NXB ĐHSP, Hà Nội

Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Lê Thái Hưng, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Thế Tình (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo chương trình giáo dục phổ thông mới (Tiểu học)*. NXB ĐHSP, Hà Nội

Popham W. J. (1998), *Classroom assessment: what teachers need to know* (2nd edition), NXB Allyn & Bacon, USA.

Trần Thị Tuyết Oanh (2009), *Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2017) *Giáo trình Giáo dục học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

KỊCH BẢN VIDEO HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

**1. Phân đoạn 1: Tổ chức thực hiện tự đánh giá**

- Cảnh 1: GV giới thiệu nhiệm vụ của chủ đề Hoạt động trải nghiệm, tổ chức cho hs thảo luận về các tiêu chí cần có để tự đánh giá học sinh trong quá trình tham gia hoạt động.

- Cảnh 2: Học sinh thảo luận, xây dựng phiếu đánh giá.

Cảnh 1, 2 là trước khi tổ chức hoạt động (buổi 1)

- Cảnh 3: Giáo viên tổng hợp kết quả thảo luận thành 1 phiếu đánh giá (chuẩn bị trước – Phiếu đánh giá 01), giới thiệu mẫu phiếu đánh giá, giải thích các tiêu chí đánh giá trong phiếu tự đánh.

- Cảnh 4: Cô giáo chiếu phiếu đánh giá, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.

- Cảnh 5: Học sinh tự đánh giá theo hướng dẫn và thu phiếu đã phát cho học sinh. Cảnh này học sinh tự ngồi tích vào phiếu đánh giá.

- Cảnh 5: Các cá nhân trong nhóm đánh giá chéo (Phiếu đánh giá 02)

Cảnh 3,4,5 là sau khi tổ chức hoạt động(buổi cuối)

**2. Phân đoạn 2: Tổ chức hướng dẫn xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhóm trong hoạt động Trải nghiệm hướng nghiệp**

- Cảnh 1: GV giới thiệu về mục đích, các yêu cầu cần có của một hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (kế hoạch, nhật ký hoạt động).

- Cảnh 2: GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, xác định các công việc cần làm để xây dựng hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của nhóm, phân công nhiệm vụ.

- Cảnh 3: GV giới thiệu một hồ sơ tham gia Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của 1 nhóm học sinh đã thực hiện

Cảnh 1, 2, 3 là trước khi tổ chức hoạt động (buổi 1)

***Thực hiện theo mục 4.1.4 Hoạt động 4: Thảo luận, xây dựng kế hoạch hoạt động***

***4.1.4 Hoạt động 4: Thảo luận, xây dựng kế hoạch hoạt động***

*\* Mục tiêu:* Hoạt động này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lên kế hoạch làm việc cụ thể của từng nhóm và từng cá nhân trong nhóm. Sau hoạt động này mỗi nhóm và mỗi cá nhân trong nhóm nhận biết rõ và có kế hoạch cụ thể để thực hiện nhiệm vụ của nhóm.

*\* Hình thức làm việc:* làm việc nhóm

*\* Cách thức tiến hành:*

- Bước 1: GV dựa vào kết quả của hoạt động 3 để công bố các sản phẩm đầu ra cần có sau hoạt động. Mời đại diện các nhóm bắt thăm sản phẩm đầu ra hoặc mời các nhóm đăng ký.

- Bước 2: GV công bố kế hoạch chung thực hiện hoạt động và địa điểm tuyên truyền, cách thức tuyên truyền.

- Bước 3: GV hướng dẫn các nhóm xây dựng bảng kế hoạch cụ thể. Có thể tham gợi ý dưới đây.

| **BẢNG GỢI Ý NỘI DUNG KẾ HOẠCH LÀM VIỆC NHÓM** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung công việc** | **Phương tiện** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Người thực hiện** |
| 1 | Phân chia nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm và thông báo với các thành viên về tiến độ thực hiện dự án, xin ý kiến góp ý của GV. |  |  |  |  |
| 2 | Tìm kiếm thông tin, chụp ảnh, quay phim, phỏng vấn, lên kịch bản… |  |  |  |  |
| 3 | Tổng hợp thông tin trên Microsoft Word |  |  |  |  |
| 4 | Nộp file tổng hợp thông tin cho giáo viên |  |  |  |  |
| 5 | Thảo luận để thống nhất nội dung của sản phẩm sau khi nhận được phần sửa chữa của giáo viên |  |  |  |  |
| 6 | Thực hiện làm sản phẩm và xin ý kiến góp ý |  |  |
| 7 | Hoàn thiện sản phẩm |  |  |  |  |
| 8 | Nhóm trưởng báo cáo tiến độ thực hiện sản phẩm cho giáo viên |  |  |  |  |
| 9 | Thảo luận phân công công việc liên quan đến buổi trình bày |  |  |  |  |
| 10 | Thực hiện các phiếu đánh giá cá nhân, nhóm… |  |  |  |  |

GV có thể hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin bằng các cách thức khác nhau: qua internet, sách báo, đi thực địa, phỏng vấn người dân.

- Bước 4: GV cung cấp và hướng dẫn sử dụng các phiếu đánh giá và bảng tiêu chí đánh giá cho các nhóm*)*. Nhắc HS sau khi kết thúc nhiệm vụ hoàn thiện và nộp lại cho GV: kế hoạch làm việc nhóm, nhật ký làm việc nhóm, các phiếu đánh giá và hình ảnh minh chứng về quá trình làm việc nhóm.

**BẢNG MÔ TẢ TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM NHÓM**

| **Mức độ**  **Nội**  **dung**  **đánh giá** | **Mức 4**  **(4 điểm)** | **Mức 3**  **(3 điểm)** | **Mức 2**  **(2 điểm)** | **Mức 1**  **(1 điểm)** | **Số điểm** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | Trình bày được: 1. tên gọi, vị trí, lịch sử (nếu có), 2. vai trò, 3. tình trạng ô nhiễm (rác thải, nước thải, mùi, màu nước), 4. nguyên nhân, hậu quả ô nhiễm nước tại địa điểm nghiên cứu. | Trình bày được 4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin. | Trình bày được 3/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác | Trình bày được 2/4 nội dung nhưng còn so sài, ít thông tin hoặc có thông tin chưa chính xác |  | |
| **Hình thức đối với poster, album ảnh/ảnh** | Đúng yêu cầu đặt ra, sinh động, bắt mắt, trình bày khoa học, dễ hiểu có tính liên kết giữa các hình ảnh | Đúng yêu cầu đặt ra, sinh động, bắt mắt, trình bày còn rối chưa khoa học, tính liên kết chưa rõ nét | Đúng yêu cầu đặt ra tuy nhiên còn đơn điệu, sơ sài | Nhầm hình thức trình bày |  | |
| **Hình thức đối với sản phẩm tiểu phẩm, phóng sự** | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản hay hấp dẫn, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị kỹ, phù hợp với kịch bản, huy động tối đa nhân sự nhóm tham gia | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản hay hấp dẫn, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị còn sơ sai nhưng vẫn phù hợp với kịch bản, huy động tối đa nhân sự nhóm tham gia. | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản còn đơn điệu, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị kỹ lưỡng, phù hợp với kịch bản, nhân sự tham gia chỉ ½ thành viên nhóm | Đúng yêu cầu đặt ra, kịch bản còn đơn điệu, hóa trang, đạo cụ sân khấu chuẩn bị sơ sài, nhân sự tham gia nhỏ hơn ½ thành viên nhóm |  | |
| **Cách thức trình bày sản phẩm trước đám đông** | Người trình bày lưu loát, dễ hiểu; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày đôi chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được đa số thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được một nửa thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe | Người trình bày nhiều chỗ chưa lưu loát; Các thành viên trong nhóm trả lời được 2/3 thắc mắc (trong phạm vi tìm hiểu) của người nghe |  | |
| **Tổng điểm** | | | | | |  | |

- Bước 5: GV giải đáp thắc mắc liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ và nhắc lại kế hoạch chung để thực hiện hoạt động.

**3. Phân đoạn 3: Tổ chức đánh giá có sử dụng người đánh giá là cha mẹ học sinh**

- Cảnh 1: GV chia sẻ về mục đích của việc mời phụ huynh tham gia đánh giá trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp. GV quay video để gửi cho phụ huynh qua mạng Internet, các Hội nhóm của lớp trên mạng xã hội hoặc có thể viết dưới dạng thư gửi phụ huynh.

- Cảnh 2: GV giới thiệu 1 bảng kiểm do cha mẹ học sinh thực hiện đánh giá.

# CÁC CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM (dành cho LMS)

1. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đánh giá năng lực?

A. Đánh giá năng lực là đánh giá vì sự tiến bộ của người học so với chính họ.

B. Đánh giá mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng trong khi học.

**C. Đánh giá việc đạt kiến thức, kĩ năng theo mục tiêu của chương trình giáo dục**.

D. Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Nguyên tắc nào sau đây được thực hiện khi kết quả học sinh A đạt được sau nhiều lần đánh giá vẫn ổn định, thống nhất và chính xác?

A. Đảm bảo tính phát triển.

**B. Đảm bảo độ tin cậy.**

C. Đảm bảo tính linh hoạt.

D. Đảm bảo tính hệ thống.

3. Ở cấp độ lớp học, kiểm tra đánh giá nhằm mục đích nào sau đây?

**A. Hỗ trợ hoạt động dạy học.**

B. Xây dựng chiến lược giáo dục.

C. Thay đổi chính sách đầu tư.

D. Điều chỉnh chương trình đào tạo.

4. Theo quan điểm phát triển năng lực, đánh giá kết quả học tập lấy việc kiểm tra khả năng nào sau đây của học sinh làm trung tâm của hoạt động đánh giá?

A. Ghi nhớ được kiến thức.

B. Tái hiện chính xác kiến thức.

C. Hiểu đúng kiến thức.

**D. Vận dụng sáng tạo kiến thức.**

5. Theo thang nhận thức của Bloom, mẫu câu hỏi nào sau đây được sử dụng để đánh giá mức độ vận dụng của HS?

A. Em sẽ thay đổi những nhân tố nào nếu....?

B. Em nghĩ điều gì sẽ xảy ra tiếp theo .... ?

**C. Em có thể mô tả những gì xảy ra .....?**

D. Em sẽ giải thích như thế nào về....?

6. Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của " đánh giá là học tập"

**A. Đánh giá được thực hiện trong suốt quá trình học tập.**

B. Đánh giá chỉ được thực hiện khi kết thúc quá trình học tập.

C. Sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện việc học của chính người học.

D. Xác nhận kết quả học tập của người học để nhằm mục đích phân loại HS.

7. Cung cấp thông tin cho các quyết định dạy học tiếp theo của GV và cung cấp thông tin cho HS nhằm cải thiện thành tích học tập là mục tiêu của quan điểm đánh giá nào sau đây?

**A. Đánh giá vì học tập (assessment for learning).**

B. Đánh giá là học tập (assessment as learning).

C. Đánh giá kết quả học tập (assessment of learning).

D. Đánh giá theo chuẩn ( norm - referenced assessment).

8. Nhận định nào dưới đây **không** đúng về đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp?

A. Là đánh giá mức độ đạt được của học sinh về phẩm chất và năng lực so với các yêu cầu cần đạt.

B. Nhằm xác định vị trí và ghi nhận sự tiến bộ của mỗi học sinh tại thời điểm nhất định.

C. Nhằm cung cấp thông tin để giáo viên điều chỉnh việc tổ chức hoạt động và cơ quan quản lí giáo dục thực hiện phát triển chương trình.

**D. Là đánh giá mức độ ghi nhớ kiến thức của học sinh về những nội dung được trang bị.**

9. Một trong những yêu cầu cần phải đảm bảo khi thực hành đánh giá kết quả giáo dục trong Hoạt động trải nghiệm, hứng nghiệp là kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ hoạt động với đánh giá

**A. thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh.**

B. so sánh giữa học sinh này với các học sinh khác trong lớp học.

C. chủ yếu dựa trên điểm số đạt được của học sinh.

D. thông qua mức độ ghi nhớ về kiến thức của học sinh.

10. "Điền từ hoặc cụm từ dưới đây điền vào chỗ ……. để hoàn thiện khái niệm phẩm chất theo phát biểu của Chương trình Giáo dục THPT 2018. Phẩm chất là những đức tính tốt thể hiện ở …(1)…ứng xử của con người; cùng với …(2)…tạo nên nhân cách con người."

**A. (1) thái độ, hành vi;(2) năng lực**

B. (1) hành vi, năng lực;(2) thái độ

C. (1) thái độ ;(2) hành vi, năng lực

D. (1) năng lực; (2) thái độ, hành vi

11. Nhận định nào sau đây không đúng khi phát biểu về hình thức đánh giá thường xuyên?

A. Đánh giá diễn ra trong quá trình dạy học.

**B. Đánh giá chỉ để so sánh HS này với HS khác.**

C. Đánh giá nhằm điều chỉnh hoạt động dạy học.

D. Đánh giá vì sự tiến bộ của người học.

12. Thu thập các minh chứng liên quan đến kết quả học tập của HS trong quá trình học để cung cấp những phản hồi cho HS và GV biết những gì họ đã làm được so với mục tiêu là

A. khái niệm đánh giá thường xuyên.

**B. mục đích của đánh giá thường xuyên.**

C. nội dung của đánh giá thường xuyên.

D. phương pháp đánh giá thường xuyên.

13. Sau khi tổ chức cho HS các nhóm báo cáo kết quả thảo luận, GV đã sử dụng một bản mô tả cụ thể các tiêu chí đánh giá với các mức độ đạt được của từng tiêu chí để HS đánh giá lẫn nhau. Bản mô tả đó là công cụ đánh giá nào dưới đây ?

A. Bảng hỏi KWLH.

B. Hồ sơ học tập.

**C. Rubric**.

D. Bài tập.

14. Ở trường phổ thông, công cụ đánh giá nào sau đây thường được dùng cho phương pháp quan sát?

**A. Thang đo, bảng kiểm.**

B. Câu hỏi tự luận, bài tập thực tiễn.

C. Phiếu đánh giá theo tiêu chí, hồ sơ học tập.

D. Câu hỏi mở, câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

15. Sau khi tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, GV thường thu thập và lưu giữ các sản phẩm học tập của học sinh làm căn cứ để đánh giá quá trình học tập của từng học sinh. Việc làm này của GV là sử dụng phương pháp đánh giá nào sau đây?

A. Phương pháp quan sát.

B. Phương pháp vấn đáp.

C. Phương pháp kiểm tra viết.

**D. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ hoạt động.**

16. Phát biểu nào sau đây là đúng với đặc điểm của loại hình đánh giá đánh giá tổng kết?

A. Thường được thực hiện khi bắt đầu một giai đoạn giáo dục/học tập, nhằm cung cấp hiện trạng ban đầu về chất lượng HS.

B. Là loại hình đánh giá được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình học tập/giáo dục.

**C. Tiến hành sau một giai đoạn giáo dục/học tập nhằm xác nhận kết quả ở thời điểm cuối của giai đoạn đó.**

D. Nhằm thu thập thông tin phản hồi về chất lượng học tập của HS, từ đó cải thiện cách dạy và học, giúp HS tiến bộ.

17. Nhận định nào sau đây đúng về ưu điểm phương pháp kiểm tra viết trong đánh giá kết quả giáo dục ở trường phổ thông?

A. Có ưu điểm nổi bật là mất ít thời gian đánh giá và có độ tin cậy cao.

B. Có tính khách quan và hạn chế được sự phụ thuộc chủ quan của người chấm.

C. Đo được các mức độ của nhận thức, bao quát được nội dung của chương trình học.

**D. Đánh giá được khả năng diễn đạt, sắp xếp trình bày và đưa ra ý tưởng mới.**

18. Lợi thế nổi bật của phương pháp hỏi đáp trong đánh giá kết quả giáo dục ở trường phổ thông là

A. quan tâm đến cá nhân người học và tạo không khí học tập sôi nổi, sinh động trong giờ học.

B. bồi dưỡng HS năng lực diễn đạt bằng lời nói; bồi dưỡng hứng thú học tập qua kết quả trả lời.

**C. giúp cho việc thu thập thông tin của GV được kịp thời, nhanh chóng cả những thông tin chính thức và không chính thức**.

D. có khả năng đo lường được các mục tiêu cần thiết và khả năng diễn đạt, phân tích vấn đề của người học.

19. Nhận định nào sau đây không đúng khi phát biểu về hình thức đánh giá định kì?

A. Đánh giá diễn ra sau một giai đoạn học tập, rèn luyện.

B. Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS.

**C. Đánh giá cung cấp thông tin phản hồi cho GV và HS nhằm mục tiêu cải thiện hoạt động giảng dạy, học tập.**

D. Đánh giá vì xác định thành tích của HS, xếp loại HS và đưa ra kết luận giáo dục cuối cùng.

20. Muốn đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có của học sinh, giáo viên nên sử dụng những công cụ đánh giá nào sau đây?

A. Bảng hỏi ngắn và kĩ thuật 321.

**B. Sản phẩm hoạt động /Hồ sơ hoạt động**

C. Hồ sơ/thẻ nhớ và bảng kiểm.

D. Thẻ kiểm tra và kĩ thuật KWLH.

21. Đường phát triển năng lực là sự mô tả các mức độ khác nhau của mỗi năng lực mà người học

A. theo dõi và phát hiện được.

**B. cần hoặc đã đạt được.**

C. chắc chắn phải đạt được.

D. có khả năng phát hiện được.

22. Quan niệm nào sau đây là đúng khi phát biểu về đường phát triển năng lực của "Năng lực thích ứng với cuộc sống"?

A. Là sự mô tả các mức độ phát triển các thành tố của Năng lực thích ứng với cuộc sống mà HS cần đạt được.

B. Là sự mô tả các mức độ phát triển các thành tố của Năng lực thích ứng với cuộc sống mà HS đã đạt được.

**B. Là sự mô tả các mức độ phát triển các thành tố của Năng lực thích ứng với cuộc sống mà HS cần hoặc đã đạt được**.

C. Là sự mô tả các mức độ phát triển các thành tố của Năng lực thích ứng với cuộc sống mà HS có khả năng đạt được.

23. Đưa ra những nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp sau mỗi học kì, cả năm học là hình thức thể hiện kết quả đánh giá nào dưới đây?

A. Đánh giá bằng điểm số.

B. Đánh giá kết hợp giữa nhận xét và điểm số.

**C. Đánh giá bằng nhận xét**

D. Miêu tả mức năng lực học sinh đạt được.

24. Để xây dựng đường phát triển năng lực trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, GV cần phải căn cứ vào

A. mục tiêu các chủ đề dạy học.

**B. yêu cầu cần đạt của chương trình.**

C. nội dung dạy học trong chương trình.

D. đối tượng học sinh ở các vùng miền khác nhau.

25. Kết quả đánh giá được cho điểm theo thang điểm từ 0 đến 10 là hình thức thể hiện kết quả đánh giá bằng

A. chỉ số.

B. chỉ báo.

**C. điểm số.**

D. nhận xét.

26. Công cụ đánh giá nào dưới đây sẽ giúp giáo viên trình thu thập chứng cứ để tăng cường hiệu quả đánh giá trong quá trình quan sát hoạt động của học sinh?

**A. Bảng ghi chép**

B. Rubrics.

C. Câu hỏi tự luận.

D. Bài tập tình huống.

27. Hình thức nào dưới đây **không** sử dụng để hỗ trợ đồng nghiệp về kiến thức, kĩ năng tổ chức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS?

A. Tổ chức khóa bồi dưỡng tập trung.

B. Tổ chức bồi dưỡng qua mạng.

**C. Tổ chức thiết kế chủ đề dạy học.**

D. Tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.

28. Văn bản nào dưới đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành có nội dung hướng dẫn các trường phổ thông tổ chức cho GV sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá?

**A. Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, ban hành ngày 12/12/2011.**

B. Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH, ban hành ngày 08/10/2014.

C. Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH, ban hành ngày 03/10/2017.

D. Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, ban hành ngày 26/12/2018.

29. GV đưa ra những nhận xét về sự tiến bộ của HS về thái độ, hành vi, kết quả học tập môn học/ hoạt động giáo dục sau mỗi học kì, cả năm học là

**A. phương thức công bố kết quả đánh giá.**

B. hình thức thể hiện kết quả đánh giá.

C. thiết lập công cụ kiểm tra, dánh giá.

D. giải trình kết quả kiểm tra, đánh giá.

30. GV xây dựng công cụ để đánh giá khả năng lập kế hoạch quản lý thời gian hiệu quả của HS là GV đang đánh giá thành tố của năng lực đặc thù nào dưới đây trong Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp?

**A. Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động.**

B. Năng lực thích ứng với cuộc sống

C. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

D.Năng lực định hướng nghề nghiệp

1. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thj Thanh Hồng, Giáo trình Giáo dục học, Nhà xuất bản ĐHSP, 2017 [↑](#footnote-ref-1)
2. Nguyễn Lộc (chủ biên), Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề, Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam, Hà Nội 2016 [↑](#footnote-ref-2)